

**DANH SÁCH SINH VIÊN ĐƯỢC CÔNG NHẬN TỐT NGHIỆP ĐẠI HỌC
HỆ CHÍNH QUY, ĐỢT 2 - NĂM 2020**

Kèm theo Quyết định số: 1265/QĐ-ĐHV ngày 15 tháng 6 năm 2020 của Hiệu trưởng Trường Đại học Vinh

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
1	165TDV400397	NGUYỄN ĐĂNG TUẤN	ANH	25/07/1998	Nam	Khá	Báo chí
2	165TDV400456	NGUYỄN THỊ HỒNG	ÁNH	12/07/1998	Nữ	Khá	Báo chí
3	165TDV400375	NGUYỄN VĂN	CƯỜNG	16/11/1998	Nam	Khá	Báo chí
4	165TDV400438	LÊ THỊ	DUNG	24/01/1998	Nữ	Khá	Báo chí
5	165TDV400535	TRẦN VĂN	HÀO	17/04/1995	Nam	Khá	Báo chí
6	165TDV400469	LÊ TRỌNG	HỒ	11/08/1998	Nam	Khá	Báo chí
7	165TDV400443	NGUYỄN VĂN	HOÀNG	26/01/1998	Nam	Khá	Báo chí
8	165TDV400234	TRẦN ĐÌNH	HÙNG	21/09/1998	Nam	Khá	Báo chí
9	165TDV400462	HOÀNG THỊ	HUYỀN	30/06/1998	Nữ	Xuất sắc	Báo chí
10	165TDV400593	PHẠM THỊ THANH	HUYỀN	25/02/1998	Nữ	Khá	Báo chí
11	165TDV400408	LÊ THỊ	LINH	15/02/1994	Nữ	Xuất sắc	Báo chí
12	165TDV400475	TRỊNH ĐÌNH	MINH	05/02/1998	Nam	Khá	Báo chí
13	165TDV400230	DƯƠNG THỊ BÍCH	NGỌC	19/10/1998	Nữ	Khá	Báo chí
14	165TDV400376	HỒ THỊ VIỆT	QUÝ	12/05/1998	Nữ	Khá	Báo chí
15	165TDV400505	NGUYỄN THÁI XUÂN	SƠN	19/03/1993	Nam	Giỏi	Báo chí
16	165TDV400418	PHẠM THỊ MAI	SƯƠNG	15/07/1998	Nữ	Khá	Báo chí
17	165TDV400470	NGUYỄN QUỐC	VIỆT	28/07/1998	Nam	Khá	Báo chí
18	155D3201010038	LÊ VĂN	BÍNH	10/04/1996	Nam	Giỏi	Báo chí
19	155D3201010050	NGUYỄN CÔNG	DŨNG	18/07/1996	Nam	Khá	Báo chí
20	155D3201010064	ĐẬU BẬT	HƯNG	26/06/1994	Nam	Khá	Báo chí
21	155D3201010048	NGUYỄN THỊ	LAN	14/07/1997	Nữ	Khá	Báo chí
22	165TDV440643	Thongkham	Dala	04/05/1995	Nữ	Trung bình	Chính trị học
23	165TDV400447	NGUYỄN THỊ	HOÀI	24/01/1998	Nữ	Khá	Chính trị học
24	165TDV400477	HỒ CÔNG	HỢP	09/06/1998	Nam	Xuất sắc	Chính trị học
25	165TDV400379	MAI THỊ	NA	20/03/1998	Nữ	Giỏi	Chính trị học
26	165TDV400433	TRẦN THỊ	NGA	15/11/1997	Nữ	Xuất sắc	Chính trị học
27	165TDV440641	Siaxervang	Porvang	05/02/1996	Nam	Khá	Chính trị học
28	165TDV400384	TRỊNH MẠNH	QUÁT	23/07/1997	Nam	Trung bình	Chính trị học
29	165TDV400485	VI VĂN	SƠN	26/08/1997	Nam	Khá	Chính trị học
30	135D3102010043	Đồng Văn	Dương	24/07/1995	Nam	Trung bình	Chính trị học
31	145D3102010050	Hơ Văn	Vá	13/11/1995	Nam	Trung bình	Chính trị học
32	155D3102010024	Hà Văn	Thường	15/12/1995	Nam	Khá	Chính trị học
33	145D5103010090	Hoàng Văn	Bính	11/08/1996	Nam	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
34	145D5103010077	Nguyễn Đức	Long	10/09/1996	Nam	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
35	145D5103010097	Lê Công	Mạnh	19/05/1994	Nam	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
36	155D5103010020	NGUYỄN NGỌC	ANH	26/07/1997	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
37	155D5103010079	HỒ THANH	ĐẠT	01/07/1997	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
38	155D5103010014	NGUYỄN ĐỨC	ĐẠT	11/05/1997	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
39	155D5103010038	NGUYỄN VĂN	ĐẠT	16/02/1997	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
40	155D5103010078	TRẦN VĂN	HÀ	20/11/1997	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
41	155D5103010088	TRẦN XUÂN	HẠP	02/01/1996	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
42	155D5103010019	NGUYỄN MINH	HÙNG	24/04/1997	Nam	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
43	155D5103010015	TRẦN TRUNG	KHẮC	02/09/1996	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
44	155D5103010057	NGUYỄN VĂN	LĨNH	08/03/1997	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
45	155D5103010028	NGUYỄN VĂN	PHONG	24/09/1997	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
46	155D5103010037	NGUYỄN VĂN	QUANG	18/01/1997	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
47	155D5103010045	NGUYỄN CÔNG	SỬU	16/03/1997	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
48	155D5103010031	CHU VĂN	THƯƠNG	20/06/1997	Nam	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
49	155D5103010021	NGUYỄN VĂN	THƯỜNG	12/04/1997	Nam	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
50	155D5103010072	Hoàng Minh	Tiến	13/06/1996	Nam	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
51	155D5103010073	TRƯƠNG BẠT	TRÂN	22/04/1996	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
52	155D5103010035	CHU VĂN	AN	29/06/1997	Nam	Giỏi	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
53	155D5103010087	NGUYỄN HOÀNG	ANH	16/03/1995	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
54	155D5103010039	NGUYỄN VĂN	CHƯƠNG	03/01/1997	Nam	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
55	155D5103010032	VŨ HUỖNH	ĐỨC	08/06/1996	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
56	155D5103010004	HOÀNG VĂN	GIA	21/07/1997	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
57	155D5103010026	CÙ HUY	HIỀN	26/01/1997	Nam	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
58	155D5103010090	NGUYỄN KHẮC	HOÀNG	12/06/1996	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
59	155D5103010006	TRẦN QUỐC	KHÁNH	06/02/1997	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
60	155D5103010052	NGUYỄN TRUNG	KHOA	21/07/1996	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
61	155D5103010084	ĐẶNG DANH	NGHĨA	25/08/1997	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
62	155D5103010070	TRẦN PHƯƠNG	NGUYỄN	22/09/1997	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
63	155D5103010049	PHAN THANH	PHÚC	24/04/1997	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
64	155D5103010033	TRẦN VĂN	QUÂN	07/03/1997	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
65	155D5103010043	CAO XUÂN	SỸ	28/11/1997	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
66	155D5103010054	ĐẶNG VĂN	TẠO	20/11/1996	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
67	155D5103010034	LÊ VĂN	THỂ	15/10/1996	Nam	Giỏi	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
68	155D5103010023	HỒ THÂN	TUẤN	12/03/1997	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
69	155D5103010041	TRẦN ĐÌNH	TUỆ	18/03/1997	Nam	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật điện, điện tử
70	145D5104010002	Trương Tiến	Anh	23/03/1996	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật Hóa học
71	155D5104010010	ĐÀO THỊ	DUYÊN	11/01/1997	Nữ	Khá	Công nghệ kỹ thuật Hóa học
72	155D5104010008	ĐÀO THỊ	HÀ	13/08/1996	Nữ	Khá	Công nghệ kỹ thuật Hóa học
73	155D5104010013	LÊ THỊ	HIỀN	26/03/1997	Nữ	Khá	Công nghệ kỹ thuật Hóa học

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
74	155D5104010012	LÊ VĂN	KIÊN	11/04/1997	Nam	Xuất sắc	Công nghệ kỹ thuật Hóa học
75	155D5104010007	PHAN YẾN	NHI	07/07/1997	Nữ	Khá	Công nghệ kỹ thuật Hóa học
76	155D5104010014	NGUYỄN THỊ	OANH	10/10/1997	Nữ	Khá	Công nghệ kỹ thuật Hóa học
77	155D5104010011	NGUYỄN THỊ BẢO	OANH	18/09/1997	Nữ	Khá	Công nghệ kỹ thuật Hóa học
78	155D5104010009	VÕ THỊ ÁNH	PHƯƠNG	10/08/1997	Nữ	Khá	Công nghệ kỹ thuật Hóa học
79	155D5104010004	NGUYỄN HỒNG	QUÂN	01/02/1996	Nam	Trung bình	Công nghệ kỹ thuật Hóa học
80	145D5104010009	Trần Xuân	Quang	01/05/1994	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật Hóa học
81	155D5104010001	DƯƠNG THỊ KHÁNH	QUỲNH	06/01/1997	Nữ	Khá	Công nghệ kỹ thuật Hóa học
82	155D5104010005	NGUYỄN THỊ	THU	23/09/1996	Nữ	Khá	Công nghệ kỹ thuật Hóa học
83	155D5104010006	ĐẶNG THỊ THÚY	TRÀ	07/08/1997	Nữ	Khá	Công nghệ kỹ thuật Hóa học
84	155D5104010003	TÔ DUY	TUYẾN	03/11/1997	Nam	Khá	Công nghệ kỹ thuật Hóa học
85	135D4802010204	Nguyễn Đức	Mạnh	28/08/1995	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin
86	135D4802010198	Hoàng Danh	Thường	01/03/1995	Nam	Giỏi	Công nghệ thông tin
87	145D4802010108	Trần Hạnh	Cường	15/02/1995	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin
88	155D4802010242	VI VĂN	BÁO	10/03/1997	Nam	Khá	Công nghệ thông tin
89	155D4802010038	ĐINH THÀNH	ĐẠT	28/08/1996	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin
90	155D4802010229	ĐẶNG VĂN	ĐỨC	06/04/1996	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin
91	155D4802010007	NGUYỄN HỮU	HOÀNG	14/09/1997	Nam	Khá	Công nghệ thông tin
92	155D4802010002	TRẦN HỮU	HOÀNG	18/03/1997	Nam	Giỏi	Công nghệ thông tin
93	155D4802010030	LÊ THỊ	NGỌC	12/07/1996	Nữ	Khá	Công nghệ thông tin
94	155D4802010240	Lê Ngọc	Phát	10/08/1997	Nam	Khá	Công nghệ thông tin
95	155D4802010035	NGUYỄN QUANG	PHONG	19/12/1997	Nam	Khá	Công nghệ thông tin
96	155D4802010153	LÊ THỊ XUÂN	QUỲNH	27/10/1997	Nữ	Khá	Công nghệ thông tin
97	155D4802010011	NGUYỄN DOÃN MINH	THẢO	27/12/1997	Nữ	Giỏi	Công nghệ thông tin
98	155D4802010028	CAO NGỌC	THẾ	19/06/1997	Nam	Khá	Công nghệ thông tin
99	155D4802010045	NGUYỄN SỸ	THÔNG	15/10/1997	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin
100	155D4802010025	TRƯƠNG THANH	TUẤN	05/10/1997	Nam	Khá	Công nghệ thông tin
101	155D4802010043	NGUYỄN MINH	ĐĂNG	20/02/1996	Nam	Khá	Công nghệ thông tin
102	155D4802010049	DƯƠNG VĂN	ĐẠT	26/04/1997	Nam	Giỏi	Công nghệ thông tin
103	155D4802010051	TRẦN THỊ	DUNG	16/12/1996	Nữ	Khá	Công nghệ thông tin
104	155D4802010039	PHAN VĂN	KHẢI	02/09/1997	Nam	Khá	Công nghệ thông tin
105	155D4802010220	NGUYỄN HOÀNG	KIÊN	21/09/1997	Nam	Khá	Công nghệ thông tin
106	155D4802010206	NGUYỄN THỊ	NGỌC	08/04/1997	Nữ	Khá	Công nghệ thông tin
107	155D4802017004	Xayyasın	Phonnasane	08/07/1997	Nam	Khá	Công nghệ thông tin
108	155D4802010050	THÁI BÁ	QUYỀN	03/11/1996	Nam	Khá	Công nghệ thông tin
109	155D4802010069	HOÀNG NGỌC	THẮNG	11/08/1997	Nam	Giỏi	Công nghệ thông tin
110	155D4802017002	Phonexay	Xaymoontee	08/11/1996	Nam	Khá	Công nghệ thông tin
111	155D4802010092	TRẦN MINH	HIẾU	03/11/1997	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin
112	155D4802010088	TRẦN VĂN	MINH	29/09/1997	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
113	155D4802010073	NGUYỄN CẢNH	NGHĨA	10/07/1997	Nam	Khá	Công nghệ thông tin
114	155D4802010231	ĐỖ THỊ	PHÚ	15/01/1997	Nữ	Giỏi	Công nghệ thông tin
115	155D4802010127	NGUYỄN HỮU	QUÂN	03/05/1996	Nam	Khá	Công nghệ thông tin
116	155D4802010078	NGUYỄN KHẮC	QUANG	13/09/1997	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin
117	155D4802010232	TRẦN VĂN	SƠN	14/03/1997	Nam	Khá	Công nghệ thông tin
118	155D4802010102	NGUYỄN XUÂN	TÙNG	29/11/1997	Nam	Khá	Công nghệ thông tin
119	155D4802010203	Lê Văn	Tuyên	22/02/1996	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin
120	155D4802010063	NGUYỄN ĐỨC	BÁ	01/05/1997	Nam	Khá	Công nghệ thông tin
121	155D4802010120	PHẠM VĂN	ĐẠT	10/09/1997	Nam	Khá	Công nghệ thông tin
122	155D4802010131	NGUYỄN ĐỨC	HÙNG	15/11/1995	Nam	Khá	Công nghệ thông tin
123	155D4802010074	TRỊNH XUÂN	KHOA	01/07/1997	Nam	Khá	Công nghệ thông tin
124	155D4802010122	NGUYỄN KIM	LƯƠNG	01/04/1997	Nam	Khá	Công nghệ thông tin
125	155D4802010181	LÊ THỊ THẢO	LY	16/12/1997	Nữ	Khá	Công nghệ thông tin
126	155D4802010205	NGUYỄN CÔNG	THÀNH	11/12/1997	Nam	Trung bình	Công nghệ thông tin
127	155D4802010214	NGUYỄN THỊ	THƠM	10/04/1997	Nữ	Khá	Công nghệ thông tin
128	155D4802010219	PHAN MẠC	TRÍ	06/07/1997	Nam	Khá	Công nghệ thông tin
129	155D4802010223	BÙI QUANG	TRUNG	27/08/1997	Nam	Khá	Công nghệ thông tin
130	155D4802010166	NGUYỄN KẾ	TRƯỜNG	22/09/1997	Nam	Khá	Công nghệ thông tin
131	145D5401010130	Trần Thị	Trang	07/08/1996	Nữ	Trung bình	Công nghệ thực phẩm
132	145D5401010134	Lê Thị Ngọc	Ánh	09/12/1996	Nữ	Trung bình	Công nghệ thực phẩm
133	155D5401010108	HOÀNG THỊ	AN	18/12/1997	Nữ	Giỏi	Công nghệ thực phẩm
134	155D5401010077	HỒ THỊ	ANH	13/10/1997	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm
135	155D5401010110	HOÀNG PHƯƠNG	ANH	22/06/1996	Nữ	Giỏi	Công nghệ thực phẩm
136	155D5401010036	NGUYỄN THỊ	ANH	28/08/1997	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm
137	155D5401010072	NGUYỄN THỊ QUỲNH	ANH	29/10/1997	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm
138	155D5401010104	NGUYỄN VĂN	CHIẾN	12/12/1997	Nam	Trung bình	Công nghệ thực phẩm
139	155D5401010029	VÕ THỊ NGỌC	DIỆP	16/04/1997	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm
140	155D5401010080	ĐÀO THỊ	DUNG	17/01/1997	Nữ	Giỏi	Công nghệ thực phẩm
141	155D5401010109	NGUYỄN THỊ	DUNG	26/11/1997	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm
142	155D5401010034	HỒ THỊ THÙY	DƯƠNG	10/11/1996	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm
143	155D5401010053	THÁI THỊ	HẠ	04/03/1997	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm
144	155D5401010024	TRỊNH THỊ	HẢI	01/09/1996	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm
145	155D5401010061	TĂNG THỊ	HẰNG	20/07/1997	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm
146	155D5401010111	BÙI THỊ THANH	HIỀN	16/12/1997	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm
147	155D5401010062	ĐỖ THỊ NGỌC	HIỀN	20/09/1997	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm
148	155D5401010006	NGUYỄN THỊ	HOA	08/03/1997	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm
149	145D5401010016	Cao Thị	Hoài	15/05/1996	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm
150	155D5401010001	NGUYỄN THỊ	HOÀI	18/04/1997	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm
151	155D5401010027	NGUYỄN THỊ	HUỆ	24/12/1996	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
152	155D5401010018	HỒ PHI	HƯNG	31/08/1997	Nam	Khá	Công nghệ thực phẩm
153	155D5401010047	NGUYỄN PHƯƠNG	LIÊN	17/12/1997	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm
154	155D5401010037	ĐINH THỊ HOÀI	LINH	19/09/1997	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm
155	155D5401010043	HOÀNG THỊ MỸ	LINH	15/12/1997	Nữ	Trung bình	Công nghệ thực phẩm
156	155D5401010112	LÊ THỊ	LINH	15/05/1997	Nữ	Giỏi	Công nghệ thực phẩm
157	155D5401010042	VÕ THỊ	LINH	27/04/1997	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm
158	155D5401010016	THÁI THỊ HỒNG	LĨNH	13/08/1997	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm
159	155D5401010113	NGUYỄN THÀNH	LONG	12/07/1997	Nam	Trung bình	Công nghệ thực phẩm
160	155D5401010056	BÙI THỊ	LÝ	14/01/1997	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm
161	155D5401010045	HOÀNG THỊ TRÀ	MY	03/01/1997	Nữ	Giỏi	Công nghệ thực phẩm
162	155D5401010015	HỒ THỊ NGÂN	NGA	20/05/1997	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm
163	155D5401010054	NGUYỄN THỊ LÂM	OANH	06/10/1997	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm
164	155D5401010049	PHẠM THỊ	QUYÊN	30/03/1997	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm
165	155D5401010003	PHAN THỊ TÚ	QUỲNH	06/12/1995	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm
166	155D5401010067	NGUYỄN HỮU	SÁNG	08/08/1997	Nam	Khá	Công nghệ thực phẩm
167	155D5401010107	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	12/08/1997	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm
168	155D5401010019	TRẦN THỊ	THẢO	14/10/1997	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm
169	155D5401010084	TRƯƠNG HOÀI	THƯƠNG	01/11/1997	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm
170	155D5401010115	NGUYỄN THỊ	TRANG	15/08/1997	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm
171	155D5401010082	PHẠM THỊ	TRANG	10/07/1997	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm
172	155D5401010009	NGÔ THỊ	TRINH	07/05/1997	Nữ	Trung bình	Công nghệ thực phẩm
173	155D5401010098	NGUYỄN THỊ	VÂN	25/09/1997	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm
174	155D5401010044	NGUYỄN THỊ	YẾN	26/03/1997	Nữ	Trung bình	Công nghệ thực phẩm
175	155D5401010033	NGUYỄN THỊ QUỲNH	ANH	29/07/1997	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm
176	155D5401010002	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	07/01/1997	Nữ	Trung bình	Công nghệ thực phẩm
177	155D5401010040	NGUYỄN THỊ	CÚC	18/02/1997	Nữ	Trung bình	Công nghệ thực phẩm
178	155D5401010055	HỒ THỊ	DANH	21/07/1997	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm
179	155D5401010021	TRẦN THỊ	ĐÀO	09/02/1997	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm
180	155D5401010087	LÊ THỊ	DUNG	10/04/1997	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm
181	155D5401010052	VƯƠNG THỊ	DUYÊN	20/12/1997	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm
182	155D5401010039	LÊ THỊ THU	HẢI	26/07/1996	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm
183	155D5401010070	LÊ THỊ VIỆT	HẰNG	01/10/1997	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm
184	155D5401010076	PHAN THỊ	HẰNG	14/07/1997	Nữ	Trung bình	Công nghệ thực phẩm
185	155D5401010105	TRẦN THỊ	HẰNG	10/06/1997	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm
186	155D5401010083	TRẦN THỊ	HIỀN	22/06/1997	Nữ	Giỏi	Công nghệ thực phẩm
187	155D5401010103	VŨ TRỌNG	HIẾU	04/09/1997	Nam	Trung bình	Công nghệ thực phẩm
188	155D5401010079	VĂN ĐÌNH	HỘI	12/06/1997	Nam	Khá	Công nghệ thực phẩm
189	155D5401010025	NGUYỄN VĂN	HÙNG	10/08/1997	Nam	Khá	Công nghệ thực phẩm
190	155D5401010091	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	03/05/1997	Nữ	Giỏi	Công nghệ thực phẩm

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
191	155D5401010059	HOÀNG THỊ	HUYỀN	06/06/1996	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm
192	155D5401010050	TRẦN THỊ	HUYỀN	04/05/1997	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm
193	155D5401010031	CAO THỊ THUY	LINH	21/04/1997	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm
194	155D5401010013	HÀ THỊ	LINH	07/12/1997	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm
195	155D5401010100	NGUYỄN THỊ MỸ	LINH	21/10/1997	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm
196	155D5401010032	NGUYỄN VĂN	LINH	12/09/1997	Nam	Khá	Công nghệ thực phẩm
197	155D5401010090	TRẦN THỊ	LINH	08/03/1997	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm
198	155D5401010063	HỒ THỊ	MỸ	10/10/1996	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm
199	155D5401010116	Nguyễn Thị	Nga	26/12/1996	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm
200	155D5401010010	HÀ THỊ MINH	NGỌC	25/08/1997	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm
201	155D5401010093	NGUYỄN THỊ	NGỌC	09/02/1997	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm
202	155D5401010026	NGUYỄN THỊ	OANH	13/04/1996	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm
203	155D5401010106	HỒ THỊ	PHƯƠNG	20/11/1997	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm
204	155D5401010022	LÊ THỊ NHƯ	QUỲNH	15/12/1997	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm
205	155D5401010058	NGUYỄN THỊ	SOA	20/04/1997	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm
206	155D5401010014	HỒ THỊ	SƯƠNG	20/10/1997	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm
207	155D5401010094	NGUYỄN THỊ	THẢO	10/02/1997	Nữ	Giỏi	Công nghệ thực phẩm
208	155D5401010017	PHAN HUY	TIẾN	27/12/1997	Nam	Trung bình	Công nghệ thực phẩm
209	155D5401010102	HOÀNG THỊ HÀ	TRANG	02/10/1997	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm
210	155D5401010092	PHẠM THỊ KIỀU	TRANG	07/06/1997	Nữ	Giỏi	Công nghệ thực phẩm
211	155D5401010030	CAO XUÂN	VIỆT	01/11/1997	Nam	Trung bình	Công nghệ thực phẩm
212	155D5401010004	LÊ THỊ	YẾN	22/08/1997	Nữ	Khá	Công nghệ thực phẩm
213	165TDV400460	VĂN THỊ NGỌC	ÁNH	05/08/1998	Nữ	Khá	Công tác xã hội
214	165TDV400448	NGÔ VĂN	CƯỜNG	11/12/1998	Nam	Khá	Công tác xã hội
215	165TDV400401	NGUYỄN VĂN	CƯỜNG	18/10/1998	Nam	Khá	Công tác xã hội
216	165TDV400455	TRẦN THỊ	HOÀN	26/10/1997	Nữ	Khá	Công tác xã hội
217	165TDV400415	PHẠM THỊ	HUYỀN	12/04/1996	Nữ	Giỏi	Công tác xã hội
218	165TDV400410	NGUYỄN THỊ	LỜI	06/06/1996	Nữ	Giỏi	Công tác xã hội
219	165TDV400471	TRẦN VĂN	MÂN	09/02/1998	Nam	Giỏi	Công tác xã hội
220	165TDV400413	TRẦN THỊ HOÀI	NAM	20/02/1995	Nữ	Giỏi	Công tác xã hội
221	165TDV400600	NGUYỄN THỊ BẢO	NGỌC	05/01/1997	Nữ	Khá	Công tác xã hội
222	165TDV400457	HÀ LÂM	OANH	18/12/1998	Nữ	Khá	Công tác xã hội
223	165TDV400459	NGUYỄN THẾ	PHƯƠNG	08/08/1996	Nam	Khá	Công tác xã hội
224	165TDV400411	NGUYỄN THỊ	THẨM	20/02/1998	Nữ	Giỏi	Công tác xã hội
225	165TDV400430	NGUYỄN THỊ	THANH	25/08/1998	Nữ	Giỏi	Công tác xã hội
226	165TDV400452	HỒ THỊ THUY	TRANG	17/06/1998	Nữ	Khá	Công tác xã hội
227	135D7601010046	Xeo Thị	Ban	04/08/1994	Nữ	Trung bình	Công tác xã hội
228	145D7601010094	Già Bá	Dềnh	07/03/1995	Nam	Trung bình	Công tác xã hội
229	155D7601010086	NGUYỄN THỊ	LIÊN	30/09/1997	Nữ	Khá	Công tác xã hội

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
230	155D7601010119	Già Bá	Pó	16/03/1996	Nam	Trung bình	Công tác xã hội
231	155D7601010019	NGUYỄN THỊ THANH	TRÀ	15/03/1997	Nữ	Trung bình	Công tác xã hội
232	155D1402051041	LÊ THỊ LINH	CHI	07/05/1997	Nữ	Trung bình	Giáo dục chính trị
233	165D14020100005	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	20/01/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
234	165D14020100043	TRƯƠNG THỊ HỒNG	BÍCH	19/05/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
235	165D14020100078	NGUYỄN THỊ	BÌNH	06/09/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục mầm non
236	165D14020100164	NGUYỄN THỊ	DIỆP	06/08/1998	Nữ	Xuất sắc	Giáo dục mầm non
237	165D14020100111	VI THỊ	ĐÔNG	14/10/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
238	165D14020100084	LÊ THỊ KIỀU	DUNG	14/11/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
239	165D14020100131	NGUYỄN THỊ THÙY	DUNG	11/06/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
240	165D14020100122	VĂN THỊ	DUNG	10/09/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
241	165D14020100077	PHẠM THỊ HẢI	DUYÊN	21/03/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
242	165D14020100162	KHEO THỊ KIỀU	HẠNH	18/11/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục mầm non
243	165D14020100166	PHẠM THỊ THU	HIỀN	04/05/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
244	165D14020100009	THÁI THỊ	HIỀN	18/10/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
245	165D14020100186	LÔ THU	HƯƠNG	08/06/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
246	165D14020100190	ĐÀO THỊ	HUYỀN	30/03/1997	Nữ	Giỏi	Giáo dục mầm non
247	165D14020100217	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	13/07/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
248	165D14020100041	TRẦN THỊ	HUYỀN	09/05/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
249	165D14020100073	TRƯƠNG THỊ KHÁNH	HUYỀN	22/09/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
250	165D14020100150	TẠ THỊ	KÍNH	07/04/1997	Nữ	Giỏi	Giáo dục mầm non
251	165D14020100165	HOÀNG THỊ	LIÊN	16/11/1998	Nữ	Xuất sắc	Giáo dục mầm non
252	165D14020100110	NGUYỄN THỊ	LINH	04/07/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục mầm non
253	165D14020100104	NGUYỄN TRẦN DIỆU	LINH	15/07/1998	Nữ	Xuất sắc	Giáo dục mầm non
254	165D14020100215	THÁI THỊ THÙY	LINH	20/11/1997	Nữ	Giỏi	Giáo dục mầm non
255	165D14020100157	NGUYỄN THỊ	NGÂN	16/02/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
256	165D14020100072	ĐẶNG THỊ NHƯ	NGỌC	15/09/1997	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
257	165D14020100203	TRẦN THỊ	NGỌC	28/02/1998	Nữ	Xuất sắc	Giáo dục mầm non
258	165D14020100160	VÕ THỊ THANH	NHÀN	24/06/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục mầm non
259	165D14020100054	HOÀNG THỊ	PHƯƠNG	30/10/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
260	165D14020100091	NGUYỄN THỊ THÚY	QUỲNH	02/10/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục mầm non
261	165D14020100014	NGUYỄN THỊ	SOA	21/04/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
262	165D14020100034	LÊ THỊ	THẢO	03/05/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
263	165D14020100195	NGUYỄN THỊ	THÊM	28/09/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
264	165D14020100209	NGUYỄN ĐAN	THƯ	10/12/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
265	165D14020100098	LANG THỊ	THƯƠNG	02/09/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
266	165D14020100030	NGUYỄN THỊ	THỦY	10/10/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
267	165D14020100208	PHAN THỊ HỒNG	THỦY	24/02/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
268	165D14020100146	PHẠM THỊ	THÚY	18/01/1997	Nữ	Giỏi	Giáo dục mầm non

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
269	165D14020100189	LÊ THỊ	TRANG	14/01/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
270	165D14020100063	MAI THỊ	TÚ	20/03/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
271	165D14020100065	HOÀNG THỊ THÚY	VÂN	09/06/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
272	165D14020100120	HỒ THỊ	YẾN	10/10/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục mầm non
273	165D14020100088	TRẦN THỊ HẢI	YẾN	15/02/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
274	165D14020100051	PHẠM THỊ	AN	12/10/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
275	165D14020100188	ĐẶNG THỊ LAN	ANH	25/10/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
276	165D14020100052	NGUYỄN QUỲNH	ANH	30/11/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
277	165D14020100082	TRẦN THỊ TRÂM	ANH	12/01/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục mầm non
278	165D14020100024	PHẠM THỊ	ÁNH	28/09/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
279	165D14020100113	LÊ THỊ KHÁNH	CHI	02/12/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
280	165D14020100118	NGUYỄN THỊ LINH	CHI	02/04/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
281	165D14020100046	ĐẶNG THỊ MỸ	DUYỀN	02/06/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục mầm non
282	165D14020100068	ĐẶNG THỊ TRÀ	GIANG	20/10/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục mầm non
283	165D14020100167	CHU THỊ	HÀ	02/10/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
284	165D14020100170	NGUYỄN LÊ MINH	HẰNG	04/09/1998	Nữ	Trung bình	Giáo dục mầm non
285	165D14020100055	NGUYỄN THỊ	HẠNH	16/02/1997	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
286	165D14020100103	VI THỊ THU	HIỀN	26/02/1997	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
287	165D14020100116	HỒ THỊ NGỌC	HIỆP	19/12/1998	Nữ	Xuất sắc	Giáo dục mầm non
288	165D14020100056	NGUYỄN THỊ	HIẾU	15/02/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục mầm non
289	165D14020100097	LÊ THỊ THU	HƯƠNG	19/07/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
290	165D14020100171	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	02/01/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục mầm non
291	165D14020100033	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	01/08/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục mầm non
292	165D14020100026	NGUYỄN THỊ KHÁNH	HUYỀN	25/04/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục mầm non
293	165D14020100213	HOÀNG THỊ THÙY	LINH	27/10/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục mầm non
294	165D14020100002	LỮ THỊ THÙY	LINH	20/06/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
295	165D14020100090	LƯƠNG KHÁNH	LINH	01/09/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
296	165D14020100136	NGUYỄN THỊ	LINH	04/07/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
297	165D14020100123	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	LINH	11/09/1997	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
298	165D14020100193	NGUYỄN THỊ CẨM	LY	16/04/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
299	165D14020100183	PHAN THỊ	LÝ	06/11/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
300	165D14020100094	NGUYỄN THỊ	NGÁT	07/06/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
301	165D14020100093	HÀ HỒNG	NHUNG	14/04/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
302	165D14020100096	NGUYỄN THỊ	OANH	14/09/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
303	165D14020100010	ĐINH THỊ ANH	PHƯƠNG	16/10/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
304	165D14020100004	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	12/11/1997	Nữ	Giỏi	Giáo dục mầm non
305	165D14020100085	CÙ THỊ	QUỲNH	03/01/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục mầm non
306	165D14020100152	ĐÀO THỊ	THẨM	07/05/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục mầm non
307	165D14020100133	LÔ THỊ MINH	THƠ	19/11/1996	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
308	165D14020100148	NGUYỄN THỊ	THOẠI	05/01/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục mầm non
309	165D14020100128	VƯƠNG THỊ HUYỀN	THỤC	07/08/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục mầm non
310	165D14020100071	NGUYỄN THỊ	THƯƠNG	22/05/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
311	165D14020100015	TRẦN HOÀI	THƯƠNG	05/03/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
312	165D14020100061	NGUYỄN THỊ	THUY	17/09/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục mầm non
313	165D14020100042	LÊ THỊ DIỆU	THÚY	16/06/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục mầm non
314	165D14020100076	NGUYỄN THỊ	TRÀ	27/11/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
315	165D14020100011	NGUYỄN THỊ	TRANG	11/02/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục mầm non
316	165D14020100139	PHẠM THỊ QUỲNH	TRANG	11/11/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
317	165D14020100151	NGUYỄN THỊ	TÚ	02/05/1998	Nữ	Xuất sắc	Giáo dục mầm non
318	165D14020100105	HỒ THỊ	TƯƠI	29/05/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
319	165D14020100095	NGUYỄN THỊ	UYÊN	14/06/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
320	165D14020100127	TRƯƠNG HOÀI	AN	04/06/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
321	165D14020100204	TRƯƠNG MAI	AN	28/06/1997	Nữ	Trung bình	Giáo dục mầm non
322	165D14020100198	NGUYỄN THỊ THÁI	BÌNH	18/10/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
323	165D14020100121	NGUYỄN THỊ THÙY	DUNG	20/01/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục mầm non
324	165D14020100099	HỒ THỊ	GIANG	12/04/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
325	165D14020100032	NGUYỄN THỊ TRÀ	GIANG	20/01/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
326	165D14020100211	NGUYỄN THỊ	HÀ	28/01/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
327	165D14020100012	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	09/02/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
328	165D14020100112	TRỊNH THỊ	HẰNG	14/02/1998	Nữ	Trung bình	Giáo dục mầm non
329	165D14020100108	HỒ THỊ	HẠNH	01/09/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
330	165D14020100224	NGUYỄN THỊ	HẬU	15/06/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
331	165D14020100039	SẦM THỊ THANH	HIẾU	28/12/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
332	165D14020100003	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	10/10/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục mầm non
333	165D14020100147	ĐẶNG THỊ THUỶ	LINH	27/10/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
334	165D14020100037	LÊ THỊ	LINH	21/04/1997	Nữ	Xuất sắc	Giáo dục mầm non
335	165D14020100025	LƯƠNG THỊ THỤC	LINH	28/12/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
336	165D14020100083	TRỊNH THỊ THÙY	LINH	23/04/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
337	165D14020100137	LÊ THỊ	LY	10/02/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
338	165D14020100074	NGUYỄN THỊ LÂM	NGUYỆT	25/11/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
339	165D14020100214	PHẠM THỊ	NHÂN	24/08/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
340	165D14020100045	NGÔ THỊ KIM	OANH	12/10/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục mầm non
341	165D14020100101	BÙI THỊ	SIÊU	27/12/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
342	165D14020100124	NGUYỄN THỊ	SƯƠNG	27/08/1998	Nữ	Trung bình	Giáo dục mầm non
343	165D14020100220	LỘC THỊ	THẨM	12/03/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
344	165D14020100179	NGUYỄN THỊ	THẨM	24/05/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
345	165D14020100138	PHÙNG THỊ	THƠ	21/11/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục mầm non
346	165D14020100019	TRẦN THỊ KIM	THOẠI	22/09/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục mầm non

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
347	165D14020100114	LÊ THỊ	THƯƠNG	17/02/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
348	165D14020100062	VŨ THỊ	THƯƠNG	02/06/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
349	165D14020100225	HOÀNG THỊ	THÚY	15/08/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
350	165D14020100040	TRẦN THỊ	THÚY	22/04/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục mầm non
351	165D14020100027	NGUYỄN THỊ NGỌC	TRÂM	14/11/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục mầm non
352	165D14020100194	NGÂN THỊ	TRANG	01/09/1997	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
353	165D14020100153	TRƯƠNG THỊ THU	TRANG	21/06/1997	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
354	165D14020100132	NGUYỄN THỊ MAI	TRÚC	02/02/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
355	165D14020100006	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	TÚ	10/01/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
356	165D14020100182	TRẦN THỊ THU	UYÊN	10/12/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
357	165D14020100059	NGUYỄN BẢO	ANH	18/07/1997	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
358	165D14020100058	NGUYỄN LÂM	ANH	05/12/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
359	165D14020100079	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	02/08/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
360	165D14020100197	TRẦN THỊ NGỌC	ANH	13/07/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục mầm non
361	165D14020100221	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	03/11/1998	Nữ	Xuất sắc	Giáo dục mầm non
362	165D14020110233	TRẦN THỊ NGỌC	BÍCH	28/04/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
363	165D14020110228	ĐÌNH THỊ	CÚC	20/05/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
364	165D14020100044	NGUYỄN THỊ THU	DUNG	16/03/1997	Nữ	Giỏi	Giáo dục mầm non
365	165D14020110226	ĐÌNH THỊ LINH	GIANG	04/12/1997	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
366	165D14020100145	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	GIANG	10/03/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
367	165D14020100013	NGUYỄN THỊ	HIỀN	01/08/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục mầm non
368	165D14020100149	NGUYỄN THỊ THANH	HIỀN	23/11/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
369	165D14020100066	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	10/12/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
370	165D14020100069	LƯƠNG THỊ	HUYỀN	25/04/1996	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
371	165D14020100219	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	20/01/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
372	165D14020100158	NGUYỄN THỊ KHÁNH	HUYỀN	18/01/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục mầm non
373	165D14020110235	THÁI THỊ NGỌC	HUYỀN	03/12/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
374	165D14020100057	TÔ KHÁNH	HUYỀN	25/06/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
375	165D14020110241	DƯƠNG THỊ	LÀI	25/07/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
376	165D14020100067	HOÀNG THỊ MỸ	LINH	06/08/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
377	165D14020100048	LÂM THỊ	LINH	05/10/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
378	165D14020100089	LÊ DIỆU	LINH	06/01/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
379	165D14020100070	NGUYỄN THỊ	LINH	08/07/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
380	165D14020100168	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	01/03/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
381	165D14020110229	NGUYỄN THỊ	LƯƠNG	10/11/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
382	165D14020100207	HỒ THỊ ÁNH	NGỌC	16/08/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục mầm non
383	165D14020110240	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	10/01/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
384	165D14020100125	NGUYỄN THỊ HỒNG	QUYÊN	04/03/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
385	165D14020100187	NGUYỄN THỊ	QUỲNH	20/07/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục mầm non

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
386	165D14020110232	VÕ THỊ	SƯƠNG	11/03/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
387	165D14020100223	NGUYỄN THỊ	TÂM	05/10/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
388	165D14020110234	VÕ THỊ PHƯƠNG	THẢO	19/05/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
389	165D14020100222	NGUYỄN THỊ ANH	THƠ	16/12/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
390	165D14020110227	TRẦN THỊ	THÚY	02/08/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
391	165D14020100178	VƯƠNG THỊ HUYỀN	TRANG	26/05/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
392	165D14020100008	ĐÀU THỊ CẨM	TÚ	28/12/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
393	165D14020100001	NGUYỄN THỊ	TÚ	05/03/1997	Nữ	Giỏi	Giáo dục mầm non
394	165D14020100191	TRẦN THỊ	UYÊN	06/04/1996	Nữ	Giỏi	Giáo dục mầm non
395	165D14020100159	TRẦN THỊ HẢI	YẾN	05/06/1998	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
396	145D1402010071	Nguyễn Thị Ngọc	Huyền	27/05/1996	Nữ	Trung bình	Giáo dục mầm non
397	145D1402010027	Phan Thị Phương	Dung	04/11/1995	Nữ	Trung bình	Giáo dục mầm non
398	145D1402010061	Nguyễn Như	Quỳnh	03/02/1996	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
399	155D1402011091	NGUYỄN THỊ HỒNG	LAM	18/10/1997	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
400	155D1402011128	LÊ THỊ MỸ	LINH	01/08/1997	Nữ	Trung bình	Giáo dục mầm non
401	155D1402011112	NGUYỄN THỊ	TRÂM	29/12/1997	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
402	155D1402011035	LÊ THỊ THU	HÀ	20/12/1996	Nữ	Giỏi	Giáo dục mầm non
403	155D1402011086	NGUYỄN THỊ DIỆU	LINH	06/09/1997	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
404	155D1402011124	BÙI THỊ MAI	SƯƠNG	10/07/1997	Nữ	Khá	Giáo dục mầm non
405	155D1402011076	NGUYỄN THỊ MAI	THƯƠNG	18/10/1997	Nữ	Trung bình	Giáo dục mầm non
406	165TDV600306	BÙI CÔNG	BẰNG	28/02/1996	Nam	Khá	Giáo dục Quốc phòng – An ninh
407	165TDV600319	HÀ VĂN	CÁNG	10/02/1998	Nam	Khá	Giáo dục Quốc phòng – An ninh
408	165TDV600297	HỒ ĐÌNH	CHÍ	19/05/1997	Nam	Khá	Giáo dục Quốc phòng – An ninh
409	165TDV600004	HÀ THÁI	CƯỜNG	03/02/1997	Nam	Khá	Giáo dục Quốc phòng – An ninh
410	165TDV600277	LÊ MỸ	DUYÊN	02/07/1996	Nữ	Khá	Giáo dục Quốc phòng – An ninh
411	165TDV600347	LÊ THỊ	HẰNG	22/08/1998	Nữ	Khá	Giáo dục Quốc phòng – An ninh
412	165TDV610375	TRƯƠNG THỊ	HẰNG	11/12/1998	Nữ	Khá	Giáo dục Quốc phòng – An ninh
413	165TDV600105	NGUYỄN TẤN	HẬU	08/05/1996	Nam	Khá	Giáo dục Quốc phòng – An ninh
414	165TDV600325	LÊ VĂN	HÙNG	28/06/1995	Nam	Khá	Giáo dục Quốc phòng – An ninh
415	165TDV600285	CAO THỊ KIM	OANH	22/11/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục Quốc phòng – An ninh
416	165TDV600287	HOÀNG THỊ	PHƯƠNG	22/08/1998	Nữ	Khá	Giáo dục Quốc phòng – An ninh
417	165TDV600311	LÔ VĂN	QUANG	15/01/1998	Nam	Khá	Giáo dục Quốc phòng – An ninh
418	165TDV600082	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	14/07/1998	Nữ	Khá	Giáo dục Quốc phòng – An ninh
419	165TDV600304	TRƯƠNG THỊ	THƠ	26/06/1998	Nữ	Khá	Giáo dục Quốc phòng – An ninh
420	165TDV600291	LƯƠNG VĂN	THÔNG	06/10/1997	Nam	Khá	Giáo dục Quốc phòng – An ninh
421	165TDV600269	TRẦN THỊ	THƯ	20/10/1998	Nữ	Khá	Giáo dục Quốc phòng – An ninh
422	165TDV600301	PHAN SỸ	THỦY	13/06/1997	Nam	Khá	Giáo dục Quốc phòng – An ninh
423	165TDV600332	VŨ THỊ THU	TRANG	19/02/1998	Nữ	Khá	Giáo dục Quốc phòng – An ninh
424	165TDV610140	PHAN THỊ THÙY	VÂN	21/01/1998	Nữ	Khá	Giáo dục Quốc phòng – An ninh

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
425	135D1402061028	Hồ Đức	Mạnh	10/02/1995	Nam	Khá	Giáo dục thể chất
426	165TDV600087	ĐÀO THỊ NGỌC	AN	06/03/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
427	165TDV600219	HỦN VI	AN	10/07/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục tiểu học
428	165TDV600044	DƯƠNG THỊ VÂN	ANH	06/08/1998	Nữ	Xuất sắc	Giáo dục tiểu học
429	165TDV600005	NGUYỄN THỊ LAN	ANH	28/07/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
430	165TDV600182	NGUYỄN THỊ MINH	ANH	05/10/1997	Nữ	Xuất sắc	Giáo dục tiểu học
431	165TDV600243	NGUYỄN THỊ QUỲNH	ANH	21/02/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục tiểu học
432	165TDV600272	NGUYỄN THỊ TÚ	ANH	02/09/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
433	165TDV600178	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	27/04/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
434	165TDV600052	ĐỖ THỊ	ÁNH	16/01/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
435	165TDV600043	LO THỊ	ÁNH	02/02/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
436	165TDV600077	LÔ THỊ	ÁNH	17/02/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
437	165TDV600191	LÔ THỊ NGỌC	ÁNH	15/02/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
438	165TDV600257	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	20/01/1997	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
439	165TDV600292	THÁI THỊ NGỌC	ÁNH	09/06/1996	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
440	165TDV600107	TRƯƠNG THỊ HỒNG	BẢO	27/03/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
441	165TDV600122	HỒ VIỆT	BIÊN	17/09/1995	Nam	Khá	Giáo dục tiểu học
442	165TDV600240	LƯƠNG THỊ	BIÊN	02/06/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
443	165TDV600074	NGÔ AN	BÌNH	14/07/1997	Nữ	Giỏi	Giáo dục tiểu học
444	165TDV600041	BÙI THỊ	CẢNH	20/11/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
445	165TDV600278	LÊ NGUYỄN LINH	CHI	16/09/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục tiểu học
446	165TDV600163	LÝ THỊ KIM	CHI	12/02/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
447	165TDV600093	CAO NGỌC LINH	ĐAN	15/02/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
448	165TDV600352	MẠC THỊ NGỌC	DIỄM	14/11/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
449	165TDV600235	XÊNH THỊ NGỌC	DIỆP	15/07/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục tiểu học
450	165TDV600198	LÔ THỊ	DINH	17/08/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
451	165TDV600217	LÊ THỊ THÙY	DUNG	05/05/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
452	165TDV600167	LƯƠNG THỊ	DUNG	28/03/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
453	165TDV600241	PHẠM THÙY	DUNG	01/05/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
454	165TDV600281	QUANG THỊ THÙY	DUNG	13/09/1997	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
455	165TDV600019	SẦM LÊ	DUNG	04/07/1998	Nữ	Xuất sắc	Giáo dục tiểu học
456	165TDV600208	SẦM THỊ	DUNG	06/05/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục tiểu học
457	165TDV600099	PHAN THỊ ÁNH	DƯƠNG	03/07/1996	Nữ	Xuất sắc	Giáo dục tiểu học
458	165TDV600228	ĐÌNH THỊ	DUYÊN	03/07/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục tiểu học
459	165TDV600155	LÔ KIỀU	GIANG	10/04/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
460	165TDV600103	LƯƠNG THỊ HƯƠNG	GIANG	06/12/1998	Nữ	Trung bình	Giáo dục tiểu học
461	165TDV600111	NGUYỄN THỊ	GIANG	08/10/1997	Nữ	Giỏi	Giáo dục tiểu học
462	165TDV600260	NGUYỄN THỊ	GIANG	05/11/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
463	165TDV600214	NGUYỄN THỊ	GIANG	03/09/1997	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
464	165TDV600215	PHẠM THỊ HÀ	GIANG	24/05/1997	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
465	165TDV600141	TRẦN THỊ	GIANG	06/07/1997	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
466	165TDV600012	TRẦN THỊ TRÀ	GIANG	07/03/1997	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
467	165TDV600088	VI THỊ	GIANG	10/01/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
468	165TDV600268	LƯU THỊ	HÀ	01/06/1997	Nữ	Giỏi	Giáo dục tiểu học
469	165TDV600204	NGÔ THỊ VIỆT	HÀ	01/01/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
470	165TDV600006	NGUYỄN THỊ KHÁNH	LINH	11/12/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục tiểu học
471	165TDV600370	Đặng Thị Thúy	Quỳnh	11/04/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
472	165TDV600022	LÊ THỊ	THU	16/05/1997	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
473	165TDV600096	LANG THỊ THÚY	HÀ	27/01/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
474	165TDV600080	LƯƠNG THỊ	HÀ	06/04/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
475	165TDV600034	VI THỊ	HÀ	30/11/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục tiểu học
476	165TDV600357	NGUYỄN KHÁNH	HẠ	15/07/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
477	165TDV600033	LANG THỊ	HẢI	05/07/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục tiểu học
478	165TDV600211	ĐÀO THỊ	HÂN	17/06/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục tiểu học
479	165TDV600200	HỒ THỊ THU	HẰNG	17/04/1998	Nữ	Xuất sắc	Giáo dục tiểu học
480	165TDV600037	NGÂN THỊ	HẰNG	10/10/1996	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
481	165TDV600232	NGUYỄN THỊ	HẰNG	08/01/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
482	165TDV600067	TRẦN THỊ	HẰNG	12/05/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
483	165TDV600258	ĐÀO THỊ	HẠNH	09/12/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục tiểu học
484	165TDV600083	ĐỖ THỊ	HẠNH	21/07/1997	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
485	165TDV600079	HỒ THỊ MỸ	HẠNH	04/10/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
486	165TDV600100	LÊ THỊ THU	HIỀN	19/05/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
487	165TDV600072	NGUYỄN THỊ MINH	HIỀN	03/05/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục tiểu học
488	165TDV600053	VI THỊ	HÒA	17/06/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
489	165TDV600143	CAO THỊ	HOÀI	02/05/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục tiểu học
490	165TDV600177	LƯƠNG THỊ	HỒNG	25/05/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
491	165TDV600173	VÕ THỊ	HỢP	17/04/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
492	165TDV600013	ĐẶNG THỊ	HUYỀN	17/01/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
493	165TDV600058	LÊ THỊ KHÁNH	HUYỀN	14/04/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
494	165TDV600125	LÊ THỊ KHÁNH	HUYỀN	22/01/1998	Nữ	Trung bình	Giáo dục tiểu học
495	165TDV600230	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	13/06/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
496	165TDV600343	NGUYỄN THỊ KHÁNH	HUYỀN	18/12/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
497	165TDV600206	PHẠM THỊ	HUYỀN	28/06/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
498	165TDV600299	HỒ THỊ KIM	KHÁNH	08/03/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
499	165TDV600028	KIM THỊ HIẾU	KIỆNG	24/08/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
500	165TDV600064	LÔ THỊ ÁI	KIỀU	05/03/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
501	165TDV600039	LÊ THỊ	LAM	18/09/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
502	165TDV600224	TRẦN THỊ HỒNG	LAM	14/04/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục tiểu học

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
503	165TDV600081	VÕ THỊ	LAM	24/09/1998	Nữ	Xuất sắc	Giáo dục tiểu học
504	165TDV600147	VI THỊ	LAN	08/01/1996	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
505	165TDV600199	LÊ NGUYỄN PHƯƠNG	LINH	16/02/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
506	165TDV600203	LƯU HOÀNG	LINH	09/05/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục tiểu học
507	165TDV600218	NGUYỄN THỊ	LINH	20/06/1997	Nữ	Trung bình	Giáo dục tiểu học
508	165TDV600116	NGUYỄN THỊ	LINH	28/06/1998	Nữ	Trung bình	Giáo dục tiểu học
509	165TDV600267	NGUYỄN THỊ MAI	LINH	23/02/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
510	165TDV600187	NGUYỄN THỊ NGỌC	LINH	03/04/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
511	165TDV600097	PHẠM THỊ HÀ	LINH	17/05/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
512	165TDV600201	PHẠM THỊ TRANG	LINH	26/10/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
513	165TDV600339	VI THỊ	LINH	21/01/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
514	165TDV600010	CAO THỊ	LINH	22/05/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
515	165TDV600089	TRẦN THỊ	LOAN	23/10/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
516	165TDV600194	LŨ THỊ	LUẬN	12/01/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
517	165TDV600091	TRẦN THỊ HOÀI	LƯƠNG	25/02/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
518	165TDV600210	TRẦN THỊ	LƯU	14/04/1997	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
519	165TDV600265	TRƯƠNG THỊ	LƯU	05/04/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
520	165TDV600295	ĐOÀN THỊ	LY	20/07/1998	Nữ	Xuất sắc	Giáo dục tiểu học
521	165TDV600170	LƯƠNG KHÁNH	LY	27/10/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục tiểu học
522	165TDV600225	VI THỊ HƯƠNG	LY	22/04/1997	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
523	165TDV600195	XẾN NGỌC	LY	01/11/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
524	165TDV600021	THÁI THỊ	MAI	10/08/1997	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
525	165TDV600171	NGUYỄN THỊ	MINH	25/01/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
526	165TDV600321	SÂM THỊ HÀ	MY	30/08/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
527	165TDV600135	VI THỊ	MỸ	07/08/1996	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
528	165TDV600110	VI THỊ	MỸ	24/08/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục tiểu học
529	165TDV600169	LÊ LÊ	NA	15/01/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
530	165TDV600346	NGUYỄN LÊ	NA	13/06/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
531	165TDV600084	VÕ THỊ LÊ	NA	29/11/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
532	165TDV600066	NGUYỄN THỊ	NGỌC	23/09/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
533	165TDV600112	NGUYỄN THỊ HỒNG	NGỌC	25/02/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
534	165TDV600009	TRẦN THỊ	NGỌC	06/05/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
535	165TDV600348	VI THỊ	NGỌC	28/03/1998	Nữ	Xuất sắc	Giáo dục tiểu học
536	165TDV600176	TRƯƠNG THỊ	NGUYỆT	25/06/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
537	165TDV600222	NGÂN THỊ THANH	NHÀN	02/11/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục tiểu học
538	165TDV600150	PHẠM THỊ	NHÀN	24/10/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục tiểu học
539	165TDV600320	TRƯƠNG THỊ	NHÀN	07/08/1997	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
540	165TDV600031	LÊ THỊ LÂM	NHI	22/02/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
541	165TDV600226	LƯƠNG THỊ	NHI	27/04/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
542	165TDV600151	VI THỊ	NHI	21/10/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
543	165TDV600179	ĐẶNG HỒNG	NHUNG	08/02/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
544	165TDV600126	NGUYỄN THỊ	NHUNG	25/05/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
545	165TDV600244	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	04/06/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
546	165TDV600048	TRẦN THỊ	OANH	25/05/1997	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
547	165TDV600181	TRẦN THỊ KIỀU	OANH	05/03/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
548	165TDV600137	BÙI THÚY	PHƯƠNG	16/01/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
549	165TDV600094	LÊ THỊ TÚ	PHƯƠNG	22/05/1998	Nữ	Xuất sắc	Giáo dục tiểu học
550	165TDV600133	LƯƠNG THỊ HỒNG	PHƯƠNG	16/04/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
551	165TDV600303	NGUYỄN THU	PHƯƠNG	29/08/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục tiểu học
552	165TDV600266	LƯU ANH	QUỖNH	10/09/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
553	165TDV600252	NGUYỄN THỊ	QUỖNH	18/02/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
554	165TDV600183	NGUYỄN THỊ HOA	QUỖNH	03/02/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục tiểu học
555	165TDV600256	NGUYỄN THỊ NHƯ'	QUỖNH	02/01/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục tiểu học
556	165TDV600309	NGUYỄN THỊ NHƯ'	QUỖNH	25/12/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục tiểu học
557	165TDV600237	PHAN THỊ	QUỖNH	02/01/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục tiểu học
558	165TDV600172	VI NGỌC	QUỖNH	04/01/1998	Nữ	Trung bình	Giáo dục tiểu học
559	165TDV600161	VI THỊ	QUỖNH	21/05/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
560	165TDV600221	LÔ THỊ	SANG	27/05/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
561	165TDV600101	NGUYỄN TẤT	TÂM	23/09/1998	Nam	Khá	Giáo dục tiểu học
562	165TDV600035	THÁI THỊ	TÂM	26/02/1997	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
563	165TDV600159	LƯƠNG THỊ	THẨM	28/01/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục tiểu học
564	165TDV600117	LÊ THỊ	THANH	01/06/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục tiểu học
565	165TDV600205	NGÂN THỊ	THANH	20/06/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
566	165TDV600090	NGUYỄN THỊ	THANH	22/02/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục tiểu học
567	165TDV600108	NGUYỄN THỊ	THAO	24/09/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
568	165TDV600238	HỒ THỊ	THẢO	30/06/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
569	165TDV600312	LANG PHƯƠNG	THẢO	23/05/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
570	165TDV600085	LÔ THỊ PHƯƠNG	THẢO	03/01/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
571	165TDV600324	NGUYỄN PHƯƠNG	THẢO	18/04/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục tiểu học
572	165TDV600146	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	26/10/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục tiểu học
573	165TDV600060	PHẠM PHƯƠNG	THẢO	18/12/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
574	165TDV600115	PHAN THỊ	THẢO	05/11/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
575	165TDV600045	LƯƠNG THỊ	THƠ'	23/01/1998	Nữ	Trung bình	Giáo dục tiểu học
576	165TDV600138	HÀ MỸ	THOA	14/12/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
577	165TDV600140	BÙI THỊ BÍCH	THƠM	17/08/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục tiểu học
578	165TDV600057	HỒ THỊ	THƠM	30/06/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
579	165TDV600065	PHẠM THỊ	THƠM	14/07/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục tiểu học
580	165TDV600047	TRẦN THỊ ANH	THƯ'	03/10/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
581	165TDV600051	HOÀNG THỊ QUỲNH	THƯƠNG	31/07/1996	Nữ	Giỏi	Giáo dục tiểu học
582	165TDV600046	LÊ THỊ	THƯƠNG	05/04/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
583	165TDV600086	PHẠM THỊ	THÚY	02/01/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
584	165TDV600342	PHẠM THỊ	THỦY	01/02/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục tiểu học
585	165TDV600279	PHAN THỊ KIM	THỦY	14/06/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
586	165TDV600025	PHAN THỊ THU	THỦY	23/04/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục tiểu học
587	165TDV600168	TRẦN THỊ	THUYẾN	04/10/1997	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
588	165TDV600073	NGUYỄN DUY	TIẾN	08/09/1998	Nam	Khá	Giáo dục tiểu học
589	165TDV600231	ĐINH THỊ QUỲNH	TRANG	27/12/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
590	165TDV600030	LƯƠNG THỊ QUỲNH	TRANG	05/08/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục tiểu học
591	165TDV600050	LƯƠNG THỊ THỦY	TRANG	11/06/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục tiểu học
592	165TDV600253	MAI HÀ	TRANG	02/09/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục tiểu học
593	165TDV600127	NGUYỄN NGỌC	TRANG	20/08/1997	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
594	165TDV600185	NGUYỄN THỊ	TRANG	22/03/1997	Nữ	Giỏi	Giáo dục tiểu học
595	165TDV600254	NGUYỄN THỊ THÙY	TRANG	14/03/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
596	165TDV600322	PHẠM THỊ LINH	TRANG	27/10/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
597	165TDV600234	VI THU	TRANG	18/10/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
598	165TDV600227	LŨ NGỌC	TRINH	19/09/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
599	165TDV600018	HỒ BÁ	TRỪ	03/02/1997	Nam	Khá	Giáo dục tiểu học
600	165TDV600055	TRƯƠNG THỊ	TƯƠI	12/05/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
601	165TDV600175	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	UYÊN	16/02/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
602	165TDV600180	NGUYỄN THỊ THU	UYÊN	27/07/1997	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
603	165TDV600249	NGUYỄN THỊ	VĂN	19/02/1998	Nữ	Xuất sắc	Giáo dục tiểu học
604	165TDV600250	GIÀ Y	XÀI	11/12/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
605	165TDV600239	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	28/02/1997	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
606	165TDV610276	DƯƠNG THỊ HẢI	ANH	18/06/1997	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
607	165TDV610389	NGUYỄN THỊ QUỲNH	ANH	12/10/1997	Nữ	Giỏi	Giáo dục tiểu học
608	165TDV610373	LÊ THỊ	ÁNH	17/07/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
609	165TDV610401	TRƯƠNG THỊ	BÌNH	01/03/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
610	165TDV600070	NGUYỄN THỊ	DUYÊN	17/04/1998	Nữ	Xuất sắc	Giáo dục tiểu học
611	165TDV600069	NGÂN THỊ	GIANG	03/08/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
612	165D14020210283	PHẠM THỊ LINH	GIANG	01/08/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
613	165TDV600356	LƯƠNG THỊ MAY	HẢI	25/05/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
614	165TDV610395	BÙI THỊ	HẠNH	20/04/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
615	165TDV610378	LÔ THỊ MỸ	HẠNH	24/09/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
616	165TDV600355	KHA THỊ	HÒA	24/08/1997	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
617	165TDV610377	HÀ THỊ THU	HƯỜNG	26/06/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục tiểu học
618	165TDV610384	DOÃN THỊ KHÁNH	HUYỀN	07/07/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
619	165TDV610399	VI THỊ	HUYỀN	24/02/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
620	165TDV610374	NGUYỄN THỊ	KIM	09/09/1998	Nữ	Xuất sắc	Giáo dục tiểu học
621	165TDV610387	NGUYỄN THỊ	LINH	02/01/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
622	165TDV610405	NGUYỄN THỊ	LUYẾN	26/06/1997	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
623	165TDV600114	HỒ THỊ	LY	03/09/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
624	165TDV610383	LÊ THỊ TRÀ	MY	03/08/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
625	165TDV610394	BÙI THỊ	NGUYỆT	06/03/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
626	165TDV610386	BÙI THỊ ÁNH	NGUYỆT	10/06/1998	Nữ	Xuất sắc	Giáo dục tiểu học
627	165TDV610402	NGUYỄN THỊ	SAO	01/05/1997	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
628	165TDV610391	TRẦN THỊ	SAO	16/07/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục tiểu học
629	165TDV600207	CAO THỊ PHƯƠNG	THẢO	20/08/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
630	165D14020210279	LIM THỊ THẠCH	THẢO	27/03/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
631	165TDV610409	ĐẶNG THỊ	THÚY	23/07/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục tiểu học
632	165TDV610388	LÊ THỊ	TRÂM	27/02/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục tiểu học
633	165D14020210280	LỮ HUYỀN	TRANG	18/08/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục tiểu học
634	165TDV610398	LƯƠNG PHƯƠNG	TRANG	10/10/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
635	165TDV610385	TRẦN THỊ NHƯ	TRANG	22/03/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
636	165TDV600364	VÕ THỊ	TRANG	02/09/1998	Nữ	Giỏi	Giáo dục tiểu học
637	165TDV600362	MAI THỊ	VÂN	27/02/1997	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
638	165TDV600358	HÀ THỊ THUẬN	YẾN	06/08/1997	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
639	165TDV600011	LÔ THỊ	YẾN	12/12/1998	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
640	135D1402020090	Lương Văn	May	05/01/1993	Nam	Trung bình	Giáo dục tiểu học
641	135D1402020006	Lưu Thị	Uyên	22/12/1994	Nữ	Trung bình	Giáo dục tiểu học
642	135D1402020052	Lương Thị	Thương	01/10/1994	Nữ	Trung bình	Giáo dục tiểu học
643	145D3403010170	Trần Thị Phương	Thảo	17/04/1996	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
644	155D3801010273	LÔ THỊ TÚ	ANH	10/09/1997	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
645	155D3403010082	NGUYỄN THỊ	ANH	07/08/1997	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
646	155D3801010196	NGUYỄN THỊ LAN	ANH	10/06/1997	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
647	155D1402101014	ĐẶNG THỊ THÙY	DUNG	22/12/1997	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
648	155D1402131005	DƯƠNG NHẬT	HOÀNG	16/01/1997	Nam	Khá	Giáo dục tiểu học
649	155D3403010204	HỒ THỊ	HƯỜNG	16/12/1997	Nữ	Giỏi	Giáo dục tiểu học
650	155D3801070140	LÊ THỊ MỸ	LINH	04/05/1997	Nữ	Giỏi	Giáo dục tiểu học
651	155D1402131013	NGUYỄN THỊ	MAI	27/04/1997	Nữ	Giỏi	Giáo dục tiểu học
652	155D1402131031	VÕ THỊ NHƯỠC	NAM	30/10/1997	Nữ	Giỏi	Giáo dục tiểu học
653	155D1402131028	PHẠM THỊ	NGÀ	23/03/1997	Nữ	Giỏi	Giáo dục tiểu học
654	155D1402131047	NGUYỄN THÙY	NGÂN	01/06/1997	Nữ	Giỏi	Giáo dục tiểu học
655	155D3801010116	NGUYỄN THỊ NHƯ	PHÚC	29/06/1997	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
656	155D3801010493	ĐÌNH THỊ HẢI	YẾN	05/05/1997	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
657	155D1402101023	CHU THỊ TRÀ	GIANG	23/01/1997	Nữ	Giỏi	Giáo dục tiểu học
658	155D1401140009	TRẦN THỊ THANH	NGÂN	14/07/1997	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
659	155D1401140011	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	19/01/1997	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
660	155D1402021056	LÔ THANH	TÙNG	19/02/1994	Nam	Khá	Giáo dục tiểu học
661	155D1402021095	NGUYỄN VĂN	LỢI	20/05/1992	Nam	Khá	Giáo dục tiểu học
662	155D1402021019	LÔ THỊ	THƠM	21/11/1997	Nữ	Khá	Giáo dục tiểu học
663	18573403015001	Nguyễn Thị Từ	Liêm	08/06/1992	Nữ	Khá	Kế toán
664	18573403015002	Ngô Thị Hồng	Nhung	08/05/1986	Nữ	Khá	Kế toán
665	165TDV100040	THÁI THỊ	AN	28/08/1998	Nữ	Khá	Kế toán
666	165TDV100024	HOÀNG PHƯƠNG	ANH	09/09/1998	Nữ	Khá	Kế toán
667	165TDV100259	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	ANH	19/08/1998	Nữ	Giỏi	Kế toán
668	165TDV100391	NGUYỄN THỊ QUỲNH	ANH	04/11/1998	Nữ	Khá	Kế toán
669	165TDV100049	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	10/01/1998	Nữ	Khá	Kế toán
670	165TDV100487	NGUYỄN TÚ	ANH	29/10/1998	Nữ	Trung bình	Kế toán
671	165TDV100009	THÁI THỊ	ANH	08/03/1998	Nữ	Khá	Kế toán
672	165TDV100055	NGUYỄN THỊ	CHUNG	10/12/1997	Nữ	Khá	Kế toán
673	165TDV100064	PHAN THỊ	DỊU	22/03/1998	Nữ	Xuất sắc	Kế toán
674	165TDV100496	HỒ THỊ	DUNG	01/05/1998	Nữ	Giỏi	Kế toán
675	165TDV100274	NGUYỄN THỊ TRÀ	GIANG	24/10/1998	Nữ	Khá	Kế toán
676	165TDV100048	HOÀNG THỊ	HẰNG	03/10/1998	Nữ	Trung bình	Kế toán
677	165TDV100028	NGUYỄN THỊ THÚY	HẰNG	24/07/1998	Nữ	Khá	Kế toán
678	165TDV100063	LÊ THỊ	HẠNH	23/07/1998	Nữ	Khá	Kế toán
679	165TDV100382	NGUYỄN THỊ HỒNG	HẠNH	09/12/1997	Nữ	Trung bình	Kế toán
680	165TDV100404	ĐẶNG THỊ	HẬU	18/08/1998	Nữ	Khá	Kế toán
681	165TDV100380	LÝ THỊ THU	HOÀI	10/09/1998	Nữ	Trung bình	Kế toán
682	165TDV100033	HỒ THỊ	HƯƠNG	28/01/1998	Nữ	Khá	Kế toán
683	165TDV100029	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	06/08/1998	Nữ	Giỏi	Kế toán
684	165TDV100383	NGÔ THỊ	HUYỀN	08/10/1998	Nữ	Khá	Kế toán
685	165TDV100042	TRẦN THỊ THANH	HUYỀN	12/01/1998	Nữ	Giỏi	Kế toán
686	165TDV100057	VÕ THỊ HOÀI	LÊ	10/08/1998	Nữ	Khá	Kế toán
687	165TDV100498	LÊ THỊ MỸ	LINH	04/07/1998	Nữ	Khá	Kế toán
688	165TDV100053	VÕ THỊ THÙY	LINH	25/11/1998	Nữ	Giỏi	Kế toán
689	165TDV100067	NGUYỄN THỊ MINH	LÝ	12/04/1997	Nữ	Khá	Kế toán
690	165TDV100369	HOÀNG THỊ BÍCH	NGỌC	17/05/1998	Nữ	Khá	Kế toán
691	165TDV100527	TRẦN THỊ	NGỌC	19/11/1998	Nữ	Khá	Kế toán
692	165TDV100399	VƯƠNG THỊ KHÁNH	NHÀN	04/10/1998	Nữ	Xuất sắc	Kế toán
693	165TDV100401	TRẦN TẤT	NHIÊN	30/01/1998	Nữ	Trung bình	Kế toán
694	165TDV100062	ĐẶNG THỊ HỒNG	NHUNG	02/11/1998	Nữ	Khá	Kế toán
695	165TDV100394	PHẠM THỊ TRANG	NHUNG	06/06/1998	Nữ	Khá	Kế toán
696	165TDV100039	CAO THỊ	PHƯƠNG	02/09/1995	Nữ	Khá	Kế toán
697	165TDV100058	NGUYỄN THỊ HOÀI	PHƯƠNG	23/03/1998	Nữ	Giỏi	Kế toán

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
698	165TDV100066	PHẠM THỊ	TÂM	28/09/1997	Nữ	Giỏi	Kế toán
699	165TDV100043	NGUYỄN THỊ HÀ	THANH	29/01/1998	Nữ	Khá	Kế toán
700	165TDV100026	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	17/03/1998	Nữ	Khá	Kế toán
701	165TDV100052	VÕ THỊ	THU	23/10/1998	Nữ	Khá	Kế toán
702	165TDV100059	LÊ THỊ DIỆU	THUỖ	25/11/1998	Nữ	Khá	Kế toán
703	165TDV100027	TRẦN THỊ HOÀI	THƯƠNG	19/08/1998	Nữ	Khá	Kế toán
704	165TDV100047	NGUYỄN THỊ THANH	TÌNH	22/01/1998	Nữ	Khá	Kế toán
705	165TDV100046	TRẦN THỊ HƯƠNG	TRÀ	23/11/1998	Nữ	Khá	Kế toán
706	165TDV100398	PHẠM THỊ QUỲNH	TRANG	04/09/1998	Nữ	Khá	Kế toán
707	165TDV100044	PHAN THỊ HUYỀN	TRANG	14/09/1998	Nữ	Khá	Kế toán
708	165TDV100060	PHAN THỊ	TÚ	02/12/1998	Nữ	Khá	Kế toán
709	165TDV100377	BÙI THỊ THANH	UYÊN	25/05/1998	Nữ	Trung bình	Kế toán
710	165TDV100061	LÊ THỊ THU	UYÊN	05/09/1998	Nữ	Khá	Kế toán
711	165TDV100125	HỒ THỊ NGỌC	ANH	03/01/1998	Nữ	Khá	Kế toán
712	165TDV100434	NGUYỄN THỊ	ANH	22/12/1998	Nữ	Khá	Kế toán
713	165TDV100094	NGUYỄN THỊ HỒNG	ANH	15/10/1998	Nữ	Khá	Kế toán
714	165TDV100803	Trịnh Thị Quỳnh	Anh	09/03/1997	Nữ	Khá	Kế toán
715	165TDV100081	CAO THỊ NGỌC	CẨM	25/02/1998	Nữ	Khá	Kế toán
716	165TDV100084	CAO THỊ	CHI	28/05/1998	Nữ	Khá	Kế toán
717	165TDV100086	HỒ THỊ HẢI	HÀ	03/12/1998	Nữ	Khá	Kế toán
718	165TDV100126	TRẦN THỊ	HÀ	20/08/1998	Nữ	Khá	Kế toán
719	165TDV100106	HỒ THỊ	HẢI	22/02/1998	Nữ	Giỏi	Kế toán
720	165TDV100114	LƯU THỊ	HÂN	26/08/1998	Nữ	Giỏi	Kế toán
721	165TDV100417	NGUYỄN THỊ	HẰNG	23/05/1998	Nữ	Khá	Kế toán
722	165TDV100085	NGUYỄN THỊ THUỶ	HẰNG	15/08/1998	Nữ	Khá	Kế toán
723	165TDV100107	THÁI THỊ	HẠNH	30/09/1998	Nữ	Khá	Kế toán
724	165TDV100109	TRẦN THỊ	HẠNH	25/07/1998	Nữ	Giỏi	Kế toán
725	165TDV100175	ĐẶNG THỦY	HIỀN	08/07/1998	Nữ	Khá	Kế toán
726	165TDV100451	VÕ THỊ	HOA	10/09/1998	Nữ	Khá	Kế toán
727	165TDV100112	DƯƠNG THỊ THANH	HOÀI	13/06/1998	Nữ	Giỏi	Kế toán
728	165TDV100354	PHAN THỊ	HỢP	01/11/1998	Nữ	Khá	Kế toán
729	165TDV100129	NGUYỄN THỊ NGỌC	LAN	01/03/1998	Nữ	Giỏi	Kế toán
730	165TDV100090	CAO KHÁNH	LINH	05/06/1998	Nữ	Khá	Kế toán
731	165TDV100124	LÊ THỊ THẢO	LINH	20/03/1998	Nữ	Khá	Kế toán
732	165TDV100306	LÊ THÙY	LINH	19/05/1997	Nữ	Giỏi	Kế toán
733	165TDV100312	NGUYỄN THỊ THÙY	LINH	15/02/1998	Nữ	Khá	Kế toán
734	165TDV100679	TRẦN MAI	LINH	14/03/1998	Nữ	Khá	Kế toán
735	165TDV100435	HỒ THỊ	LY	26/03/1998	Nữ	Khá	Kế toán
736	165TDV100095	PHAN THỊ	LY	28/08/1998	Nữ	Khá	Kế toán

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
737	165TDV100332	TRẦN THỊ	MAI	12/02/1998	Nữ	Khá	Kế toán
738	165TDV100080	CHU THỊ	MAY	07/08/1998	Nữ	Giỏi	Kế toán
739	165TDV100128	TRẦN THỊ	NA	17/07/1998	Nữ	Giỏi	Kế toán
740	165TDV100100	NGUYỄN THỊ BÍCH	NGỌC	06/11/1998	Nữ	Khá	Kế toán
741	165TDV100098	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	12/05/1998	Nữ	Khá	Kế toán
742	165TDV100297	CAO THỊ THANH	PHƯƠNG	10/02/1998	Nữ	Trung bình	Kế toán
743	165TDV100130	ĐẶNG THỊ THÙY	QUYÊN	01/08/1998	Nữ	Khá	Kế toán
744	165TDV100296	GIẢN THANH	QUỲNH	15/02/1998	Nữ	Trung bình	Kế toán
745	165TDV100123	TRẦN THỊ	QUỲNH	02/02/1998	Nữ	Xuất sắc	Kế toán
746	165TDV100096	ĐÀO THỊ	SAO	22/03/1998	Nữ	Khá	Kế toán
747	165TDV100008	NGUYỄN VĂN	THÁI	18/09/1998	Nam	Khá	Kế toán
748	165TDV100119	TRẦN THỊ	THẨM	21/11/1998	Nữ	Khá	Kế toán
749	165TDV100411	NGUYỄN THỊ	THẢO	18/05/1998	Nữ	Khá	Kế toán
750	165TDV100116	NGUYỄN THỊ	THẢO	08/12/1998	Nữ	Khá	Kế toán
751	165TDV100666	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	18/04/1998	Nữ	Khá	Kế toán
752	165TDV100111	PHAN THỊ	THẢO	14/11/1998	Nữ	Khá	Kế toán
753	165TDV100115	NGUYỄN THỊ	THU	07/11/1998	Nữ	Trung bình	Kế toán
754	165TDV100118	NGUYỄN THỊ	THƯƠNG	27/06/1998	Nữ	Khá	Kế toán
755	165TDV100099	VÕ THỊ THANH	THÚY	25/08/1998	Nữ	Trung bình	Kế toán
756	165TDV100122	BÙI THỊ THANH	TRÂM	10/10/1998	Nữ	Giỏi	Kế toán
757	165TDV100093	TRẦN THỊ	TUYẾT	17/08/1998	Nữ	Giỏi	Kế toán
758	165TDV100097	NGUYỄN THỊ THỤC	UYÊN	06/04/1998	Nữ	Khá	Kế toán
759	165TDV100132	HOÀNG THỊ HẢI	YẾN	16/11/1998	Nữ	Khá	Kế toán
760	165TDV100187	PHAN THỊ	AN	10/01/1998	Nữ	Giỏi	Kế toán
761	165TDV100185	LÊ THỊ LAN	ANH	02/09/1998	Nữ	Giỏi	Kế toán
762	165TDV100155	LÊ THỊ NGỌC	ANH	15/07/1998	Nữ	Khá	Kế toán
763	165TDV100188	PHAN THỊ KIM	ANH	10/03/1998	Nữ	Giỏi	Kế toán
764	165TDV100143	BÙI THỊ LINH	CHI	05/08/1998	Nữ	Khá	Kế toán
765	165TDV100173	NGUYỄN THỊ	DUNG	12/02/1998	Nữ	Khá	Kế toán
766	165TDV100139	NGUYỄN THỊ	DUYÊN	28/05/1998	Nữ	Giỏi	Kế toán
767	165TDV100199	VŨ THỊ	GIANG	11/07/1998	Nữ	Khá	Kế toán
768	165TDV100190	VÕ THỊ NGỌC	HÀ	02/02/1998	Nữ	Khá	Kế toán
769	165TDV100141	HOÀNG THỊ	HẰNG	02/06/1998	Nữ	Khá	Kế toán
770	165TDV100162	HOÀNG THỊ THÚY	HẰNG	06/03/1998	Nữ	Khá	Kế toán
771	165TDV100146	THÁI THỊ	HẰNG	20/02/1998	Nữ	Khá	Kế toán
772	165TDV100191	TRẦN THỊ	HẰNG	06/12/1998	Nữ	Giỏi	Kế toán
773	165TDV100142	PHAN THỊ	HIỆP	04/06/1998	Nữ	Trung bình	Kế toán
774	165TDV100144	NGUYỄN THỊ	HOÀI	22/01/1998	Nữ	Khá	Kế toán
775	165TDV100150	PHAN THỊ THU	HOÀI	03/05/1998	Nữ	Khá	Kế toán

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
776	165TDV100161	ĐẶNG THỊ	HƯỜNG	12/04/1998	Nữ	Giỏi	Kế toán
777	165TDV100168	TRẦN THỊ	HƯỜNG	15/07/1998	Nữ	Trung bình	Kế toán
778	165TDV100197	ĐÌNH THỊ NHẬT	LỆ	07/10/1998	Nữ	Khá	Kế toán
779	165TDV100160	BÙI THỊ PHƯƠNG	LIÊN	17/06/1998	Nữ	Khá	Kế toán
780	165TDV100164	NGUYỄN THỊ	LIÊN	25/08/1998	Nữ	Trung bình	Kế toán
781	165TDV100167	ĐẶNG THỊ DIỆU	LINH	05/11/1998	Nữ	Khá	Kế toán
782	165TDV100192	TRẦN NGỌC KHÁNH	LY	11/06/1998	Nữ	Khá	Kế toán
783	165TDV100147	VƯƠNG THANH	LÝ	25/07/1997	Nữ	Khá	Kế toán
784	165TDV100177	NGUYỄN THỊ HOÀI	NAM	25/04/1998	Nữ	Khá	Kế toán
785	165TDV100153	HỒ THỊ	NGA	19/05/1998	Nữ	Giỏi	Kế toán
786	165TDV100138	DIÊU TRANG	NHUNG	14/06/1998	Nữ	Khá	Kế toán
787	165TDV100169	PHAN THỊ HỒNG	NHUNG	20/09/1998	Nữ	Khá	Kế toán
788	165TDV100137	TRẦN THỊ MINH	PHƯƠNG	17/07/1997	Nữ	Giỏi	Kế toán
789	165TDV100342	NGÔ THỊ	QUỲNH	25/10/1998	Nữ	Khá	Kế toán
790	165TDV100511	TRỊNH THỊ	QUỲNH	12/06/1998	Nữ	Khá	Kế toán
791	165TDV100135	CAO THỊ MINH	SOA	08/02/1998	Nữ	Xuất sắc	Kế toán
792	165TDV100184	ĐỒNG THỊ	THƠM	15/06/1998	Nữ	Giỏi	Kế toán
793	165TDV100152	TRẦN THỊ	THƯƠNG	12/10/1998	Nữ	Khá	Kế toán
794	165TDV100166	LÊ THỊ	THÚY	25/11/1998	Nữ	Khá	Kế toán
795	165TDV100655	PHẠM THỊ THANH	THÚY	17/10/1998	Nữ	Khá	Kế toán
796	165TDV100145	PHẠM THỊ	THỦY	06/10/1997	Nữ	Giỏi	Kế toán
797	165TDV100343	ĐÌNH THỊ THỦY	TIỀN	24/01/1998	Nữ	Khá	Kế toán
798	165TDV100176	PHAN THỊ THỦY	TIỀN	18/03/1997	Nữ	Trung bình	Kế toán
799	165TDV100157	NGUYỄN NGỌC	TRÂM	04/02/1998	Nữ	Khá	Kế toán
800	165TDV100556	ĐẶNG HOÀNG	TUẤN	13/10/1995	Nam	Khá	Kế toán
801	165TDV100030	HỒ THỊ THANH	VÂN	17/03/1998	Nữ	Khá	Kế toán
802	165TDV100476	TRẦN THỊ HỒNG	VÂN	04/09/1998	Nữ	Khá	Kế toán
803	165TDV100183	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	04/11/1998	Nữ	Khá	Kế toán
804	165TDV100228	NGUYỄN THỊ HOÀNG	ANH	10/10/1998	Nữ	Khá	Kế toán
805	165TDV100231	ĐOÀN THỊ LINH	CHI	21/03/1998	Nữ	Khá	Kế toán
806	165TDV100280	NGUYỄN THỊ MỸ	DUYẾN	26/02/1998	Nữ	Khá	Kế toán
807	165TDV100211	TRẦN THỊ	HẰNG	10/06/1998	Nữ	Giỏi	Kế toán
808	165TDV100226	HỒ THỊ MỸ	HẠNH	29/10/1998	Nữ	Giỏi	Kế toán
809	165TDV100256	HOÀNG THỊ VÂN	HẠNH	29/01/1998	Nữ	Giỏi	Kế toán
810	165TDV100270	NGUYỄN THỊ	HẠNH	30/03/1998	Nữ	Trung bình	Kế toán
811	165TDV100214	NGUYỄN THỊ	HẢO	01/08/1998	Nữ	Giỏi	Kế toán
812	165TDV100215	ĐÌNH THỊ	HIỀN	10/10/1998	Nữ	Giỏi	Kế toán
813	165TDV100244	PHẠM THỊ	HIỀN	20/01/1998	Nữ	Khá	Kế toán
814	165TDV100083	TRẦN THỊ THANH	HIỀN	27/06/1998	Nữ	Xuất sắc	Kế toán

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
815	165TDV100206	ĐÀO THỊ	HOÀI	02/11/1998	Nữ	Xuất sắc	Kế toán
816	165TDV100247	ĐẶNG THỊ	HỒNG	25/08/1998	Nữ	Khá	Kế toán
817	165TDV100437	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	19/02/1998	Nữ	Giỏi	Kế toán
818	165TDV100262	NGÔ THỊ THANH	HUYỀN	08/10/1998	Nữ	Khá	Kế toán
819	165TDV100248	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	24/01/1998	Nữ	Giỏi	Kế toán
820	165TDV100222	PHẠM THỊ	LÀI	15/05/1998	Nữ	Giỏi	Kế toán
821	165TDV100250	NGUYỄN THỊ	LAM	24/11/1998	Nữ	Khá	Kế toán
822	165TDV100254	CÙ THỊ	LINH	10/07/1998	Nữ	Khá	Kế toán
823	165TDV100460	HỒ THỊ MỸ	LOAN	08/02/1998	Nữ	Khá	Kế toán
824	165TDV100238	CÙ THỊ TRÀ	MY	15/06/1998	Nữ	Khá	Kế toán
825	165TDV100224	NGUYỄN THỊ TRÀ	MY	28/07/1998	Nữ	Khá	Kế toán
826	165TDV100275	PHAN THỊ TRÀ	MY	28/03/1998	Nữ	Giỏi	Kế toán
827	165TDV100265	TRẦN HÀ	MY	04/07/1998	Nữ	Giỏi	Kế toán
828	165TDV100278	HOÀNG THỊ QUỲNH	NGA	13/10/1998	Nữ	Khá	Kế toán
829	165TDV100213	NGUYỄN THỊ	NGA	28/11/1998	Nữ	Khá	Kế toán
830	165TDV100227	NGUYỄN THỊ	NGA	23/10/1998	Nữ	Khá	Kế toán
831	165TDV100232	NGUYỄN THỊ	NHUNG	23/12/1998	Nữ	Khá	Kế toán
832	165TDV100272	NGUYỄN THỊ	NHUNG	16/01/1998	Nữ	Giỏi	Kế toán
833	165TDV100317	NGUYỄN THỊ	NHUNG	12/11/1997	Nữ	Khá	Kế toán
834	165TDV100319	TRẦN THỊ	NHUNG	19/10/1998	Nữ	Khá	Kế toán
835	165TDV100321	HỒ THỊ THU	PHƯƠNG	09/06/1998	Nữ	Trung bình	Kế toán
836	165TDV100163	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	28/07/1998	Nữ	Khá	Kế toán
837	165TDV100249	TRẦN THANH	PHƯƠNG	22/01/1998	Nữ	Xuất sắc	Kế toán
838	165TDV100236	DƯƠNG THỊ	SƯƠNG	05/02/1998	Nữ	Khá	Kế toán
839	165TDV100459	TRẦN THANH	TÂM	23/02/1998	Nữ	Khá	Kế toán
840	165TDV100245	LÔ ĐỨC	THẮNG	13/09/1998	Nam	Trung bình	Kế toán
841	165TDV100230	PHAN THỊ HOÀI	THANH	28/10/1998	Nữ	Khá	Kế toán
842	165TDV100320	ĐẶNG THỊ	THẢO	27/04/1998	Nữ	Giỏi	Kế toán
843	165TDV100237	PHAN THỊ	THẢO	22/04/1998	Nữ	Khá	Kế toán
844	165TDV100239	LƯƠNG THỊ	THƯ	12/02/1998	Nữ	Xuất sắc	Kế toán
845	165TDV100252	DƯƠNG THỊ	THÚY	05/06/1998	Nữ	Xuất sắc	Kế toán
846	165TDV100314	TRẦN THỊ DIỆU	THÚY	21/05/1998	Nữ	Trung bình	Kế toán
847	165TDV100220	NGUYỄN THỊ	TRANG	05/10/1998	Nữ	Khá	Kế toán
848	165TDV100241	TÔ THỊ	TRANG	20/07/1998	Nữ	Khá	Kế toán
849	165TDV100243	HÀ THỊ VIỆT	TRINH	02/05/1998	Nữ	Khá	Kế toán
850	165TDV100271	DOÃN THỊ NGỌC	TUYẾT	20/12/1996	Nữ	Xuất sắc	Kế toán
851	165TDV100180	VƯƠNG THỊ	AN	06/02/1998	Nữ	Trung bình	Kế toán
852	165TDV100351	LÊ THỊ QUỲNH	ANH	16/07/1998	Nữ	Khá	Kế toán
853	165TDV100079	NGUYỄN THỊ LAN	ANH	03/07/1998	Nữ	Khá	Kế toán

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
854	165TDV100309	NGÔ THỊ NGỌC	ÁNH	21/02/1998	Nữ	Khá	Kế toán
855	165TDV100652	NGUYỄN VIỆT	CƯỜNG	08/03/1998	Nam	Khá	Kế toán
856	165TDV100370	TRẦN THỊ	ĐÔNG	06/09/1998	Nữ	Khá	Kế toán
857	165TDV100350	NGUYỄN THỊ	DUYỀN	01/08/1998	Nữ	Khá	Kế toán
858	165TDV100328	NGUYỄN THỊ MAI	HẰNG	11/11/1998	Nữ	Khá	Kế toán
859	165TDV100078	NGUYỄN THỊ	HẬU	02/06/1998	Nữ	Khá	Kế toán
860	165TDV100289	PHAN THỊ	HẬU	20/12/1998	Nữ	Khá	Kế toán
861	165TDV100361	TRẦN THỊ	HIỀN	28/05/1998	Nữ	Khá	Kế toán
862	165TDV100365	LÊ THỊ	HOA	28/01/1998	Nữ	Khá	Kế toán
863	165TDV100072	TRẦN THỊ THANH	HOA	26/01/1998	Nữ	Xuất sắc	Kế toán
864	165TDV100076	NGUYỄN THỊ	HOAN	22/09/1998	Nữ	Giỏi	Kế toán
865	165TDV100355	HOÀNG THỊ	HUỆ	09/03/1998	Nữ	Giỏi	Kế toán
866	165TDV100327	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	21/05/1998	Nữ	Khá	Kế toán
867	165TDV100071	VÕ THỊ	HUYỀN	02/08/1998	Nữ	Khá	Kế toán
868	165TDV100181	TRẦN THỊ KIM	KHÁNH	13/12/1998	Nữ	Giỏi	Kế toán
869	165TDV100304	ĐOÀN THỊ	LÀNH	05/02/1998	Nữ	Khá	Kế toán
870	165TDV100360	NGUYỄN THỊ	LIỄU	05/06/1998	Nữ	Khá	Kế toán
871	165TDV100344	LÊ THỊ	MƠ	27/01/1998	Nữ	Giỏi	Kế toán
872	165TDV100333	HOÀNG THỊ LÊ	NA	23/03/1998	Nữ	Khá	Kế toán
873	165TDV100606	NGUYỄN THỊ THÚY	NGA	17/01/1998	Nữ	Giỏi	Kế toán
874	165TDV100179	BÙI THỊ	NGỌC	11/09/1998	Nữ	Giỏi	Kế toán
875	165TDV100338	LÊ THỊ HẢI	NHƯ	29/03/1998	Nữ	Khá	Kế toán
876	165TDV100520	HỒ THỊ	NHUNG	07/02/1998	Nữ	Khá	Kế toán
877	165TDV100326	HỒ THỊ HỒNG	NHUNG	25/07/1998	Nữ	Giỏi	Kế toán
878	165TDV100548	DƯƠNG THỊ	OANH	06/11/1998	Nữ	Xuất sắc	Kế toán
879	165TDV100069	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	13/10/1998	Nữ	Khá	Kế toán
880	165TDV100178	BÙI THỊ THU	THẢO	18/07/1998	Nữ	Khá	Kế toán
881	165TDV100325	BÙI THỊ HUYỀN	THẬT	22/11/1998	Nữ	Khá	Kế toán
882	165TDV100349	LÊ THỊ THANH	THOA	17/07/1998	Nữ	Khá	Kế toán
883	165TDV100336	PHẠM THỊ	THƯƠNG	08/09/1998	Nữ	Trung bình	Kế toán
884	165TDV100070	NGUYỄN THỊ	THÚY	19/06/1998	Nữ	Khá	Kế toán
885	165TDV100283	HỒ QUỲNH	TRANG	01/05/1998	Nữ	Khá	Kế toán
886	165TDV100329	TRẦN THỊ	TRANG	11/02/1998	Nữ	Khá	Kế toán
887	165TDV100353	VÕ THỊ ÚT	TRANG	16/03/1998	Nữ	Khá	Kế toán
888	165TDV100347	ĐẶNG THỊ HẢI	YẾN	23/07/1998	Nữ	Giỏi	Kế toán
889	165TDV100482	DƯƠNG THỊ THỦY	DUNG	18/06/1998	Nữ	Khá	Kế toán
890	165TDV100458	NGUYỄN THỊ	DUNG	20/08/1998	Nữ	Giỏi	Kế toán
891	165TDV100015	PHẠM THỊ	DUNG	24/05/1998	Nữ	Trung bình	Kế toán
892	165TDV100501	PHAN THỊ	GIANG	20/11/1998	Nữ	Khá	Kế toán

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
893	165TDV100541	NGUYỄN THỊ THU	HÀ	30/09/1998	Nữ	Khá	Kế toán
894	165TDV100016	PHẠM THỊ THU	HÀ	22/04/1998	Nữ	Khá	Kế toán
895	165TDV100488	PHAN THỊ	HỆ	21/08/1998	Nữ	Giỏi	Kế toán
896	165TDV100013	VÕ THỊ	HIỀN	14/09/1998	Nữ	Khá	Kế toán
897	165TDV100012	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	14/03/1998	Nữ	Khá	Kế toán
898	165TDV100507	PHẠM THỊ THU	HƯƠNG	01/11/1998	Nữ	Khá	Kế toán
899	165TDV100484	VŨ THỊ	HƯƠNG	30/10/1998	Nữ	Xuất sắc	Kế toán
900	165TDV100493	HOÀNG THỊ	HUYỀN	05/05/1998	Nữ	Khá	Kế toán
901	165TDV100535	LÊ THỊ NGỌC	HUYỀN	10/12/1998	Nữ	Khá	Kế toán
902	165TDV100019	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	21/07/1998	Nữ	Giỏi	Kế toán
903	165TDV100020	NGUYỄN THỊ	LAM	29/07/1997	Nữ	Khá	Kế toán
904	165TDV100186	NGUYỄN ĐÌNH	LÂM	07/05/1998	Nam	Trung bình	Kế toán
905	165TDV100202	ĐÌNH THỊ	LINH	03/04/1998	Nữ	Khá	Kế toán
906	165TDV100503	NGUYỄN THỊ	LINH	23/01/1998	Nữ	Giỏi	Kế toán
907	165TDV100003	ĐÀO THỊ	LOAN	19/07/1998	Nữ	Khá	Kế toán
908	165TDV100510	DƯƠNG THỊ DIỆU	LY	19/02/1998	Nữ	Khá	Kế toán
909	165TDV100532	NGUYỄN THỊ	NAM	12/02/1998	Nữ	Giỏi	Kế toán
910	165TDV100240	LÊ THỊ	NGÂN	10/08/1998	Nữ	Khá	Kế toán
911	165TDV100005	HOÀNG THẢO	NHI	22/06/1998	Nữ	Khá	Kế toán
912	165TDV100006	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	20/09/1998	Nữ	Khá	Kế toán
913	165TDV100208	DƯƠNG THỊ	OANH	30/04/1998	Nữ	Khá	Kế toán
914	165TDV100007	NGUYỄN THỊ LÂM	OANH	03/05/1998	Nữ	Khá	Kế toán
915	165TDV100516	NGUYỄN THỊ MAI	PHƯƠNG	02/06/1998	Nữ	Khá	Kế toán
916	165TDV100537	PHAN THỊ VIỆT	SAO	25/05/1998	Nữ	Giỏi	Kế toán
917	165TDV100499	LÊ THÁI	SƠN	09/03/1998	Nam	Trung bình	Kế toán
918	165TDV100684	PHẠM HỒNG	THẮNG	15/04/1998	Nam	Trung bình	Kế toán
919	165TDV100545	NGUYỄN THỊ	THANH	03/01/1998	Nữ	Khá	Kế toán
920	165TDV100529	ĐẬU THỊ	THU	15/05/1998	Nữ	Khá	Kế toán
921	165TDV100518	BIỆN THỊ	THUẬN	19/01/1998	Nữ	Khá	Kế toán
922	165TDV100540	NGUYỄN THỊ	THỦY	27/01/1998	Nữ	Xuất sắc	Kế toán
923	165TDV100014	NGUYỄN MAI	TRANG	20/10/1998	Nữ	Khá	Kế toán
924	165TDV100665	TRẦN THỊ	TRANG	17/12/1998	Nữ	Giỏi	Kế toán
925	165TDV100553	NGUYỄN THỊ	TÚ	28/05/1998	Nữ	Khá	Kế toán
926	165TDV100091	PHẠM THỊ	YẾN	01/02/1995	Nữ	Giỏi	Kế toán
927	165TDV100612	NGUYỄN TRẦN TUẤN	ANH	09/07/1998	Nam	Khá	Kế toán
928	165TDV100620	TRẦN THỊ	ĐÀO	10/01/1998	Nữ	Xuất sắc	Kế toán
929	165TDV100260	LÊ THỊ KIM	DUNG	06/04/1998	Nữ	Xuất sắc	Kế toán
930	165TDV100375	CHU THỊ	GIANG	07/09/1998	Nữ	Giỏi	Kế toán
931	165TDV100609	LƯƠNG THỊ MINH	HÀ	04/03/1998	Nữ	Khá	Kế toán

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
932	165TDV100407	TRẦN THỊ	HÂN	12/03/1998	Nữ	Khá	Kế toán
933	165TDV100573	PHẠM THỊ THÚY	HẰNG	11/02/1998	Nữ	Khá	Kế toán
934	165TDV100088	NGUYỄN THỊ HỒNG	HẠNH	15/03/1998	Nữ	Trung bình	Kế toán
935	165TDV100682	NGUYỄN THỊ MỸ	HẠNH	03/02/1998	Nữ	Khá	Kế toán
936	165TDV100554	NGUYỄN THỊ	HIỆP	11/11/1997	Nữ	Giỏi	Kế toán
937	165TDV100567	NGUYỄN MINH	HIẾU	06/03/1998	Nam	Khá	Kế toán
938	165TDV100555	TRẦN THỊ	HOÀI	10/02/1995	Nữ	Khá	Kế toán
939	165TDV100600	VÕ THỊ THU	HOÀI	27/01/1998	Nữ	Giỏi	Kế toán
940	165TDV100632	NGUYỄN THỊ	LÊ	27/02/1998	Nữ	Khá	Kế toán
941	165TDV100742	NGUYỄN THỊ	LINH	08/07/1998	Nữ	Khá	Kế toán
942	165TDV100454	NGUYỄN THỊ DIỆU	LINH	18/07/1998	Nữ	Khá	Kế toán
943	165TDV100330	NGUYỄN THỊ DIỆU	LINH	20/09/1998	Nữ	Khá	Kế toán
944	165TDV100568	PHAN THẢO	LINH	12/05/1997	Nữ	Khá	Kế toán
945	165TDV100560	TRẦN THỊ	LÝ	16/01/1997	Nữ	Khá	Kế toán
946	165TDV100640	TRỊNH THỊ	NĂM	22/12/1998	Nữ	Khá	Kế toán
947	165TDV100611	NGUYỄN THỊ	NGA	12/08/1997	Nữ	Khá	Kế toán
948	165TDV100374	HOÀNG THỊ	NGÂN	18/01/1998	Nữ	Khá	Kế toán
949	165TDV100038	TRẦN THỊ	NGOAN	25/11/1998	Nữ	Giỏi	Kế toán
950	165TDV100258	NGUYỄN THỊ	NHUNG	08/01/1998	Nữ	Khá	Kế toán
951	165TDV100557	NGUYỄN THỊ THANH	TÂM	01/10/1997	Nữ	Khá	Kế toán
952	165TDV100605	TRẦN THỊ	THƯƠNG	07/11/1998	Nữ	Khá	Kế toán
953	165TDV100577	NGUYỄN THỊ QUỲNH	TRANG	28/11/1998	Nữ	Khá	Kế toán
954	165TDV100108	PHẠM HUYỀN	TRANG	15/04/1998	Nữ	Khá	Kế toán
955	165TDV100631	TRẦN THỊ	TRANG	21/10/1998	Nữ	Giỏi	Kế toán
956	165TDV100678	VƯƠNG THỊ HUYỀN	TRANG	03/02/1998	Nữ	Khá	Kế toán
957	165TDV100727	NGUYỄN THỊ CẨM	TÚ	29/03/1998	Nữ	Khá	Kế toán
958	165TDV100050	ĐẬU THỊ	VÂN	22/01/1998	Nữ	Khá	Kế toán
959	165TDV100402	LÊ THỊ	XOAN	20/10/1998	Nữ	Khá	Kế toán
960	165TDV100110	TRƯƠNG THỊ	XUÂN	06/03/1998	Nữ	Giỏi	Kế toán
961	165TDV100621	TRẦN THỊ	YẾN	25/05/1998	Nữ	Khá	Kế toán
962	165TDV100715	NGUYỄN THỊ LAN	ANH	19/06/1998	Nữ	Xuất sắc	Kế toán
963	165TDV100685	NGUYỄN THỊ THU	ANH	24/11/1998	Nữ	Khá	Kế toán
964	165TDV100733	NGUYỄN THỊ	ÁNH	02/11/1997	Nữ	Khá	Kế toán
965	165TDV100662	NGUYỄN THỊ KIM	DUNG	18/08/1998	Nữ	Khá	Kế toán
966	165TDV100117	NGÔ THỊ	DUYÊN	12/05/1998	Nữ	Khá	Kế toán
967	165TDV100723	PHẠM THỊ	GÁI	10/10/1998	Nữ	Khá	Kế toán
968	165TDV100708	NGUYỄN THỊ	GIANG	07/07/1998	Nữ	Khá	Kế toán
969	165TDV100711	PHẠM THỊ	HÀ	01/05/1998	Nữ	Khá	Kế toán
970	165TDV100701	PHAN THỊ NHẬT	HẢI	22/07/1998	Nữ	Khá	Kế toán

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
971	165TDV100671	NGUYỄN THỊ	HẰNG	02/04/1998	Nữ	Khá	Kế toán
972	165TDV100677	ĐẬU THỊ	HIỀN	10/10/1998	Nữ	Xuất sắc	Kế toán
973	165TDV100300	LÊ THỊ THU	HIỀN	06/05/1998	Nữ	Khá	Kế toán
974	165TDV100092	NGUYỄN THỊ	HIỀN	08/02/1998	Nữ	Khá	Kế toán
975	165TDV100673	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	10/02/1998	Nữ	Khá	Kế toán
976	165TDV100051	NGUYỄN THỊ THU	HƯƠNG	02/10/1998	Nữ	Khá	Kế toán
977	165TDV100703	NGÔ SỸ	HUY	25/02/1998	Nam	Khá	Kế toán
978	165TDV100534	BÙI THỊ XUÂN	HUYỀN	27/12/1998	Nữ	Khá	Kế toán
979	155D3403010409	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	21/05/1997	Nữ	Trung bình	Kế toán
980	165TDV100680	BÙI DIỆU	LINH	30/07/1998	Nữ	Khá	Kế toán
981	165TDV100712	NGUYỄN THỊ	LINH	07/08/1998	Nữ	Xuất sắc	Kế toán
982	165TDV100718	NGUYỄN THỊ MỸ	LINH	10/03/1998	Nữ	Khá	Kế toán
983	165TDV100687	NGUYỄN THỊ	MAI	04/05/1998	Nữ	Khá	Kế toán
984	165TDV100707	TRẦN VĂN	MINH	13/06/1998	Nam	Trung bình	Kế toán
985	165TDV100686	HOÀNG THỊ HÀ	NHI	03/12/1998	Nữ	Xuất sắc	Kế toán
986	165TDV100021	HOÀNG THỊ	NHUNG	30/06/1998	Nữ	Xuất sắc	Kế toán
987	165TDV100675	NGUYỄN THỊ KIM	OANH	11/10/1998	Nữ	Giỏi	Kế toán
988	165TDV100690	TRƯƠNG MAI	PHƯƠNG	24/01/1998	Nữ	Khá	Kế toán
989	165TDV100738	VÕ THỊ	THẨM	29/06/1998	Nữ	Khá	Kế toán
990	165TDV100706	ĐÌNH THỊ	THANH	27/07/1998	Nữ	Khá	Kế toán
991	165TDV100699	NGUYỄN THỊ	THAO	08/07/1998	Nữ	Khá	Kế toán
992	165TDV100689	TRẦN THỊ	THƯƠNG	18/09/1998	Nữ	Khá	Kế toán
993	165TDV100298	NGUYỄN THỊ THU	THỦY	19/03/1998	Nữ	Giỏi	Kế toán
994	165TDV100720	NGUYỄN THỊ HÀ	TRANG	06/06/1998	Nữ	Trung bình	Kế toán
995	165TDV100693	NGUYỄN THỊ QUỲNH	TRANG	27/03/1998	Nữ	Khá	Kế toán
996	165TDV100668	TRẦN THU	TRANG	15/12/1997	Nữ	Giỏi	Kế toán
997	165TDV100613	NGUYỄN THỊ HOÀNG	YẾN	22/11/1998	Nữ	Giỏi	Kế toán
998	165TDV100698	PHẠM THỊ	YẾN	15/12/1998	Nữ	Khá	Kế toán
999	135D3403010243	Nguyễn Minh	Trang	25/08/1995	Nữ	Trung bình	Kế toán
1000	145D3403010170	Trần Thị Phương	Thảo	17/04/1996	Nữ	Khá	Kế toán
1001	145D3403010259	Cao Thị Đại	Hữu	22/11/1996	Nữ	Trung bình	Kế toán
1002	155D3402010020	PHAN THỊ LONG	GIANG	18/12/1997	Nữ	Khá	Kế toán
1003	155D3403010436	ĐẬU THỊ	CHINH	11/02/1997	Nữ	Trung bình	Kế toán
1004	155D3403010495	NGUYỄN THỊ	NAM	01/05/1997	Nữ	Trung bình	Kế toán
1005	155D3403010053	NGUYỄN QUỲNH	CHÂU	15/04/1997	Nữ	Trung bình	Kế toán
1006	155D3403010120	NGUYỄN THỊ THÚY	NGÂN	10/10/1997	Nữ	Khá	Kế toán
1007	155D3403010157	HOÀNG THỊ QUỲNH	TRANG	26/08/1997	Nữ	Khá	Kế toán
1008	155D3403010246	NGUYỄN THỊ	LY	02/06/1997	Nữ	Trung bình	Kế toán
1009	155D3402010077	NGÔ ĐỨC	MINH	29/10/1997	Nam	Khá	Kế toán

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
1010	155D3403010256	LÊ THỊ TÚ	ANH	04/06/1997	Nữ	Trung bình	Kế toán
1011	155D3403010290	NGUYỄN THỊ	LINH	01/11/1997	Nữ	Khá	Kế toán
1012	155D3403010378	NGUYỄN THỊ THANH	NGÂN	26/03/1997	Nữ	Khá	Kế toán
1013	155D3403010386	NGUYỄN DUY	NHẬT	10/10/1996	Nam	Trung bình	Kế toán
1014	135D4801010042	Trần Xuân	Chính	20/05/1994	Nam	Trung bình	Khoa học máy tính
1015	145D4801010003	Nguyễn Ngọc	Hùng	01/05/1996	Nam	Trung bình	Khoa học máy tính
1016	145D4801010010	Trần Phi	Hùng	14/12/1995	Nam	Trung bình	Khoa học máy tính
1017	145D4801010004	Nguyễn Bá	Liên	15/04/1993	Nam	Trung bình	Khoa học máy tính
1018	145D4801010036	Trương Thị Hoài	Linh	15/04/1995	Nữ	Trung bình	Khoa học máy tính
1019	135D4403010087	Hà Văn	Cương	02/04/1995	Nam	Trung bình	Khoa học môi trường
1020	165TDV300016	ĐẬU THỊ KHÁNH	LINH	25/07/1998	Nữ	Khá	Khoa học môi trường
1021	165TDV300036	NGUYỄN THỊ HỒNG	NHUNG	18/09/1998	Nữ	Giỏi	Khoa học môi trường
1022	165TDV300009	ĐẬU THỊ	THÚY	11/04/1998	Nữ	Khá	Khoa học môi trường
1023	165TDV300019	TRƯƠNG QUỲNH	TRINH	03/06/1998	Nữ	Khá	Khoa học môi trường
1024	165TDV140755	Vonedee	Bao	03/10/1994	Nữ	Trung bình	Kinh tế
1025	165TDV100477	NGUYỄN LINH	CHI	16/07/1998	Nữ	Khá	Kinh tế
1026	165TDV100352	PHẠM THỊ KHÁNH	CHI	10/07/1998	Nữ	Khá	Kinh tế
1027	165TDV100663	Cụt Văn	Chơ	19/02/1997	Nam	Khá	Kinh tế
1028	165TDV100445	LÊ THỊ MỸ	DUYÊN	10/10/1998	Nữ	Khá	Kinh tế
1029	165TDV100601	ĐỒNG THỊ KHÁNH	HẰNG	16/08/1998	Nữ	Khá	Kinh tế
1030	165TDV100346	NGUYỄN THỊ	HẬU	06/05/1998	Nữ	Trung bình	Kinh tế
1031	165TDV100669	HOÀNG THỊ	HIỀN	06/11/1997	Nữ	Xuất sắc	Kinh tế
1032	165TDV140752	Sengphimthong	Inthideth	01/11/1998	Nam	Khá	Kinh tế
1033	165TDV100334	TRẦN THỊ NHẬT	LỆ	11/09/1998	Nữ	Khá	Kinh tế
1034	165TDV100473	TRƯƠNG NHẬT	LỆ	02/10/1998	Nữ	Khá	Kinh tế
1035	165TDV100357	NGUYỄN THỊ KHÁNH	LINH	22/05/1998	Nữ	Khá	Kinh tế
1036	165TDV100041	NGUYỄN THÙY	LINH	11/01/1998	Nữ	Khá	Kinh tế
1037	165TDV100658	LÊ THỊ HƯƠNG	LY	24/02/1998	Nữ	Trung bình	Kinh tế
1038	165TDV100367	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	LY	30/08/1998	Nữ	Khá	Kinh tế
1039	165TDV100581	NGUYỄN THÀNH	NAM	07/11/1992	Nam	Khá	Kinh tế
1040	165TDV140751	Inthavong	Pic	27/05/1997	Nữ	Trung bình	Kinh tế
1041	165TDV100582	NGUYỄN THỊ	QUỲNH	29/01/1998	Nữ	Khá	Kinh tế
1042	165TDV100131	LÊ CHÂU	TUẤN	15/05/1998	Nữ	Khá	Kinh tế
1043	165TDV100649	HỒ THỊ	YÊN	02/02/1997	Nữ	Khá	Kinh tế
1044	165TDV100628	TRẦN THỊ	YẾN	09/05/1997	Nữ	Khá	Kinh tế
1045	165TDV140753	Nhiachue	Yialao	20/06/1995	Nam	Khá	Kinh tế
1046	165TDV140747	Inthavong	Youyee	27/12/1997	Nữ	Khá	Kinh tế
1047	145D3101010015	Trương Thị	Xoan	22/02/1996	Nữ	Khá	Kinh tế
1048	155D3101010057	HOÀNG THỊ TÚ	LINH	10/05/1997	Nữ	Khá	Kinh tế

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
1049	155D3101010028	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	LINH	04/12/1997	Nữ	Khá	Kinh tế
1050	155D3101010060	ĐINH THỊ HỒNG	NHUNG	14/04/1997	Nữ	Trung bình	Kinh tế
1051	135D5202070024	Trần Đức	Long	10/02/1995	Nam	Trung bình	Kỹ thuật điện tử, truyền thông
1052	135D5202070070	Nguyễn Trọng	Vũ	13/08/1995	Nam	Trung bình	Kỹ thuật điện tử, truyền thông
1053	145D5202070016	Hồ Xuân	Bách	26/11/1989	Nam	Khá	Kỹ thuật điện tử, truyền thông
1054	145D5202070022	Nguyễn Đăng Minh	Tuấn	20/10/1995	Nam	Trung bình	Kỹ thuật điện tử, truyền thông
1055	155D5202070017	NGUYỄN VĂN	CHIẾN	06/12/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật điện tử, truyền thông
1056	155D5202070006	TRẦN MINH	CƯỜNG	28/06/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật điện tử, truyền thông
1057	155D5202070020	ĐẬU MINH	PHONG	26/02/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật điện tử, truyền thông
1058	155D5202070004	TRẦN TRỌNG	TÀI	03/03/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật điện tử, truyền thông
1059	155D5202070016	NGUYỄN VĂN	TOÀN	22/04/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật điện tử, truyền thông
1060	155D5202070015	CHU THỊ GIA	TRANG	09/06/1997	Nữ	Giỏi	Kỹ thuật điện tử, truyền thông
1061	155D5202070002	HOÀNG QUỲNH	TRANG	11/01/1997	Nữ	Xuất sắc	Kỹ thuật điện tử, truyền thông
1062	155D5202070018	VÕ QUỐC	VƯỢNG	09/11/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật điện tử, truyền thông
1063	135D5202160064	Hà Long	Nhật	18/04/1995	Nam	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
1064	145D5202160001	Nguyễn Văn	Bình	23/07/1996	Nam	Trung bình	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
1065	145D5202160067	Nguyễn Quang	Pháp	10/03/1995	Nam	Trung bình	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
1066	145D5202160041	Thái Doãn	Phúc	04/02/1996	Nam	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
1067	145D5202160063	Lê Minh	Tĩnh	26/02/1996	Nam	Trung bình	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
1068	145D5202160022	Trần Văn	Tú	07/07/1996	Nam	Trung bình	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
1069	155D5202160022	NGUYỄN VĂN	CHIẾN	02/07/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
1070	155D5202160099	HỒ TRỌNG	DIỆN	26/09/1997	Nam	Trung bình	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
1071	155D5202160066	NGUYỄN BÁ	DŨNG	10/01/1996	Nam	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
1072	155D5202160087	NGUYỄN TRÍ	HIỆP	07/03/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
1073	155D5202160004	NGUYỄN HUY	HOÀNG	20/09/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
1074	155D5202160013	TRẦN ĐỨC	LƯƠNG	12/12/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
1075	155D5202160041	PHẠM ĐỨC	LƯU	20/10/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
1076	155D5202160040	TRẦN PHƯƠNG	NAM	03/02/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
1077	155D5202160060	NGUYỄN VĂN	QUYẾT	25/04/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
1078	155D5202160011	HOÀNG ANH	TUẤN	07/08/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
1079	155D5202160035	CHU VĂN	BẢO	29/12/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
1080	155D5202160037	PHẠM VĂN	CHIẾN	30/01/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
1081	155D5202160074	VĂN ĐÌNH	CÔNG	10/02/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
1082	155D5202160064	ĐẶNG ĐÌNH	DƯƠNG	26/09/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
1083	155D5202160001	NGUYỄN MINH	HOÀNG	20/09/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
1084	155D5202160008	NGUYỄN KIM	QUANG	14/04/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
1085	155D5202160100	TRẦN VĂN	QUỐC	20/08/1996	Nam	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
1086	155D5202160015	LÊ CÔNG	SỬU	19/09/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
1087	155D5202160019	NGÔ VĨ ĐẠI	THẮNG	30/04/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
1088	155D5202160084	TƯỜNG ĐĂNG	THẮNG	20/07/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
1089	155D5202160029	TRẦN ANH	VƯƠNG	06/09/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật điều khiển và tự động hóa
1090	1151060339	Phan Công	Mạnh	03/11/1988	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng
1091	175D5802085002	Trần Đức	Nam	11/02/1995	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng
1092	135D5802080012	Lê Chư	Hào	05/08/1994	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng
1093	135D5802080164	Nguyễn Đình	Thành	20/12/1995	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng
1094	135D5802080032	Trần Văn	Tân	14/04/1995	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng
1095	135D5802080135	Lê Anh	Tuấn	20/04/1994	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng
1096	135D5802080159	Nguyễn Bá	Đức	22/10/1994	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng
1097	145D5802080109	Phan Văn	Dũng	10/07/1992	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng
1098	145D5802080067	Lê Quang	Khánh	15/08/1996	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng
1099	145D5802080131	Ngô Văn Đức	Tài	18/08/1996	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng
1100	145D5802080001	Cao Văn	Phương	07/07/1996	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng
1101	145D5802080039	Nguyễn Anh	Tuấn	16/02/1996	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng
1102	145D5802080068	Nguyễn Thành	Huy	07/06/1996	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng
1103	145D5802080165	Lê Quang	Nam	21/12/1993	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng
1104	155D5802080073	LƯƠNG HỮU	AN	26/08/1996	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng
1105	155D5802080049	VÕ PHÚC ĐỨC	ANH	02/09/1996	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng
1106	155D5802080072	PHẠM HỒNG	CẢNH	09/05/1997	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng
1107	155D5802080225	ĐẶNG VĂN	CÁT	13/01/1996	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng
1108	155D5802080093	NGUYỄN THẾ	CƯỜNG	03/07/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng
1109	155D5802080111	PHAN SỸ	ĐẠT	01/02/1997	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng
1110	155D5802080061	NGÔ BÁ	ĐỒNG	10/07/1996	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng
1111	155D5802080115	ĐẶNG TRỌNG	ĐỨC	15/10/1996	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng
1112	155D5802080046	VÕ MẠNH	ĐỨC	10/06/1997	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng
1113	155D5802080137	NGÔ TRÍ	GIANG	14/10/1997	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng
1114	155D5802080149	ĐÀO VĂN	HÂN	01/05/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng
1115	155D5802080021	NGUYỄN VĂN	HIỆP	01/12/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng
1116	155D5802080129	HOÀNG NGỌC	HIẾU	10/11/1996	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng
1117	155D5802080009	NGUYỄN HUY	HOÀNG	25/07/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng
1118	155D5802080062	PHẠM ĐÌNH KHOA	HỌC	23/10/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng
1119	155D5802080117	BÙI VĂN	HÙNG	26/03/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng
1120	155D5802080006	BÙI VĂN	KHOÁI	31/07/1996	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng
1121	155D5802087001	Seepasong	Mahavong	03/08/1997	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng
1122	155D5802080038	NGUYỄN VĂN	MAI	09/10/1996	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng
1123	155D5802080116	LƯU ĐỨC	NHƯỜNG	13/12/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng
1124	155D5802080147	NGUYỄN TẤN	PHÁT	23/01/1996	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng
1125	135D5802080252	Nguyễn Văn	Quyết	16/02/1995	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng
1126	155D5802080208	NGUYỄN ĐÌNH	SANG	16/03/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
1127	155D5802080176	ĐẬU CAO	THĂNG	09/06/1996	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng
1128	155D5802080056	NGUYỄN CHÍNH HOÀNG	THÀNH	01/10/1996	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng
1129	155D5802080186	NGUYỄN VĂN	THÔNG	27/11/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng
1130	155D5802080104	CHU VĂN	THUYỀN	21/10/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng
1131	155D5802080087	NGUYỄN MINH	TRÍ	15/06/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng
1132	155D5802080105	TRẦN VĂN	TRUNG	22/07/1997	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng
1133	155D5802080015	TRẦN HOÀNG	TUÂN	28/09/1997	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng
1134	155D5802080190	LÊ VĂN	VƯỢNG	30/11/1997	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng
1135	155D5802080063	PHAN THỊ	YẾN	24/11/1997	Nữ	Khá	Kỹ thuật xây dựng
1136	155D5802080033	TRẦN HẬU	ANH	23/07/1997	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng
1137	155D5802080215	HOÀNG THẾ	BẢO	09/01/1996	Nam	Giỏi	Kỹ thuật xây dựng
1138	155D5802080054	NGUYỄN XUÂN	CHÁNH	28/03/1997	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng
1139	155D5802080143	CAO VĂN	CƯỜNG	19/02/1997	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng
1140	155D5802080048	DƯƠNG NGỌC	CƯỜNG	25/10/1997	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng
1141	155D5802080040	NGUYỄN NGỌC	ĐẠI	04/02/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng
1142	155D5802080027	NGUYỄN VĂN	ĐIỆP	19/08/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng
1143	155D5802080085	NGUYỄN HỮU	GIANG	02/07/1997	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng
1144	155D5802080045	VI ĐỨC	HẢI	16/03/1997	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng
1145	155D5802080131	TRẦN VĂN	HẠNH	16/12/1996	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng
1146	155D5802080067	NGUYỄN TIẾN	HIỆP	10/11/1997	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng
1147	155D5802080199	NGUYỄN MẠNH	HÙNG	05/06/1995	Nam	Giỏi	Kỹ thuật xây dựng
1148	155D5802080146	ĐẶNG VĂN	KHUYẾN	21/03/1996	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng
1149	155D5802080082	PHAN TRUNG	KIẾN	27/02/1997	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng
1150	155D5802080130	VÕ HỒNG	LÂM	04/05/1997	Nam	Giỏi	Kỹ thuật xây dựng
1151	155D5802080022	NGUYỄN VĂN	LÍNH	05/07/1996	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng
1152	155D5802080043	HỒ SỸ	LONG	03/03/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng
1153	155D5802080132	PHAN	MẠNH	07/07/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng
1154	155D5802080226	NGUYỄN HỮU	NGŨ	17/08/1996	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng
1155	155D5802080168	LÊ ĐĂNG	NINH	20/06/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng
1156	155D5802080219	PHAN ĐÌNH	QUÝ	08/11/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng
1157	155D5802080112	PHAN VĂN	SEN	21/10/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng
1158	155D5802080141	NGUYỄN ANH	SƠN	21/04/1997	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng
1159	155D5802080148	NGUYỄN HOÀNG	TÀI	18/06/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng
1160	155D5802080173	NGUYỄN VĂN	TẤN	12/01/1992	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng
1161	155D5802080151	BÙI VĂN	THĂNG	18/03/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng
1162	155D5802080081	TRẦN ĐÌNH	TRỌNG	28/05/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng
1163	155D5802080077	TRẦN XUÂN	TƯ	11/01/1997	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng
1164	155D5802080140	NGUYỄN ANH	TUÂN	14/04/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng
1165	155D5802080028	NGUYỄN TUẤN	VŨ	12/07/1997	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
1166	155D5802080200	LÊ THỊ QUỲNH	ANH	28/01/1997	Nữ	Khá	Kỹ thuật xây dựng
1167	155D5802080039	VĂN ĐỨC	ANH	06/10/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng
1168	155D5802080083	MAI VĂN	BẢO	02/12/1997	Nam	Giỏi	Kỹ thuật xây dựng
1169	155D5802080101	HOÀNG MINH	CHIẾN	29/12/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng
1170	155D5802080236	NGUYỄN THẾ	CHIẾN	04/02/1997	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng
1171	155D5802080090	NGUYỄN QUỐC	CƯỜNG	25/09/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng
1172	155D5802080030	NGUYỄN CÔNG	ĐẠO	13/11/1997	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng
1173	155D5802080055	BÙI VĂN	ĐOÀN	15/01/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng
1174	155D5802080235	LÊ ANH	ĐỨC	10/11/1996	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng
1175	155D5802080155	LÊ VĂN	ĐỨC	11/04/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng
1176	155D5802080003	NGUYỄN VĂN	HẢI	06/10/1997	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng
1177	155D5802080057	NGUYỄN ĐỨC	HIỀN	17/07/1997	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng
1178	155D5802080142	LÊ HOÀNG	HIỆP	11/12/1997	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng
1179	155D5802080214	NGUYỄN KHẮC	HỘI	15/05/1997	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng
1180	155D5802080100	HOÀNG XUÂN	HÙNG	25/05/1997	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng
1181	155D5802080125	NGUYỄN XUÂN	HÙNG	22/01/1996	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng
1182	155D5802080119	LÊ TRUNG	KIÊN	02/06/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng
1183	155D5802080059	PHÙNG NHẬT	LUẬT	05/07/1996	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng
1184	155D5802080095	LÊ DUY	MẠNH	23/12/1997	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng
1185	155D5802080240	BÙI VĂN	NAM	26/06/1995	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng
1186	155D5802080211	Lương Văn	Phênh	15/12/1995	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng
1187	155D5802080020	HOÀNG KHẮC	QUANG	18/02/1997	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng
1188	155D5802080036	CAO HOÀNG	SƠN	03/06/1997	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng
1189	155D5802080008	NGUYỄN ĐỨC	THẮNG	25/07/1997	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng
1190	155D5802080075	NGUYỄN ĐỨC	THUẦN	15/01/1997	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng
1191	155D5802080013	NGUYỄN VĂN	TOÁN	23/03/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng
1192	155D5802080197	NGUYỄN HUY	TOÀN	02/02/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng
1193	155D5802080052	HOÀNG NGHĨA	TRUNG	26/01/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng
1194	155D5802080177	VŨ DUY	TƯ	12/03/1996	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng
1195	155D5802080136	PHAN VĂN	TÙNG	25/02/1997	Nam	Giỏi	Kỹ thuật xây dựng
1196	155D5802080011	NGUYỄN GIA	VIỆT	01/07/1995	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng
1197	155D5802080074	LÊ ĐỨC	AN	01/01/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng
1198	155D5802080092	HỒ BÁ	CƯỜNG	05/10/1997	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng
1199	155D5802080031	NGUYỄN THÀNH	ĐẠT	30/09/1997	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng
1200	155D5802080127	DƯƠNG PHƯƠNG	ĐÔNG	31/12/1995	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng
1201	155D5802080227	LÊ ANH	ĐỨC	24/09/1995	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng
1202	155D5802080058	TRẦN TRUNG	ĐỨC	21/07/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng
1203	155D5802080153	NGUYỄN HUY	HOÀNG	05/03/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng
1204	155D5802080188	NGUYỄN VĂN	LINH	29/06/1996	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
1205	155D5802080099	NGUYỄN THÀNH	LONG	11/12/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng
1206	155D5802080167	TRẦN TIẾN	LỰC	07/06/1997	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng
1207	155D5802080079	ĐỒNG VĂN	MẠNH	14/05/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng
1208	155D5802080292	Nguyễn Văn	Mạnh	28/01/1996	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng
1209	155D5802080230	CAO XUÂN	NGHĨA	01/12/1996	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng
1210	155D5802080106	NGUYỄN QUANG	PHÁP	18/10/1997	Nam	Giỏi	Kỹ thuật xây dựng
1211	155D5802080023	PHẠM TRỌNG	PHƯƠNG	10/11/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng
1212	155D5802080121	ĐẶNG THẾ	QUYẾT	29/04/1997	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng
1213	155D5802080212	ĐẬU MINH	THẮNG	29/04/1996	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng
1214	155D5802080076	TRẦN NGỌC	THÀNH	26/10/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng
1215	155D5802080064	QUẾ ĐỨC	THIỆN	10/10/1995	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng
1216	155D5802080183	HỒ VIỆT	TOÀN	12/09/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng
1217	155D5802080159	LÊ VĂN	TRUNG	28/08/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng
1218	155D5802080145	ĐẶNG TRỌNG	TÚ	02/10/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng
1219	155D5802086001	Nguyễn Thanh	Tùng	30/09/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng
1220	155D5802080001	NGUYỄN VĂN	VỖ	22/10/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng
1221	155D5802080152	LÊ ANH	XUÂN	09/09/1997	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng
1222	135D5802050033	Nguyễn Sỹ	Mạnh	19/03/1995	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
1223	135D5802050037	Trần Ngọc	Sơn	10/02/1995	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
1224	135D5802050255	Cao Thế	Anh	26/02/1994	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
1225	145D5802050040	Hồ Lê	Nguyên	06/11/1996	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
1226	145D5802050099	Lê Văn	Sơn	10/08/1995	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
1227	145D5802050047	Nguyễn Hồng	Hải	22/10/1996	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
1228	145D5802050083	Trần Văn	Hải	28/07/1996	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
1229	145D5802050026	Bùi Văn	Hoàng	25/08/1995	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
1230	145D5802050122	Nguyễn Thành	Long	10/12/1996	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
1231	145D5802050039	Lê Văn	Nguyên	27/08/1996	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
1232	155D5802050017	VỖ VĂN	BẢO	10/02/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
1233	155D5802057001	Leeva	Chiaxa	01/12/1996	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
1234	155D5802050050	NGUYỄN CÔNG	CHÍNH	30/04/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
1235	155D5802050080	ĐINH VĂN	CÔNG	20/10/1997	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
1236	155D5802050060	TRƯƠNG MẠNH	CƯỜNG	02/02/1996	Nam	Giỏi	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
1237	155D5802050003	NGUYỄN THẠC	DŨNG	01/12/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
1238	155D5802050077	PHẠM VĂN	HÙNG	15/06/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
1239	155D5802050044	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	02/07/1997	Nữ	Giỏi	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
1240	155D5802050025	VỖ TRUNG	KIÊN	16/03/1996	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
1241	155D5802056001	TRẦN VŨ HOÀNG	LONG	09/11/1995	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
1242	155D5802050030	NGUYỄN ĐÌNH	MẠNH	18/08/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
1243	155D5802050045	LÊ VĂN	TĂNG	01/02/1996	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
1244	155D5802050034	LÊ VĂN	THÀNH	17/03/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
1245	155D5802050028	NGUYỄN VĂN	THỌ	03/10/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
1246	155D5802050013	ĐẶNG BÁ	TIẾN	06/04/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
1247	155D5802050086	VŨ XUÂN	TRƯỜNG	17/09/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
1248	155D5802050089	LÊ DUY	TUẤN	08/04/1996	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
1249	155D5802050049	TRẦN ANH	TUẤN	08/08/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
1250	155D5802050063	HỒ VIỆT	BẮC	10/12/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
1251	155D5802050011	HOÀNG HỮU	CHINH	01/01/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
1252	155D5802050064	NGUYỄN TUẤN	CƯỜNG	24/08/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
1253	155D5802050040	NGUYỄN THANH	ĐẠO	02/07/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
1254	155D5802050039	ĐINH QUỐC	ĐẠT	24/10/1997	Nam	Giỏi	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
1255	155D5802050024	NGUYỄN DUY	DŨNG	13/10/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
1256	155D5802050079	TRẦN HỮU	ĐƯỜNG	14/04/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
1257	155D5802050055	NGŨ VĂN	HIỆU	05/08/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
1258	155D5802050012	TRẦN QUỐC	HOÀNG	30/01/1996	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
1259	155D5802050033	HOÀNG SỸ	HUY	05/06/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
1260	155D5802050070	BÙI ĐÌNH	KHUYẾN	06/12/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
1261	155D5802050038	BÙI VĂN	KIÊN	13/03/1997	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
1262	155D5802050066	NGUYỄN TUẤN	PHƯƠNG	10/02/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
1263	155D5802050036	NGUYỄN MẠNH	QUÂN	26/03/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
1264	155D5802050021	VƯƠNG ĐỨC	SƠN	10/10/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
1265	155D5802050053	BÙI TRỌNG	THẠCH	09/02/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
1266	155D5802050014	NGUYỄN VĂN	THÀNH	15/07/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
1267	155D5802050072	HOÀNG VĂN	TRƯỜNG	05/08/1997	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
1268	155D5802050010	NGUYỄN MẠNH	TÚ	30/06/1997	Nam	Giỏi	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
1269	155D5802050082	BÙI ANH	TUẤN	15/02/1996	Nam	Khá	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
1270	155D5802050008	NGUYỄN VĂN	Ý	04/12/1996	Nam	Trung bình	Kỹ thuật xây dựng công trình giao thông
1271	165TDV400591	PHẠM THỊ	ANH	10/09/1998	Nữ	Khá	Luật
1272	165TDV400583	NGUYỄN	ÁNH	08/08/1996	Nam	Trung bình	Luật
1273	165TDV400514	TRẦN NGỌC	BẮC	10/10/1998	Nam	Khá	Luật
1274	165TDV400614	CHÁ A	CHINH	16/07/1996	Nam	Trung bình	Luật
1275	165TDV400150	NGUYỄN NGỌC	CHÍNH	19/10/1998	Nam	Khá	Luật
1276	165TDV400623	PHẠM THỊ	HOA	22/04/1997	Nữ	Giỏi	Luật
1277	165TDV400599	PHAN THỊ	HƯỜNG	02/02/1998	Nữ	Giỏi	Luật
1278	165TDV400101	NÔNG THỊ	KIỀU	11/06/1998	Nữ	Xuất sắc	Luật
1279	165TDV400071	HOÀNG THỊ THÙY	LAN	12/06/1998	Nữ	Giỏi	Luật
1280	165TDV400206	TRẦN THANH	LÂN	23/05/1998	Nữ	Khá	Luật
1281	165TDV400446	LÊ THỊ THÙY	LINH	22/03/1998	Nữ	Xuất sắc	Luật
1282	165TDV400608	NGUYỄN BẢO	LINH	03/03/1998	Nam	Khá	Luật

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
1283	165TDV400629	BẠCH VĂN	LONG	07/08/1997	Nam	Khá	Luật
1284	165TDV400580	NGUYỄN HOÀNG NGỌC	LONG	17/06/1998	Nam	Khá	Luật
1285	165TDV400602	BÙI MINH	NHẬT	23/12/1998	Nam	Khá	Luật
1286	165TDV400552	HỒ THANH	QUANG	27/02/1998	Nam	Khá	Luật
1287	165TDV400107	BẾ THỊ	SÂM	24/11/1998	Nữ	Khá	Luật
1288	165TDV400065	LÒ VĂN	SƠN	03/04/1998	Nam	Khá	Luật
1289	165TDV400235	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	05/01/1998	Nữ	Xuất sắc	Luật
1290	165TDV400589	PHAN	THIÊN	10/09/1998	Nam	Giỏi	Luật
1291	165TDV400579	PHẠM THỊ	THÚY	13/09/1998	Nữ	Khá	Luật
1292	165TDV440645	Bounsy	Toulao	27/11/1997	Nam	Trung bình	Luật
1293	165TDV400072	PHAN THANH	TRÀ	02/09/1998	Nữ	Khá	Luật
1294	165TDV400333	ĐÀO LINH	TRANG	21/10/1997	Nữ	Khá	Luật
1295	165TDV400619	NGUYỄN THỊ	TRANG	11/09/1998	Nữ	Giỏi	Luật
1296	165TDV400132	DƯƠNG KIỀU	TRINH	24/08/1998	Nữ	Khá	Luật
1297	165TDV400626	NGUYỄN MINH	TUẤN	10/01/1998	Nam	Giỏi	Luật
1298	165TDV400561	HIỀN THỊ	TUYẾT	07/07/1997	Nữ	Giỏi	Luật
1299	165TDV400257	BÙI THỊ HẢI	YẾN	08/05/1998	Nữ	Khá	Luật
1300	165TDV400322	ĐỖ HOÀNG HẢI	YẾN	01/09/1998	Nữ	Giỏi	Luật
1301	165TDV400052	ĐẶNG THẾ	ANH	20/03/1998	Nam	Khá	Luật
1302	165TDV400555	HÀ QUANG	ANH	02/03/1998	Nam	Trung bình	Luật
1303	165TDV400478	HỒ THỊ	ANH	01/09/1998	Nữ	Giỏi	Luật
1304	165TDV400332	VÕ THỊ	ÁNH	24/07/1998	Nữ	Khá	Luật
1305	165TDV400351	NGUYỄN THỊ SAO	CHI	25/12/1998	Nữ	Khá	Luật
1306	165TDV400201	TRẦN THỊ	CHUNG	02/09/1998	Nữ	Giỏi	Luật
1307	165TDV400519	LÒ THÀNH	CÔNG	03/12/1998	Nam	Khá	Luật
1308	165TDV400324	HOÀNG THỊ	HÀ	10/03/1998	Nữ	Khá	Luật
1309	165TDV400240	TRẦN THỊ	HẠNH	17/08/1998	Nữ	Giỏi	Luật
1310	165TDV400366	NGUYỄN HOÀNG SONG	HÀO	15/08/1998	Nam	Khá	Luật
1311	165TDV400168	NGUYỄN THỊ	HIỀN	07/11/1998	Nữ	Giỏi	Luật
1312	165TDV400266	DƯƠNG THỊ THÚY	HIỀN	09/12/1997	Nữ	Khá	Luật
1313	165TDV400361	TRẦN MINH	HIẾU	06/11/1996	Nam	Trung bình	Luật
1314	165TDV400218	BÙI THÚY	HOÀI	12/11/1998	Nữ	Giỏi	Luật
1315	165TDV400248	VÕ MINH	HOÀNG	07/05/1995	Nam	Khá	Luật
1316	165TDV400355	TRƯƠNG THỊ	HỒNG	15/08/1998	Nữ	Khá	Luật
1317	165TDV400329	HÀ XUÂN	HÙNG	08/10/1998	Nam	Khá	Luật
1318	165TDV400318	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	19/07/1997	Nữ	Khá	Luật
1319	165TDV400276	NÔNG THỊ	HUYỀN	02/10/1998	Nữ	Khá	Luật
1320	165TDV400155	ĐÀM MA	KHOÁT	18/07/1995	Nam	Khá	Luật
1321	165TDV400185	ĐINH THỊ	LỆ	23/01/1997	Nữ	Giỏi	Luật

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
1322	165TDV400314	VÕ THỊ NHẬT	LỆ	13/03/1998	Nữ	Giỏi	Luật
1323	165TDV400222	NGUYỄN THỊ THANH	LOAN	27/05/1998	Nữ	Giỏi	Luật
1324	165TDV400321	NGUYỄN THỊ	LUYẾN	06/12/1997	Nữ	Xuất sắc	Luật
1325	165TDV400258	PHẠM THỊ	MIỀN	03/05/1998	Nữ	Giỏi	Luật
1326	165TDV400343	NGUYỄN THỊ DIỆU	NGỌC	30/09/1998	Nữ	Giỏi	Luật
1327	165TDV400250	ĐÀO THỊ	NGUYỆT	26/10/1997	Nữ	Giỏi	Luật
1328	165TDV400545	NGUYỄN THỊ TRANG	NHUNG	18/06/1998	Nữ	Khá	Luật
1329	165TDV400077	VÕ THỊ HỒNG	NHUNG	20/11/1998	Nữ	Khá	Luật
1330	165TDV400515	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	15/06/1997	Nữ	Giỏi	Luật
1331	165TDV400272	NGUYỄN THỊ NHƯ	PHƯƠNG	24/06/1996	Nữ	Giỏi	Luật
1332	165TDV400278	TRỊNH THỊ	PHƯƠNG	13/09/1998	Nữ	Xuất sắc	Luật
1333	165TDV400190	VŨ ANH	TUẤN	12/06/1998	Nam	Khá	Luật
1334	165TDV400504	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	29/12/1998	Nữ	Khá	Luật
1335	165TDV400543	PHẠM TUẤN	ANH	29/08/1998	Nam	Khá	Luật
1336	165TDV400226	NGUYỄN THỊ NGỌC	ÁNH	17/11/1998	Nữ	Giỏi	Luật
1337	165TDV400484	HOÀNG VĂN	CƯƠNG	08/01/1996	Nam	Giỏi	Luật
1338	165TDV400252	LÒ VIỆT	CƯỜNG	01/01/1998	Nam	Khá	Luật
1339	165TDV400193	ĐÀM THỊ	HIỀN	07/10/1998	Nữ	Giỏi	Luật
1340	165TDV400202	LÊ ĐỨC	HOÀNG	01/06/1998	Nam	Trung bình	Luật
1341	165TDV400189	NGUYỄN VĂN	HÙNG	23/01/1998	Nam	Giỏi	Luật
1342	165TDV400356	NGUYỄN HỮU	HƯNG	11/05/1998	Nam	Khá	Luật
1343	165TDV400170	ĐÀO THỊ THU	HƯƠNG	24/10/1998	Nữ	Khá	Luật
1344	165TDV400281	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	27/06/1998	Nữ	Khá	Luật
1345	165TDV400059	PHẠM VĂN	HUY	07/07/1998	Nam	Giỏi	Luật
1346	165TDV400195	LŨ THỊ	HUYỀN	26/07/1998	Nữ	Khá	Luật
1347	165TDV400320	BÙI ĐÌNH	LÂM	12/04/1995	Nam	Giỏi	Luật
1348	165TDV400212	TRẦN MAI	LỆ	21/12/1998	Nữ	Giỏi	Luật
1349	165TDV400211	CAO THỊ NHẬT	LINH	12/03/1998	Nữ	Khá	Luật
1350	165TDV400264	ĐẶNG THỊ	LINH	25/06/1998	Nữ	Giỏi	Luật
1351	165TDV400540	NGUYỄN THỊ KHÁNH	LINH	12/07/1998	Nữ	Khá	Luật
1352	165TDV400348	NGUYỄN THỊ MỸ	LINH	30/08/1998	Nữ	Khá	Luật
1353	165TDV400176	TRẦN VĂN QUANG	LINH	01/07/1997	Nam	Khá	Luật
1354	165TDV400360	TRƯƠNG THỊ PHƯƠNG	LINH	10/11/1998	Nữ	Khá	Luật
1355	165TDV400224	VĂN ĐÀU MỸ	LINH	27/05/1998	Nữ	Khá	Luật
1356	165TDV400569	NGUYỄN HOÀI	NAM	05/11/1997	Nam	Khá	Luật
1357	165TDV400302	HOÀNG ĐẠI	NGHĨA	16/05/1998	Nam	Trung bình	Luật
1358	165TDV400301	NGUYỄN VĂN	NINH	24/06/1996	Nam	Giỏi	Luật
1359	165TDV400216	NGUYỄN MINH	QUY	18/06/1994	Nam	Giỏi	Luật
1360	165TDV400249	TRẦN THỊ	QUỲNH	15/12/1998	Nữ	Giỏi	Luật

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
1361	165TDV400002	NGUYỄN CẢNH	TÀI	10/10/1997	Nam	Khá	Luật
1362	165TDV400339	NGUYỄN LÊ THANH	TÂM	10/09/1998	Nữ	Giỏi	Luật
1363	165TDV400177	TRẦN THỊ	TÂM	17/09/1997	Nữ	Giỏi	Luật
1364	165TDV400204	NGUYỄN BÁ	THÁI	06/06/1998	Nam	Khá	Luật
1365	165TDV400450	LÔ THỊ MAY	THẨM	29/09/1998	Nữ	Khá	Luật
1366	165TDV400537	LÊ THANH	THẢO	23/05/1997	Nữ	Giỏi	Luật
1367	165TDV400558	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	27/06/1998	Nữ	Khá	Luật
1368	165TDV400559	MÙA A	THÔNG	14/10/1997	Nam	Khá	Luật
1369	165TDV400013	NGÔ ANH	THỦY	16/10/1998	Nữ	Giỏi	Luật
1370	165TDV400336	NGŨ VĂN	TIẾN	08/06/1998	Nam	Giỏi	Luật
1371	165TDV400300	THÁI VĂN	TRÀ	04/10/1997	Nam	Trung bình	Luật
1372	165TDV400307	NGUYỄN THỊ	TRANG	06/04/1998	Nữ	Khá	Luật
1373	165TDV400277	NGUYỄN THỊ QUỲNH	TRANG	03/12/1998	Nữ	Khá	Luật
1374	165TDV400188	NGUYỄN THU	TRANG	29/06/1998	Nữ	Khá	Luật
1375	165TDV400142	ĐÌNH NAM	TUẤN	25/10/1997	Nam	Trung bình	Luật
1376	165TDV400182	HOÀNG THỊ	TUYẾT	25/10/1998	Nữ	Xuất sắc	Luật
1377	165TDV400291	HOÀNG BÁ	VIỆT	28/02/1998	Nam	Khá	Luật
1378	165TDV400472	HOÀNG THỊ HỒNG	YẾN	18/02/1998	Nữ	Giỏi	Luật
1379	165TDV400273	TRẦN THỊ KHÁNH	AN	19/05/1997	Nữ	Khá	Luật
1380	165TDV400337	BÙI NGỌC	ANH	28/10/1998	Nữ	Khá	Luật
1381	165TDV400368	PHẠM TIẾN	ĐẠT	05/09/1998	Nam	Khá	Luật
1382	165TDV400172	NGUYỄN MINH	ĐỨC	16/04/1998	Nam	Khá	Luật
1383	165TDV400279	NGUYỄN VĂN	ĐỨC	06/08/1998	Nam	Trung bình	Luật
1384	165TDV400378	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	DUNG	30/08/1998	Nữ	Khá	Luật
1385	165TDV400200	NGUYỄN MỸ	DUYÊN	27/10/1998	Nữ	Giỏi	Luật
1386	165TDV400037	NGUYỄN MINH	HIẾU	29/08/1998	Nữ	Khá	Luật
1387	165TDV400326	TRẦN THÁI	HƯNG	08/07/1995	Nam	Khá	Luật
1388	165TDV400078	NGUYỄN KHẮC	LÂN	29/09/1998	Nam	Khá	Luật
1389	165TDV400169	ĐỖ THÙY	LINH	08/12/1998	Nữ	Giỏi	Luật
1390	165TDV400259	PHẠM VĂN	LỘC	22/09/1998	Nam	Khá	Luật
1391	165TDV400541	ĐẶNG THỊ LÊ	NA	06/11/1997	Nữ	Khá	Luật
1392	165TDV400284	TRẦN CÔNG	NINH	13/07/1996	Nam	Khá	Luật
1393	165TDV400262	TRẦN MINH	QUANG	02/10/1998	Nam	Khá	Luật
1394	165TDV400297	ĐẶNG THỊ NHƯ	QUỲNH	07/10/1998	Nữ	Khá	Luật
1395	165TDV400130	NGUYỄN THỊ	TÂM	28/02/1997	Nữ	Khá	Luật
1396	165TDV400424	TRẦN SỸ	TÂM	06/09/1998	Nam	Khá	Luật
1397	165TDV400219	ĐẶNG THỊ THANH	THẢO	31/10/1998	Nữ	Giỏi	Luật
1398	165TDV400213	ĐẬU THỊ PHƯƠNG	THẢO	10/09/1998	Nữ	Khá	Luật
1399	165TDV400194	TRẦN THỊ	THƯƠNG	30/05/1998	Nữ	Giỏi	Luật

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
1400	165TDV400245	LÊ THỊ	TỐT	23/10/1998	Nữ	Giỏi	Luật
1401	165TDV400295	HỒ THỊ NGỌC	TRÂM	16/03/1998	Nữ	Giỏi	Luật
1402	165TDV400173	NGUYỄN THỊ	TRANG	26/02/1998	Nữ	Xuất sắc	Luật
1403	165TDV400367	NGUYỄN THỊ THANH	TÚ	15/07/1998	Nữ	Khá	Luật
1404	165TDV400237	CAO THANH	TÙNG	01/11/1998	Nam	Khá	Luật
1405	165TDV400398	BÙI THỊ YẾN	VI	25/08/1998	Nữ	Khá	Luật
1406	165TDV400157	LƯƠNG TRUNG	VŨ	25/11/1997	Nam	Khá	Luật
1407	165TDV400342	TRẦN QUANG	ĐẠT	20/11/1997	Nam	Khá	Luật
1408	165TDV400187	NGUYỄN TRỌNG	ĐỨC	18/04/1998	Nam	Khá	Luật
1409	165TDV400298	PHAN TRƯỜNG	GIANG	08/05/1997	Nam	Khá	Luật
1410	165TDV400223	NGUYỄN VĂN	HÒA	26/03/1997	Nam	Khá	Luật
1411	165TDV400335	TẠ BÁ	HÒA	02/05/1997	Nam	Khá	Luật
1412	165TDV400495	NGUYỄN ĐỨC	HÙNG	17/11/1998	Nam	Khá	Luật
1413	165TDV400161	TRẦN VĂN	HÙNG	10/10/1998	Nam	Khá	Luật
1414	165TDV400181	TRỊNH THỊ	LAN	19/02/1997	Nữ	Khá	Luật
1415	165TDV400210	TRẦN ĐĂNG	LÀNH	18/08/1996	Nam	Khá	Luật
1416	165TDV400229	LÊ THỊ THU	LỆ	08/07/1998	Nữ	Khá	Luật
1417	165TDV400244	HOÀNG THỊ	LINH	08/03/1998	Nữ	Khá	Luật
1418	165TDV400162	PHẠM THỊ DIỆU	LINH	09/11/1998	Nữ	Khá	Luật
1419	165TDV400310	TRẦN VŨ THẢO	LINH	03/02/1998	Nữ	Khá	Luật
1420	165TDV400380	NGUYỄN ĐỨC	NĂNG	10/05/1998	Nam	Khá	Luật
1421	165TDV400306	LÊ ANH	NGỌC	27/08/1998	Nam	Khá	Luật
1422	165TDV400183	DƯƠNG XUÂN	NHÂN	16/03/1998	Nam	Khá	Luật
1423	165TDV400522	NGUYỄN KHOA	PHÚ	10/06/1998	Nam	Trung bình	Luật
1424	165TDV400286	NINH VĂN	PHƯỚC	14/06/1998	Nam	Khá	Luật
1425	165TDV400489	LÊ THỊ	PHƯƠNG	15/02/1998	Nữ	Khá	Luật
1426	165TDV400232	TRẦN THỊ BÍCH	PHƯƠNG	29/04/1998	Nữ	Khá	Luật
1427	165TDV400267	LÊ ĐÌNH	QUÂN	18/11/1998	Nam	Khá	Luật
1428	165TDV400386	TRẦN THỊ	TÂM	06/06/1998	Nữ	Khá	Luật
1429	155D3801010288	NGUYỄN ĐÌNH	THÁI	19/07/1997	Nam	Khá	Luật
1430	165TDV400171	NGUYỄN NỮ HOÀNG	THẢO	02/01/1998	Nữ	Khá	Luật
1431	165TDV400567	NGUYỄN THỊ	THẢO	22/11/1997	Nữ	Khá	Luật
1432	165TDV400214	NGUYỄN THỊ THU	THẢO	21/03/1998	Nữ	Khá	Luật
1433	165TDV400251	LÊ THỊ	THƯƠNG	03/04/1998	Nữ	Khá	Luật
1434	165TDV400199	TRẦN THỊ THANH	THÚY	07/02/1998	Nữ	Khá	Luật
1435	165TDV400639	MAI THỊ	TRANG	25/02/1998	Nữ	Giỏi	Luật
1436	165TDV400327	NGUYỄN THU	TRANG	10/06/1998	Nữ	Khá	Luật
1437	165TDV400304	CHU XUÂN	TUẤN	11/02/1997	Nam	Khá	Luật
1438	165TDV400325	NGUYỄN VĂN	TUẤN	15/06/1998	Nam	Trung bình	Luật

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
1439	145D3801010288	Nguyễn Minh	Nhật	15/06/1996	Nam	Khá	Luật
1440	155D3801010337	NGUYỄN HỮU	PHƯỚC	27/03/1997	Nam	Trung bình	Luật
1441	155D3801010339	NGUYỄN TUẤN	VŨ	07/12/1997	Nam	Khá	Luật
1442	155D3801010460	Lê Xuân	Chinh	17/10/1994	Nam	Trung bình	Luật
1443	155D3801010481	NGUYỄN THẾ	NGHĨA	14/01/1995	Nam	Khá	Luật
1444	155D3801010313	LÝ QUANG	NINH	31/12/1993	Nam	Khá	Luật
1445	155D3801010424	ĐINH TẤT	BÌNH	06/03/1995	Nam	Trung bình	Luật
1446	155D3801010012	NGUYỄN NHẬT	DUY	15/12/1996	Nữ	Khá	Luật
1447	155D3801010116	NGUYỄN THỊ NHƯ	PHÚC	29/06/1997	Nữ	Khá	Luật
1448	155D3801010323	NGUYỄN THỊ	TRANG	07/05/1997	Nữ	Khá	Luật
1449	155D3801010102	TRẦN ĐĂNG	QUÂN	06/09/1997	Nam	Khá	Luật
1450	155D3801010493	ĐINH THỊ HẢI	YẾN	05/05/1997	Nữ	Giỏi	Luật
1451	155D3801010273	LÔ THỊ TÚ	ANH	10/09/1997	Nữ	Giỏi	Luật
1452	155D3801010660	CAO TIẾN	ĐẠT	11/10/1996	Nam	Trung bình	Luật
1453	155D3801010001	BÙI CÔNG	NGUYỄN	07/07/1997	Nam	Khá	Luật
1454	155D3801010518	NGUYỄN NGỌC	VƯƠNG	06/04/1997	Nam	Trung bình	Luật
1455	155D3801010196	NGUYỄN THỊ LAN	ANH	10/06/1997	Nữ	Khá	Luật
1456	155D3801010412	KIM THỊ	DUYÊN	20/12/1996	Nữ	Giỏi	Luật
1457	155D3801010435	NGUYỄN TRỌNG	MINH	25/01/1997	Nam	Trung bình	Luật
1458	155D3801010191	TRẦN HUY	HOÀNG	09/10/1996	Nam	Trung bình	Luật
1459	155D3801010243	ĐINH THỊ HIỀN	TRANG	14/10/1997	Nữ	Khá	Luật
1460	155D3801010186	NGUYỄN THỊ QUỲNH	CHÂU	20/12/1997	Nữ	Trung bình	Luật
1461	155D3801010433	HOÀNG NGUYỄN	HIẾU	05/10/1996	Nam	Khá	Luật
1462	155D3801010610	PHẠM GIA	KHÁNH	14/03/1997	Nam	Khá	Luật
1463	155D3801010709	PHẠM ĐỨC	CƯỜNG	03/10/1996	Nam	Trung bình	Luật
1464	155D3801010365	HOÀNG VĂN	THỰC	16/02/1995	Nam	Trung bình	Luật
1465	155D3801010691	SÙNG A	VĂNG	04/01/1997	Nam	Khá	Luật
1466	165TDV400090	LÊ THỊ NGỌC	ANH	03/01/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1467	165TDV400209	MẠC THỊ	BÌNH	24/12/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1468	165TDV400179	PHẠM VĂN	BÌNH	06/01/1998	Nam	Giỏi	Luật kinh tế
1469	165TDV400597	NGUYỄN THÀNH	CÔNG	02/08/1997	Nam	Khá	Luật kinh tế
1470	165TDV400618	BÙI CÔNG	CƯỜNG	08/11/1998	Nam	Trung bình	Luật kinh tế
1471	165TDV400605	PHẠM BÁ TRUNG	ĐỨC	01/10/1997	Nam	Khá	Luật kinh tế
1472	165TDV400517	LŨ THỊ	DUNG	08/11/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1473	165TDV400577	PHẠM QUANG	HẢI	06/07/1997	Nam	Khá	Luật kinh tế
1474	165TDV400346	ĐINH THỊ	HOÀI	02/09/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1475	165TDV400584	TÔN THỊ	HƯƠNG	21/01/1997	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1476	165TDV400018	NGUYỄN THỊ KHÁNH	HUYỀN	04/06/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1477	165TDV400587	NGUYỄN THỊ THU	HUYỀN	08/09/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
1478	165TDV400588	HỒ THỊ THÙY	LINH	06/08/1997	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1479	165TDV400581	LÊ THỊ	LINH	16/10/1998	Nữ	Giỏi	Luật kinh tế
1480	165TDV400596	TRỊNH THỊ	LINH	18/04/1997	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1481	165TDV400058	VÕ THỊ	LINH	16/06/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1482	165TDV400615	ĐÌNH THỊ	LƯƠNG	15/06/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1483	165TDV400604	HỒ THỊ TRÚC	LY	30/12/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1484	165TDV400499	NGUYỄN THỊ KIM	OANH	20/05/1998	Nữ	Giỏi	Luật kinh tế
1485	165TDV400151	NGUYỄN THỊ HÀ	PHƯƠNG	14/10/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1486	165TDV400601	TRƯƠNG THỊ HÀ	PHƯƠNG	29/05/1998	Nữ	Xuất sắc	Luật kinh tế
1487	165TDV400636	PHAN TÂM	QUẢNG	06/07/1998	Nam	Khá	Luật kinh tế
1488	165TDV400611	PHẠM THỊ BẢO	SOA	06/07/1998	Nữ	Giỏi	Luật kinh tế
1489	165TDV400196	NGUYỄN THỊ HỒNG	THẨM	04/09/1998	Nữ	Giỏi	Luật kinh tế
1490	165TDV400574	ĐẶNG THỊ	THẢO	15/03/1998	Nữ	Giỏi	Luật kinh tế
1491	165TDV400603	ĐẶNG QUANG	TRƯỜNG	26/11/1997	Nam	Trung bình	Luật kinh tế
1492	165TDV400303	TỪ THỊ OANH	VĂN	06/08/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1493	165TDV400612	ĐỖ MINH	VŨ	08/03/1997	Nam	Trung bình	Luật kinh tế
1494	165TDV400125	LÊ NGỌC	ANH	16/06/1998	Nữ	Trung bình	Luật kinh tế
1495	165TDV400044	NGUYỄN THỊ HỒNG	ANH	20/03/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1496	165TDV400067	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	28/08/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1497	165TDV400105	TRẦN TUẤN	ANH	23/01/1997	Nam	Khá	Luật kinh tế
1498	165TDV400135	NGUYỄN THỊ KHÁNH	CHI	18/10/1998	Nữ	Xuất sắc	Luật kinh tế
1499	165TDV400039	HỒ THỊ	DUNG	10/01/1997	Nữ	Giỏi	Luật kinh tế
1500	165TDV400068	LƯƠNG NGỌC	DUY	09/08/1998	Nam	Khá	Luật kinh tế
1501	165TDV400032	PHẠM THỊ	GIANG	17/01/1998	Nữ	Giỏi	Luật kinh tế
1502	165TDV400153	ĐẬU THỊ THU	HÀ	20/04/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1503	165TDV400512	NGUYỄN THỊ MINH	HẰNG	24/08/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1504	165TDV400051	PHẠM THỊ	HẰNG	06/12/1997	Nữ	Giỏi	Luật kinh tế
1505	165TDV400123	PHẠM THỊ THU	HIỀN	08/08/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1506	165TDV400122	NGUYỄN ANH	HIẾU	05/09/1998	Nam	Khá	Luật kinh tế
1507	165TDV400073	LÊ THỊ	HUỆ	26/03/1998	Nữ	Giỏi	Luật kinh tế
1508	165TDV400467	BÙI HUY	HÙNG	23/11/1998	Nam	Khá	Luật kinh tế
1509	165TDV400160	BÙI NGỌC	HÙNG	14/04/1998	Nam	Giỏi	Luật kinh tế
1510	165TDV400119	LÊ QUANG	KHÁNH	13/10/1998	Nam	Khá	Luật kinh tế
1511	165TDV400493	MAI LINH	KHUYÊN	02/10/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1512	165TDV400640	NGUYỄN THỊ MỸ	LINH	04/06/1997	Nữ	Giỏi	Luật kinh tế
1513	165TDV400104	NGUYỄN THỊ TRÀ	MY	01/10/1998	Nữ	Xuất sắc	Luật kinh tế
1514	165TDV400163	VÕ THỊ HỒNG	NGỌC	10/08/1998	Nữ	Xuất sắc	Luật kinh tế
1515	165TDV400085	PHAN THỊ THU	OANH	18/05/1998	Nữ	Giỏi	Luật kinh tế
1516	165TDV400091	HOÀNG HUYỀN	PHƯƠNG	24/05/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
1517	165TDV400143	TRỊNH THỊ	QUYÊN	17/06/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1518	165TDV400079	HỒ THỊ	THẨM	30/10/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1519	165TDV400133	THÁI THỊ	THẢO	06/12/1997	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1520	165TDV400019	NGUYỄN THỊ ANH	THƠ	26/03/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1521	165TDV400549	LÊ THỊ	THUỶ	27/04/1998	Nữ	Trung bình	Luật kinh tế
1522	165TDV400088	HÀ THỊ	TRANG	15/01/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1523	165TDV400164	NGUYỄN THỊ CẨM	TÚ	02/10/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1524	165TDV400074	NguyễnThị	Xuyên	24/01/1997	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1525	165TDV400081	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	09/04/1997	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1526	165TDV400009	LÊ HỮU	BẢN	14/04/1998	Nam	Khá	Luật kinh tế
1527	165TDV400040	NGUYỄN THỊ NGỌC	CHI	15/07/1997	Nữ	Xuất sắc	Luật kinh tế
1528	165TDV400220	LÊ THANH	CHƯƠNG	14/04/1996	Nam	Giỏi	Luật kinh tế
1529	165TDV400118	LÊ THỊ	DUNG	02/12/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1530	165TDV400004	NGHIÊM THỊ MAI	DUYÊN	25/06/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1531	165TDV400050	HỒ THỊ	HÀ	07/04/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1532	165TDV400126	LÊ THỊ THU	HÀ	09/09/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1533	165TDV400066	TRẦN THUỶ	HÀ	14/10/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1534	165TDV400098	ĐÌNH THÚY	HẰNG	03/12/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1535	165TDV400086	PHẠM THỊ THANH	HẰNG	15/03/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1536	165TDV400034	TRẦN THỊ THUỶ	HẰNG	02/07/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1537	165TDV400046	NGUYỄN THỊ	HIỀN	03/07/1997	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1538	165TDV400550	LÊ THỊ	HOA	15/08/1997	Nữ	Giỏi	Luật kinh tế
1539	165TDV400158	LÊ THỊ MỸ	HUỆ	07/04/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1540	165TDV400570	TRẦN KHẮC	HUY	23/02/1998	Nam	Khá	Luật kinh tế
1541	165TDV400147	HOÀNG KHÁNH	HUYỀN	26/02/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1542	165TDV400359	LÊ THÙY	LINH	01/04/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1543	165TDV400048	ĐẶNG THỊ	QUỲNH	02/02/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1544	165TDV400035	NGUYỄN THỊ	THANH	13/03/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1545	165TDV400017	HỒ THỊ	THƠ	18/02/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1546	165TDV400001	NGUYỄN THỊ HOÀI	THƯƠNG	06/07/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1547	165TDV400089	NGUYỄN VĂN	TÌNH	08/09/1995	Nam	Giỏi	Luật kinh tế
1548	165TDV400027	NGUYỄN THỊ	TRANG	11/08/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1549	165TDV400115	VÕ TRẦN THU	UYÊN	10/06/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1550	165TDV400096	NGUYỄN HỒ THÀNH	VŨ	24/05/1998	Nam	Khá	Luật kinh tế
1551	165TDV400029	TRẦN THỊ	YẾN	06/02/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1552	165TDV400563	TRẦN THỊ	YẾN	25/06/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1553	165TDV400308	VÕ THỊ KIM	ANH	29/01/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1554	165TDV400057	THÁI THỊ	BÌNH	23/08/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1555	165TDV400116	NGUYỄN THỊ	CHINH	12/08/1997	Nữ	Khá	Luật kinh tế

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
1556	165TDV400124	NGUYỄN MINH	CÔNG	05/10/1998	Nam	Khá	Luật kinh tế
1557	165TDV400131	HOÀNG PHÚ	CƯỜNG	04/08/1998	Nam	Giỏi	Luật kinh tế
1558	165TDV400127	HOÀNG THỊ QUỲNH	HÀ	04/04/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1559	165TDV400094	PHẠM THỊ	HÀ	28/10/1998	Nữ	Giỏi	Luật kinh tế
1560	165TDV400344	NGUYỄN LÝ	HẰNG	10/10/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1561	165TDV400129	NGUYỄN THỊ KHÁNH	HUYỀN	28/05/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1562	165TDV400562	VŨ THỊ	HUYỀN	13/08/1997	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1563	165TDV400080	BÙI THỊ	LINH	10/08/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1564	165TDV400128	NGUYỄN THỊ	LINH	16/07/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1565	165TDV400063	NGUYỄN TUYẾT	LINH	28/08/1998	Nữ	Trung bình	Luật kinh tế
1566	165TDV400152	PHẠM THỊ THÙY	LINH	27/10/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1567	165TDV400110	PHAN THỊ	LŨU	08/03/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1568	165TDV400148	TRẦN THỊ	MAI	14/01/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1569	165TDV400023	HOÀNG THỊ	NGỌC	09/08/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1570	165TDV400149	NGUYỄN HỒNG	NHUNG	05/02/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1571	165TDV400005	PHẠM THỊ	PHƯƠNG	17/07/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1572	165TDV400033	TRẦN THỊ NGUYỆT	PHƯƠNG	14/11/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1573	165TDV400062	LÊ THỊ	PHƯƠNG	10/12/1996	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1574	165TDV400038	TRỊNH THỊ	PHƯƠNG	20/11/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1575	165TDV400011	NGUYỄN THỊ THUÝ	QUỲNH	10/09/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1576	165TDV400111	TRẦN THỊ	TÂM	10/01/1998	Nữ	Giỏi	Luật kinh tế
1577	165TDV400003	LÊ THỊ	THƠM	04/01/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1578	165TDV400015	VŨ THỊ	THU'	14/12/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1579	165TDV400120	HỒ THỊ	THƯƠNG	02/09/1997	Nữ	Giỏi	Luật kinh tế
1580	165TDV400016	NGUYỄN THỊ THU	THÚY	10/02/1998	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1581	165TDV400008	PHẠM THỊ THÙY	TRANG	26/07/1998	Nữ	Giỏi	Luật kinh tế
1582	165TDV400139	NGUYỄN VĂN	TRIỂN	03/03/1998	Nam	Khá	Luật kinh tế
1583	165TDV400026	ĐINH THỊ	TRINH	20/07/1996	Nữ	Trung bình	Luật kinh tế
1584	165TDV400309	NGUYỄN VĂN	TRƯỜNG	14/07/1998	Nam	Khá	Luật kinh tế
1585	165TDV400036	HOÀNG SỸ	VIỆT	26/09/1998	Nam	Khá	Luật kinh tế
1586	165TDV400538	XÔNG BÁ	XÀ	23/07/1998	Nam	Khá	Luật kinh tế
1587	145D3801070425	Nguyễn Thế	Bảy	05/02/1994	Nam	Trung bình	Luật kinh tế
1588	145D3801070053	Nguyễn Thị Kim	Chi	28/02/1996	Nữ	Trung bình	Luật kinh tế
1589	155D3801070450	NGUYỄN NGỌC	THẠCH	20/11/1997	Nam	Trung bình	Luật kinh tế
1590	155D3801070087	BÙI THỊ THU	TRANG	30/04/1997	Nữ	Trung bình	Luật kinh tế
1591	155D3801070058	ĐẶNG THỊ HUYỀN	TRANG	24/09/1997	Nữ	Trung bình	Luật kinh tế
1592	155D3801070558	Lương Phan Quang	Nhật	25/12/1997	Nam	Trung bình	Luật kinh tế
1593	155D3801070327	LƯƠNG MINH	TUẤN	06/02/1997	Nam	Trung bình	Luật kinh tế
1594	155D3801070109	NGUYỄN VĂN	HẢO	05/08/1997	Nam	Khá	Luật kinh tế

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
1595	155D3801070010	LÊ THỊ HƯƠNG	QUỖNH	09/12/1997	Nữ	Giỏi	Luật kinh tế
1596	155D3801070262	BÀNH TRỌNG	BẢO	22/05/1997	Nam	Trung bình	Luật kinh tế
1597	155D3801070414	HOÀNG TÙNG	LÂM	25/08/1996	Nam	Khá	Luật kinh tế
1598	155D3801070309	TRẦN MỸ	HẠNH	19/05/1997	Nữ	Trung bình	Luật kinh tế
1599	155D3801070076	CAO ĐỨC	THÀNH	21/02/1996	Nam	Trung bình	Luật kinh tế
1600	155D3801070478	PHAN VĂN	PHÚ	26/11/1997	Nam	Trung bình	Luật kinh tế
1601	155D3801070248	NGUYỄN ANH	TUẤN	25/04/1995	Nam	Trung bình	Luật kinh tế
1602	155D3801070140	LÊ THỊ MỸ	LINH	04/05/1997	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1603	155D3801070071	ĐOÀN NGỌC	HOA	19/05/1996	Nam	Trung bình	Luật kinh tế
1604	155D3801070178	TRẦN THỊ	MẾN	22/07/1997	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1605	155D3801070465	BÙI VĂN	NAM	28/06/1995	Nam	Khá	Luật kinh tế
1606	155D3801070265	NGUYỄN VĂN	TỚI	01/11/1997	Nam	Trung bình	Luật kinh tế
1607	155D3801070498	ĐOÀN THỊ TRÀ	MY	02/07/1997	Nữ	Khá	Luật kinh tế
1608	155D3801070271	LÊ SỸ	PHƯƠNG	05/06/1995	Nam	Khá	Luật kinh tế
1609	145D2202018003	Nguyễn Thị Quỳnh	Trang	19/07/1996	Nữ	Giỏi	Ngôn ngữ Anh
1610	165D22020100111	CAO THỊ VÂN	ANH	25/08/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1611	165D22020100112	LÊ QUỖNH	ANH	12/08/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1612	165D22020100148	BÙI THỊ	ÁNH	06/11/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1613	165D22020100015	NGUYỄN VĂN	CÔNG	12/09/1996	Nam	Khá	Ngôn ngữ Anh
1614	165D22020100147	NGUYỄN THỊ TRÀ	GIANG	01/10/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1615	165D22020100009	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	20/02/1997	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1616	165D22020100005	HỒ THỊ	HUYỀN	16/06/1998	Nữ	Giỏi	Ngôn ngữ Anh
1617	165D22020100128	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	16/01/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1618	165D22020100019	TRẦN THỊ	HUYỀN	18/01/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1619	165D22020100130	HOÀNG THỊ	KIỀU	10/05/1998	Nữ	Giỏi	Ngôn ngữ Anh
1620	165D22020100135	BÙI THỊ	LINH	15/01/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1621	165D22020100004	HỒ THỊ	LINH	12/11/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1622	165D22020100018	TRẦN THỊ THÙY	LINH	10/12/1997	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1623	165D22020100001	TRẦN THỊ	MẾN	17/03/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1624	165D22020100041	NGUYỄN THỊ HUYỀN	MY	15/04/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1625	165D22020100017	NGUYỄN THỊ	NA	19/02/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1626	165D22020100052	NGUYỄN THỊ	NGUYỆT	12/05/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1627	165D22020100057	NGUYỄN THỊ KIM	OANH	12/03/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1628	165D22020100002	PHAN THỊ LAN	PHƯƠNG	08/04/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1629	165D22020100091	ĐÌNH THỊ THÚY	QUỖNH	12/08/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1630	165D22020100165	PHẠM THỊ	THÀNH	21/05/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1631	165D22020100080	NGUYỄN THỊ THANH	THẢO	15/03/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1632	165D22020100149	VÕ THỊ	THU	27/01/1998	Nữ	Trung bình	Ngôn ngữ Anh
1633	165D22020100138	MAI THỊ	THƯƠNG	25/09/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
1634	165D22020100031	NGUYỄN THỊ	THƯƠNG	08/07/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1635	165D22020100011	NGUYỄN THỊ	THUY	15/03/1998	Nữ	Trung bình	Ngôn ngữ Anh
1636	165D22020100027	TRẦN THỊ THÚY	THÚY	17/03/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1637	165D22020100143	HỒ THỊ	TÌNH	19/10/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1638	165D22020100013	PHAN THỊ	TRÀ	01/10/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1639	165D22020100043	ĐẶNG THỊ	TRANG	10/01/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1640	165D22020100032	NGUYỄN THỊ	TRANG	08/02/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1641	165D22020100092	NGUYỄN THỊ	VÂN	15/10/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1642	165D22020100051	PHẠM THỊ	VINH	10/04/1997	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1643	165D22020100064	HOÀNG LÊ TÚ	ANH	28/08/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1644	165D22020100145	NGUYỄN THỊ LAN	ANH	26/03/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1645	165D22020100137	NGUYỄN THỊ TRÂM	ANH	05/11/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1646	165D22020100060	NGUYỄN THỊ NGỌC	DIỆP	09/04/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1647	165D22020100101	TRƯƠNG THỊ	DUNG	15/12/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1648	165D22020100053	NGUYỄN THỊ	HIỀN	05/03/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1649	165D22020100014	PHAN THỊ	HOA	27/04/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1650	165D22020100102	THÁI THỊ	HOÀI	15/12/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1651	165D22020100050	ĐẶNG THỊ KHÁNH	HUYỀN	09/02/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1652	165D22020100072	DƯƠNG THỊ	HUYỀN	20/06/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1653	165D22020110161	LÊ THỊ NGỌC	HUYỀN	24/08/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1654	165D22020100054	PHẠM THỊ THANH	HUYỀN	10/02/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1655	165D22020100126	ĐINH THỊ	LINH	16/05/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1656	165D22020100136	NGUYỄN LINH	LINH	20/04/1998	Nữ	Giỏi	Ngôn ngữ Anh
1657	165D22020100040	PHAN THỊ DIỆU	LINH	23/08/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1658	165D22020100094	TRẦN THỊ	LY	02/10/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1659	165D22020100038	TRẦN THỊ KHÁNH	LY	30/07/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1660	165D22020100140	ĐẬU THỊ	NGA	14/10/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1661	165D22020100033	DƯƠNG THỊ	NGA	04/11/1998	Nữ	Giỏi	Ngôn ngữ Anh
1662	165D22020100098	HOÀNG THỊ	NHÂN	30/01/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1663	165D22020100088	PHẠM THỊ	NHÂN	21/10/1998	Nữ	Trung bình	Ngôn ngữ Anh
1664	165D22020100036	DƯƠNG THỊ HỒNG	NHUNG	11/05/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1665	165D22020100129	LÊ THỊ	NHUNG	26/02/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1666	165D22020100077	PHẠM THỊ	QUYÊN	22/05/1998	Nữ	Trung bình	Ngôn ngữ Anh
1667	165D22020100069	NGUYỄN THỊ	QUỲNH	07/11/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1668	165D22020100133	NGỌ THỊ	THẨM	22/09/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1669	165D22020100144	NGÔ THỊ	THANH	23/08/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1670	165D22020100142	PHAN TRỌNG PHƯỚC	THÀNH	30/08/1998	Nam	Khá	Ngôn ngữ Anh
1671	165D22020100045	LÊ THỊ	THẢO	03/10/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1672	165D22020100119	NGUYỄN THỊ	THẢO	16/08/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
1673	165D22020100115	TRƯƠNG THỊ KIM	THOA	13/01/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1674	165D22020100047	NGUYỄN VĂN	THỜI	17/07/1998	Nam	Khá	Ngôn ngữ Anh
1675	165D22020100162	NGUYỄN THỊ	THƠM	10/02/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1676	165D22020100127	LÊ THỊ	THƯ	03/07/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1677	165D22020100070	NGUYỄN THỊ	THƯƠNG	04/02/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1678	165D22020100067	NGUYỄN THỊ	TRANG	26/03/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1679	165D22020100160	NGUYỄN THỊ	TRANG	09/06/1998	Nữ	Trung bình	Ngôn ngữ Anh
1680	165D22020100046	PHAN ANH	TRÚC	12/06/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1681	165D22020100008	NGUYỄN THỊ	VÂN	15/04/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1682	165D22020100087	NGUYỄN PHẠM QUỲNH	ANH	08/08/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1683	165D22020100081	NGUYỄN THỊ TRUNG	ANH	04/06/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1684	165D22020100086	THÁI HÒA	ANH	08/01/1998	Nam	Khá	Ngôn ngữ Anh
1685	165D22020100066	VÕ THỊ	ĐÀO	02/01/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1686	165D22020100103	CỤ Y	DÌ	08/03/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1687	155D22020160001	Chu Thị	Diệp	23/03/1997	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1688	165D22020100104	LÊ THỊ THÚY	HẰNG	04/01/1998	Nữ	Giỏi	Ngôn ngữ Anh
1689	165D22020100118	NGÔ THỊ	HẰNG	01/12/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1690	165D22020100125	NGÔ MỸ	HẠNH	23/01/1999	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1691	165D22020100097	NGUYỄN THỊ	HẠNH	21/05/1998	Nữ	Giỏi	Ngôn ngữ Anh
1692	165D22020100073	TRẦN THU	HIỀN	16/01/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1693	165D22020100108	VÕ THỊ	HIỀN	14/04/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1694	165D22020100049	ĐÀM THỊ	HIẾU	05/05/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1695	165D22020100065	NGUYỄN THỊ	HIẾU	13/10/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1696	165D22020100075	PHÙNG THỊ	HOÀI	16/05/1997	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1697	165D22020100042	NGUYỄN THỊ	HƯỜNG	24/09/1998	Nữ	Giỏi	Ngôn ngữ Anh
1698	165D22020100084	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	05/08/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1699	165D22020100034	NGUYỄN THỊ	LAN	20/10/1998	Nữ	Giỏi	Ngôn ngữ Anh
1700	165D22020100093	HỒ THANH	LỊCH	28/12/1997	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1701	165D22020100025	TRẦN THỊ	LINH	19/05/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1702	165D22020100157	NGUYỄN THẢO	LY	17/09/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1703	165D22020100074	THÁI PHƯƠNG	LY	13/12/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1704	165D22020100059	NGUYỄN THỊ	MÉN	01/05/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1705	165D22020100152	ĐẶNG THỊ TRÀ	MY	13/10/1998	Nữ	Giỏi	Ngôn ngữ Anh
1706	165D22020100044	NGUYỄN THỊ	NGA	10/01/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1707	165D22020100056	ĐINH THỊ	NGUYỆT	22/11/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1708	165D22020100167	CAO THỊ TRÀ	NHI	25/06/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1709	165D22020100096	PHẠM THỊ	NHƯ	06/01/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1710	165D22020100078	NGUYỄN THỊ	QUY	16/03/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1711	165D22020100122	HỒ THỊ NHƯ	QUỲNH	28/01/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
1712	165D22020100106	PHẠM VĂN	TIỀN	04/04/1998	Nam	Khá	Ngôn ngữ Anh
1713	165D22020100024	PHAN THỊ CẨM	TÚ	25/10/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1714	165D22020100063	NGUYỄN THỊ	VÂN	05/05/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1715	165D22020100048	TRƯƠNG THỊ	VINH	17/05/1997	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1716	165D22020100082	HOÀNG THỊ	YÊN	10/03/1997	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1717	165D22020100090	HOÀNG THỊ HẢI	YẾN	02/08/1998	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1718	155D2202010066	TRẦN THỊ	HẰNG	23/02/1996	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1719	155D2202010058	ĐẶNG THỊ MỸ	HOA	16/10/1996	Nữ	Khá	Ngôn ngữ Anh
1720	155D2202010057	TRƯƠNG THỊ	HÒA	26/08/1997	Nữ	Trung bình	Ngôn ngữ Anh
1721	155D2202010002	NGUYỄN THỊ TỐ	NHU'	10/05/1997	Nữ	Trung bình	Ngôn ngữ Anh
1722	155D2202010227	NGUYỄN THỊ	Ý	10/09/1997	Nữ	Trung bình	Ngôn ngữ Anh
1723	165TDV300071	Lô Nguyễn Tú	Bình	21/08/1998	Nữ	Khá	Nông học
1724	165TDV300003	LƯƠNG THỊ	DOAN	07/03/1998	Nữ	Khá	Nông học
1725	165TDV300005	VI VĂN	DƯƠNG	01/10/1998	Nam	Khá	Nông học
1726	165TDV300075	Cụt Văn	Nhiệm	28/02/1997	Nam	Khá	Nông học
1727	165TDV300086	Hoàng Thị Hồng	Nhung	02/03/1998	Nữ	Giỏi	Nông học
1728	165TDV300078	HỒ NGỌC	QUỲNH	20/04/1998	Nữ	Xuất sắc	Nông học
1729	165TDV300083	Phạm Thị	Tươi	18/03/1998	Nữ	Giỏi	Nông học
1730	165TDV300007	Lê Thảo	Vân	14/10/1999	Nữ	Khá	Nông học
1731	145D6201090019	Trần Ngọc	Thành	01/12/1996	Nam	Trung bình	Nông học
1732	155D6201090017	Lang Văn	Doãn	04/04/1992	Nam	Trung bình	Nông học
1733	155D6201092005	Lo Thị	Hằng	03/06/1995	Nữ	Khá	Nông học
1734	155D6201092001	Hoàng Trung	Nghĩa	01/11/1996	Nam	Trung bình	Nông học
1735	165TDV300062	Phan Tuấn	Anh	05/07/1998	Nam	Trung bình	Nuôi trồng thủy sản
1736	165TDV300017	VÕ VĂN	ĐOÀN	02/02/1998	Nam	Khá	Nuôi trồng thủy sản
1737	165TDV300055	TRẦN NGỌC	HOÀNG	25/01/1998	Nam	Khá	Nuôi trồng thủy sản
1738	165TDV300031	Trần Văn	Hoàng	17/03/1998	Nam	Trung bình	Nuôi trồng thủy sản
1739	165TDV300049	Hồ Văn	Hùng	20/04/1998	Nam	Khá	Nuôi trồng thủy sản
1740	165TDV300045	LÊ CÔNG	HUY	25/08/1998	Nam	Giỏi	Nuôi trồng thủy sản
1741	165TDV300081	DƯƠNG VĂN	KIÊN	13/05/1998	Nam	Khá	Nuôi trồng thủy sản
1742	165TDV300068	Quế Văn	Nam	24/08/1998	Nam	Khá	Nuôi trồng thủy sản
1743	165TDV300044	HỒ THỊ	OANH	11/04/1998	Nữ	Giỏi	Nuôi trồng thủy sản
1744	165TDV300021	BÙI SỸ	QUỐC	09/09/1998	Nam	Khá	Nuôi trồng thủy sản
1745	165TDV300080	NGUYỄN VĂN	QUỐC	10/10/1998	Nam	Khá	Nuôi trồng thủy sản
1746	165TDV300060	BÙI QUANG	THIỆN	16/01/1998	Nam	Khá	Nuôi trồng thủy sản
1747	165TDV300069	Phan Thị Hoài	Thu	12/08/1998	Nữ	Khá	Nuôi trồng thủy sản
1748	165TDV300040	PHẠM THỊ NGỌC	TRÂM	27/04/1998	Nữ	Giỏi	Nuôi trồng thủy sản
1749	165TDV300026	ĐÌNH NGỌC	ANH	30/10/1998	Nam	Khá	Quản lý đất đai
1750	165TDV300035	VƯƠNG THỊ THỤC	CHINH	08/03/1998	Nữ	Giỏi	Quản lý đất đai

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
1751	165TDV300079	TRẦN THỊ	HUYỀN	22/07/1998	Nữ	Xuất sắc	Quản lý đất đai
1752	165TDV340099	Kaummasan	Phetlane	27/09/1996	Nữ	Khá	Quản lý đất đai
1753	165TDV340102	Panyanouvong	Phoukhaongeun	07/06/1997	Nam	Trung bình	Quản lý đất đai
1754	165TDV340095	Phimmady	Sonethala	15/05/1995	Nữ	Khá	Quản lý đất đai
1755	165TDV300027	ĐÌNH QUANG	VŨ	22/05/1998	Nam	Khá	Quản lý đất đai
1756	145D8501030006	Lữ Xuân	Huy	10/06/1996	Nam	Trung bình	Quản lý đất đai
1757	145D8501030111	Vũ Mỹ Tiểu	Ly	17/08/1995	Nữ	Khá	Quản lý đất đai
1758	155D8501030009	LÔ THỊ	DUNG	08/01/1996	Nữ	Khá	Quản lý đất đai
1759	155D8501030020	KHA VĂN	HUY	07/06/1997	Nam	Trung bình	Quản lý đất đai
1760	155D8501030035	Hà Thị	Lan	09/05/1995	Nữ	Trung bình	Quản lý đất đai
1761	145D1401140036	Trần Thị	Huyền	05/04/1996	Nữ	Khá	Quản lý giáo dục
1762	145D1401140018	Lô Thị	Vân	01/12/1995	Nữ	Khá	Quản lý giáo dục
1763	155D1401140009	TRẦN THỊ THANH	NGÂN	14/07/1997	Nữ	Giỏi	Quản lý giáo dục
1764	155D1401140011	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	19/01/1997	Nữ	Khá	Quản lý giáo dục
1765	165TDV300038	NGUYỄN THỊ THANH	HOÀI	15/02/1998	Nữ	Giỏi	Quản lý tài nguyên và môi trường
1766	165TDV340098	Sisombath	Khamphouv	07/02/1998	Nữ	Trung bình	Quản lý tài nguyên và môi trường
1767	165TDV300042	ĐẶNG THỊ	LINH	21/01/1998	Nữ	Giỏi	Quản lý tài nguyên và môi trường
1768	165TDV300064	HỒ THỊ MỸ	LINH	23/09/1998	Nữ	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
1769	165TDV300058	VÕ THỤC	NỮ	16/11/1998	Nữ	Giỏi	Quản lý tài nguyên và môi trường
1770	165TDV300053	NGUYỄN THỊ LÂM	OANH	09/01/1998	Nữ	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
1771	165TDV340101	Keodalavin	Olod	11/10/1994	Nam	Trung bình	Quản lý tài nguyên và môi trường
1772	165TDV340097	Souksavanh	Phommahaxay	04/10/1996	Nam	Trung bình	Quản lý tài nguyên và môi trường
1773	165TDV340096	Phothisane	Tanoy	02/05/1997	Nam	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
1774	165TDV300023	LÊ THỊ	THẢO	08/08/1998	Nữ	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
1775	165TDV300039	NGUYỄN THỊ	THẢO	11/06/1998	Nữ	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
1776	165TDV300057	PHAN THỊ KIM	THẢO	28/02/1998	Nữ	Giỏi	Quản lý tài nguyên và môi trường
1777	165TDV300008	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THU	02/06/1998	Nữ	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
1778	165TDV300051	HOA XUÂN	THUẬN	06/04/1998	Nam	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
1779	165TDV340100	Mangthaphone	Tou	06/06/1997	Nam	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
1780	165TDV300056	NGUYỄN THỊ	TRÀ	28/08/1998	Nữ	Giỏi	Quản lý tài nguyên và môi trường
1781	165TDV300020	LÊ THỊ HÀ	TRANG	16/03/1997	Nữ	Giỏi	Quản lý tài nguyên và môi trường
1782	165TDV300004	PHẠM THỊ ÁNH	TUYẾT	02/08/1998	Nữ	Giỏi	Quản lý tài nguyên và môi trường
1783	165TDV300033	VÕ THỊ THÚY	VÂN	10/10/1998	Nữ	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
1784	135D8501010670	Trần Vũ	Hiệp	16/12/1995	Nam	Trung bình	Quản lý tài nguyên và môi trường
1785	145D8501010125	Nguyễn Văn	Hảo	20/06/1996	Nam	Trung bình	Quản lý tài nguyên và môi trường
1786	145D8501010249	Phạm Hữu	Nhất	08/03/1993	Nam	Trung bình	Quản lý tài nguyên và môi trường
1787	155D8501010003	PHẠM	DUY	06/06/1997	Nam	Trung bình	Quản lý tài nguyên và môi trường
1788	155D8501010007	HOÀNG XUÂN	LỘC	29/01/1997	Nam	Trung bình	Quản lý tài nguyên và môi trường
1789	155D8501010002	NGUYỄN THỊ BÍCH	PHƯƠNG	07/03/1997	Nữ	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
1790	155D8501010013	TRẦN THỊ HUYỀN	TRANG	28/09/1997	Nữ	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
1791	155D8501010077	NGUYỄN VĂN	NHO	17/10/1997	Nam	Khá	Quản lý tài nguyên và môi trường
1792	155D8501010025	PHẠM	TOÁN	13/01/1997	Nam	Trung bình	Quản lý tài nguyên và môi trường
1793	165TDV100253	NGUYỄN THỊ	AN	20/03/1998	Nữ	Xuất sắc	Quản trị kinh doanh
1794	165TDV100436	ĐINH ĐỨC	ANH	26/02/1998	Nam	Trung bình	Quản trị kinh doanh
1795	165TDV100384	NGUYỄN THỊ MAI	ANH	17/02/1998	Nữ	Khá	Quản trị kinh doanh
1796	165TDV100414	NGUYỄN THỊ VÂN	ANH	19/06/1998	Nữ	Khá	Quản trị kinh doanh
1797	165TDV100218	HOÀNG THỊ NGỌC	ÁNH	16/05/1998	Nữ	Khá	Quản trị kinh doanh
1798	165TDV100310	PHẠM THỊ LINH	CHI	03/06/1998	Nữ	Khá	Quản trị kinh doanh
1799	165TDV100341	NGUYỄN THỊ THU	HIỀN	30/04/1998	Nữ	Khá	Quản trị kinh doanh
1800	165TDV100721	TRẦN THỊ	HIỀN	25/12/1997	Nữ	Giỏi	Quản trị kinh doanh
1801	165TDV100420	PHAN VĂN	HIẾU	18/09/1998	Nam	Khá	Quản trị kinh doanh
1802	165TDV100440	HOÀNG BÁ	HIẾU	31/03/1998	Nam	Khá	Quản trị kinh doanh
1803	165TDV100387	NGUYỄN THỊ	HOA	13/03/1996	Nữ	Giỏi	Quản trị kinh doanh
1804	165TDV100604	BÙI THỊ	HUYỀN	04/02/1998	Nữ	Xuất sắc	Quản trị kinh doanh
1805	165TDV100385	NGUYỄN THỊ KHÁNH	HUYỀN	15/11/1998	Nữ	Khá	Quản trị kinh doanh
1806	165TDV100578	TRẦN THỊ	HUYỀN	08/09/1998	Nữ	Khá	Quản trị kinh doanh
1807	165TDV140749	Syphachanh	Latdavanh	30/11/1997	Nữ	Trung bình	Quản trị kinh doanh
1808	165TDV100293	TRẦN THỊ MỸ	LINH	14/08/1998	Nữ	Khá	Quản trị kinh doanh
1809	165TDV100151	TRẦN VĂN	LỘC	08/05/1998	Nam	Khá	Quản trị kinh doanh
1810	165TDV100448	NGUYỄN THỊ ÁNH	NGUYỆT	11/05/1998	Nữ	Trung bình	Quản trị kinh doanh
1811	165TDV100416	BÙI THỊ QUỲNH	NHU'	09/03/1998	Nữ	Khá	Quản trị kinh doanh
1812	165TDV100430	NGUYỄN THỊ HOÀI	PHƯƠNG	04/09/1998	Nữ	Giỏi	Quản trị kinh doanh
1813	165TDV100452	NGUYỄN ĐỨC	QUÂN	01/11/1998	Nam	Khá	Quản trị kinh doanh
1814	165TDV100381	LÊ HẢI	SƠN	25/01/1998	Nam	Giỏi	Quản trị kinh doanh
1815	165TDV100004	HỒ THỊ	TÂM	15/06/1998	Nữ	Khá	Quản trị kinh doanh
1816	165TDV100291	NGUYỄN THỊ	THANH	22/07/1998	Nữ	Trung bình	Quản trị kinh doanh
1817	165TDV100418	BÙI THỊ	THẢO	08/10/1998	Nữ	Khá	Quản trị kinh doanh
1818	165TDV100729	NGUYỄN THỊ NGỌC	THẢO	23/06/1998	Nữ	Khá	Quản trị kinh doanh
1819	165TDV100284	LÊ THỊ NGỌC	TRANG	26/10/1998	Nữ	Khá	Quản trị kinh doanh
1820	165TDV100409	LÊ THỊ QUỲNH	TRANG	08/12/1998	Nữ	Khá	Quản trị kinh doanh
1821	165TDV100234	TRẦN THỊ CẨM	TÚ	15/05/1998	Nữ	Khá	Quản trị kinh doanh
1822	165TDV100585	NGUYỄN ANH	TUẤN	20/06/1998	Nam	Khá	Quản trị kinh doanh
1823	165TDV100282	DƯƠNG THỊ THUY	VINH	21/12/1998	Nữ	Khá	Quản trị kinh doanh
1824	165TDV100379	NGUYỄN NHẬT	Ý	09/01/1998	Nam	Giỏi	Quản trị kinh doanh
1825	165TDV100424	HỒ THỊ	YẾN	30/08/1998	Nữ	Khá	Quản trị kinh doanh
1826	165TDV100419	HỒ THỊ QUỲNH	YẾN	19/09/1997	Nữ	Xuất sắc	Quản trị kinh doanh
1827	165TDV100512	NGUYỄN TUẤN	ANH	25/02/1998	Nam	Trung bình	Quản trị kinh doanh
1828	165TDV100470	NGUYỄN DUY	CƯỜNG	09/07/1998	Nam	Khá	Quản trị kinh doanh

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
1829	165TDV100504	MAI ANH	ĐỨC	22/03/1997	Nam	Khá	Quản trị kinh doanh
1830	165TDV100603	HÀ THỊ THANH	DUNG	15/04/1998	Nữ	Khá	Quản trị kinh doanh
1831	165TDV100614	NGUYỄN THỊ NGUYỆT	HÀ	06/01/1998	Nữ	Khá	Quản trị kinh doanh
1832	165TDV100599	TRẦN THỊ	HẢO	27/01/1998	Nữ	Khá	Quản trị kinh doanh
1833	165TDV100710	NGUYỄN THỊ	HỘI	16/06/1997	Nữ	Khá	Quản trị kinh doanh
1834	165TDV100623	NGUYỄN THỊ	HƯƠNG	15/03/1997	Nữ	Giỏi	Quản trị kinh doanh
1835	165TDV100593	NGUYỄN THỊ THANH	HUYỀN	10/05/1998	Nữ	Khá	Quản trị kinh doanh
1836	165TDV100466	PHẠM THỊ KHÁNH	HUYỀN	30/10/1998	Nữ	Khá	Quản trị kinh doanh
1837	165TDV100432	LÊ ĐÌNH	KHÔI	15/05/1998	Nam	Khá	Quản trị kinh doanh
1838	165TDV100471	MAI KHÁNH	LY	10/06/1998	Nữ	Khá	Quản trị kinh doanh
1839	165TDV100597	LỤC THỊ	OANH	21/12/1997	Nữ	Xuất sắc	Quản trị kinh doanh
1840	165TDV100474	NGUYỄN ĐỨC	THẮNG	21/11/1998	Nam	Trung bình	Quản trị kinh doanh
1841	165TDV100481	ĐÌNH THỊ THANH	THẢO	16/04/1998	Nữ	Khá	Quản trị kinh doanh
1842	165TDV100547	NGÔ THỊ	THƯƠNG	03/09/1998	Nữ	Khá	Quản trị kinh doanh
1843	165TDV100552	NGUYỄN THỊ MINH	THÚY	04/06/1998	Nữ	Trung bình	Quản trị kinh doanh
1844	135D3401010128	Bùi Thái	Đạt	02/09/1995	Nam	Trung bình	Quản trị kinh doanh
1845	145D3401010047	Nguyễn Đình	Phúc	18/07/1996	Nam	Khá	Quản trị kinh doanh
1846	145D3401010028	Vương Đình	Trường	11/09/1995	Nam	Trung bình	Quản trị kinh doanh
1847	155D3401010070	TRẦN THỊ TÚ	ANH	25/07/1996	Nữ	Trung bình	Quản trị kinh doanh
1848	155D3401010048	NGUYỄN THỊ	ÁNH	09/10/1997	Nữ	Trung bình	Quản trị kinh doanh
1849	155D3401010101	NGUYỄN VIỆT	HUỲNH	12/12/1997	Nam	Trung bình	Quản trị kinh doanh
1850	155D3401010039	PHẠM HÙNG HÀ	MY	24/09/1997	Nữ	Khá	Quản trị kinh doanh
1851	155D3401010105	TRẦN ĐỨC	QUÝ	06/01/1992	Nam	Trung bình	Quản trị kinh doanh
1852	155D3401010068	LƯƠNG VĂN	TRUNG	18/06/1997	Nam	Khá	Quản trị kinh doanh
1853	155D3401010155	TÙ HỮU	TRƯỜNG	30/05/1997	Nam	Trung bình	Quản trị kinh doanh
1854	155D3401010076	PHẠM VĂN	TUẤN	20/06/1997	Nam	Trung bình	Quản trị kinh doanh
1855	155D3401010142	NGUYỄN THỊ HÀ	XUYỀN	04/02/1997	Nữ	Trung bình	Quản trị kinh doanh
1856	155D3401010163	PHẠM QUỲNH	MAI	04/03/1997	Nữ	Trung bình	Quản trị kinh doanh
1857	155D3401010202	Phạm Quang	Phúc	03/02/1997	Nam	Trung bình	Quản trị kinh doanh
1858	155D3401010195	LƯƠNG THỊ MINH	TÂM	02/07/1997	Nữ	Khá	Quản trị kinh doanh
1859	165TDV600308	NGUYỄN THỊ LAN	ANH	17/08/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Địa lý
1860	165TDV600326	LỘC TRỌNG	CẦU	10/01/1997	Nam	Giỏi	Sư phạm Địa lý
1861	165TDV600284	LƯƠNG VĂN	CHUYỀN	15/02/1998	Nam	Khá	Sư phạm Địa lý
1862	165TDV600310	LƯU QUỐC	CƯỜNG	13/10/1998	Nam	Giỏi	Sư phạm Địa lý
1863	165TDV600270	NGUYỄN THỊ	HẰNG	22/12/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Địa lý
1864	165TDV600283	VÕ THỊ KIM	HUỆ	02/09/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Địa lý
1865	165TDV600354	LÊ TIẾN	LƯU	12/08/1995	Nam	Xuất sắc	Sư phạm Địa lý
1866	165TDV600300	ĐỖ THỊ NGỌC	MAI	08/02/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Địa lý
1867	165TDV600263	NGUYỄN THÀNH	NAM	24/11/1996	Nam	Giỏi	Sư phạm Địa lý

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
1868	165TDV600289	PHAN THỊ LÂM	OANH	03/03/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Địa lý
1869	165TDV600271	PHAN THỊ THANH	THẢO	09/10/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Địa lý
1870	165TDV600296	HOÀNG THỊ HUYỀN	THI	31/05/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Địa lý
1871	165TDV640146	Toulakham	Thoungsay	10/07/1996	Nữ	Trung bình	Sư phạm Địa lý
1872	165TDV600286	NGUYỄN THỊ HOÀI	THU	27/09/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Địa lý
1873	165TDV600078	LÊ THỊ THÙY	TRANG	02/05/1998	Nữ	Giỏi	Sư phạm Địa lý
1874	165TDV600280	TRẦN THỊ	TÚ	27/05/1998	Nữ	Giỏi	Sư phạm Địa lý
1875	165TDV600363	TRƯƠNG HOÀNG	TÙNG	21/12/1998	Nam	Khá	Sư phạm Địa lý
1876	165TDV600298	LƯU THỊ	YẾN	05/05/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Địa lý
1877	165TDV600294	THÁI THỊ HẢI	YẾN	17/04/1996	Nữ	Khá	Sư phạm Địa lý
1878	135D1402191034	Nguyễn Thị	Thái	08/02/1995	Nữ	Khá	Sư phạm Địa lý
1879	145D1402191065	Nguyễn Thị	Thu	30/05/1995	Nữ	Khá	Sư phạm Địa lý
1880	155D1402191024	TRẦN THỊ THU	HIỀN	15/05/1996	Nữ	Khá	Sư phạm Địa lý
1881	155D1402191054	NGUYỄN VĂN	HIỆU	06/02/1997	Nam	Trung bình	Sư phạm Địa lý
1882	155D1402191016	VÕ THỊ PHƯƠNG	HOA	27/10/1997	Nữ	Giỏi	Sư phạm Địa lý
1883	155D1402191022	VI THỊ	LINH	05/01/1997	Nữ	Khá	Sư phạm Địa lý
1884	155D1402191047	LÔ THỊ HẰNG	NGA	23/03/1997	Nữ	Khá	Sư phạm Địa lý
1885	165TDV500110	TRẦN THỊ QUỲNH	ANH	12/02/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Hóa học
1886	165TDV500010	VÕ THỊ NGỌC	ANH	26/05/1997	Nữ	Khá	Sư phạm Hóa học
1887	165TDV500094	DƯƠNG THỊ NGỌC	HẰNG	23/04/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Hóa học
1888	165TDV500071	LÔ THỊ	HIỆP	23/06/1998	Nữ	Giỏi	Sư phạm Hóa học
1889	165TDV500029	ĐẬU THỊ	HOÀNG	18/10/1998	Nữ	Giỏi	Sư phạm Hóa học
1890	165TDV500024	LÊ THỊ	HỒNG	14/02/1998	Nữ	Giỏi	Sư phạm Hóa học
1891	165TDV500052	HOÀNG THỊ MAI	HƯƠNG	11/02/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Hóa học
1892	165TDV500036	VƯƠNG THỊ	HƯƠNG	12/01/1998	Nữ	Xuất sắc	Sư phạm Hóa học
1893	165TDV500135	PHẠM THANH	HUYỀN	16/08/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Hóa học
1894	165TDV500136	PHẠM THỊ HOÀI	LAM	26/09/1997	Nữ	Xuất sắc	Sư phạm Hóa học
1895	165TDV500079	HỒ THỊ	LÀNH	09/07/1998	Nữ	Xuất sắc	Sư phạm Hóa học
1896	165TDV510180	HỒ THỊ	LINH	23/07/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Hóa học
1897	165TDV500072	LÊ THỊ MAI	LINH	07/04/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Hóa học
1898	165TDV500062	PHAN THỊ	NHÂN	21/11/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Hóa học
1899	165TDV500095	HOÀNG YẾN	NHI	16/02/1997	Nữ	Giỏi	Sư phạm Hóa học
1900	165TDV500021	LÊ THỊ KIM	NHUNG	12/02/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Hóa học
1901	165TDV500149	NGUYỄN THỊ	NHUNG	10/05/1998	Nữ	Xuất sắc	Sư phạm Hóa học
1902	165TDV500019	PHAN THỊ HỒNG	NHUNG	25/12/1998	Nữ	Xuất sắc	Sư phạm Hóa học
1903	165TDV540197	Lothanong	Phonh	20/05/1995	Nam	Trung bình	Sư phạm Hóa học
1904	165TDV540198	Bounnhavong	Phouangthong	10/02/1995	Nam	Trung bình	Sư phạm Hóa học
1905	165TDV500009	TRẦN THỊ NGỌC	PHƯƠNG	13/02/1998	Nữ	Trung bình	Sư phạm Hóa học
1906	165TDV500093	VŨ THỊ LAN	PHƯƠNG	01/04/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Hóa học

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
1907	165TDV500002	PHẠM THỊ THANH	TÂM	27/05/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Hóa học
1908	165TDV500124	NGUYỄN THỊ QUỲNH	TRANG	26/03/1997	Nữ	Giỏi	Sư phạm Hóa học
1909	165TDV500128	TRẦN THỊ	VÂN	01/03/1998	Nữ	Trung bình	Sư phạm Hóa học
1910	165TDV500170	CHU THỊ HẢI	YẾN	22/12/1998	Nữ	Xuất sắc	Sư phạm Hóa học
1911	165TDV500043	NGUYỄN THỊ HẢI	YẾN	04/04/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Hóa học
1912	145D1402121039	Ngô Minh	Đức	10/12/1996	Nam	Khá	Sư phạm Hóa học
1913	165TDV600276	BẠCH THỊ MỸ	DUYÊN	04/03/1998	Nữ	Giỏi	Sư phạm Lịch sử
1914	165TDV600331	ĐÀM THỊ	HOÀI	06/06/1997	Nữ	Giỏi	Sư phạm Lịch sử
1915	165TDV600333	VŨ THỊ THANH	HUẾ	31/12/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Lịch sử
1916	165TDV600288	HỒ THỊ CẨM	MÂY	10/03/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Lịch sử
1917	165TDV600327	NGUYỄN THÁI	THẮNG	05/11/1997	Nam	Giỏi	Sư phạm Lịch sử
1918	165TDV600336	NGUYỄN THỊ	THẢO	05/05/1998	Nữ	Giỏi	Sư phạm Lịch sử
1919	165TDV600282	TRƯƠNG THỊ	THÚY	27/08/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Lịch sử
1920	155D1402181002	LÊ THỊ	HIẾU	10/07/1997	Nữ	Khá	Sư phạm Lịch sử
1921	155D1402181029	TRẦN THỊ KIM	LIÊN	28/03/1997	Nữ	Khá	Sư phạm Lịch sử
1922	165TDV600153	PHẠM THỊ MINH	ÁNH	20/07/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Ngữ văn
1923	165TDV600032	PHAN THỊ	BÍCH	30/08/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Ngữ văn
1924	165TDV600029	TRẦN THỊ	GIANG	05/01/1998	Nữ	Trung bình	Sư phạm Ngữ văn
1925	165TDV600367	LÊ THỊ	HÀ	17/07/1998	Nữ	Trung bình	Sư phạm Ngữ văn
1926	165TDV600008	TRẦN THỊ THANH	HÀ	10/04/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Ngữ văn
1927	165TDV600020	TRẦN THỊ	HẢI	18/05/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Ngữ văn
1928	165TDV600104	HỒ THỊ	HẰNG	01/09/1997	Nữ	Xuất sắc	Sư phạm Ngữ văn
1929	165TDV600027	HỒ THỊ	HẰNG	25/01/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Ngữ văn
1930	165TDV600229	NGUYỄN THỊ	HẰNG	26/09/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Ngữ văn
1931	165TDV600102	NGUYỄN THÚY	HẰNG	07/09/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Ngữ văn
1932	165TDV600121	NGUYỄN THỊ THÚY	HIỀN	19/08/1998	Nữ	Giỏi	Sư phạm Ngữ văn
1933	165TDV600049	NGUYỄN THỊ NHỊ	HOA	09/11/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Ngữ văn
1934	165TDV600366	TRẦN THỊ	HỒNG	01/04/1997	Nữ	Khá	Sư phạm Ngữ văn
1935	165TDV600040	LÊ THU	HƯƠNG	27/10/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Ngữ văn
1936	165TDV600128	NGUYỄN THỊ ĐỨC	HUYỀN	16/08/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Ngữ văn
1937	165TDV600109	ĐINH THỊ	LÂM	24/10/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Ngữ văn
1938	165TDV600189	TRẦN THỊ	LAN	13/03/1997	Nữ	Giỏi	Sư phạm Ngữ văn
1939	165TDV600023	LÊ THỊ	LÂN	10/12/1998	Nữ	Giỏi	Sư phạm Ngữ văn
1940	165TDV600068	BÙI THỊ	LINH	25/04/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Ngữ văn
1941	165TDV600136	CAO THỊ HƯƠNG	LINH	21/02/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Ngữ văn
1942	165TDV600318	NGÔ THỊ	LY	15/08/1997	Nữ	Khá	Sư phạm Ngữ văn
1943	165TDV600154	LÊ THỊ HẢI	LÝ	28/09/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Ngữ văn
1944	165TDV600054	NGUYỄN THỊ HẢI	LÝ	08/11/1998	Nữ	Xuất sắc	Sư phạm Ngữ văn
1945	165TDV610380	XEO THỊ	LÝ	06/10/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Ngữ văn

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
1946	165TDV600245	TRỊNH THỊ	MAI	03/03/1997	Nữ	Khá	Sư phạm Ngữ văn
1947	165TDV600132	HOÀNG THỊ	MẾN	06/12/1997	Nữ	Khá	Sư phạm Ngữ văn
1948	165TDV600344	NGUYỄN THỊ	NGÂN	02/01/1997	Nữ	Giỏi	Sư phạm Ngữ văn
1949	165TDV600193	NGUYỄN THỊ	NGỌC	09/02/1997	Nữ	Khá	Sư phạm Ngữ văn
1950	165TDV600016	VŨ NHƯ	NGỌC	24/07/1997	Nữ	Giỏi	Sư phạm Ngữ văn
1951	165TDV610379	NGUYỄN THỊ YẾN	NHI	30/04/1998	Nữ	Giỏi	Sư phạm Ngữ văn
1952	165TDV600158	NGUYỄN THỊ NHƯ	QUỖNH	02/12/1998	Nữ	Xuất sắc	Sư phạm Ngữ văn
1953	165TDV600061	NGUYỄN THỊ THÚY	QUỖNH	18/03/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Ngữ văn
1954	165TDV600106	HOÀNG THỊ	THÀNH	05/07/1998	Nữ	Giỏi	Sư phạm Ngữ văn
1955	165TDV600162	NGUYỄN THỊ	THẢO	28/02/1998	Nữ	Xuất sắc	Sư phạm Ngữ văn
1956	165TDV600075	LÊ THỊ	THỦY	11/08/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Ngữ văn
1957	165TDV600118	NGUYỄN THỊ	THỦY	20/10/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Ngữ văn
1958	165TDV600192	LÔ THỊ THỦY	TIỀN	07/12/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Ngữ văn
1959	165TDV600233	HOÀNG THỊ	TRANG	11/11/1998	Nữ	Giỏi	Sư phạm Ngữ văn
1960	165TDV600273	TRẦN THỊ KIỀU	TRINH	09/07/1998	Nữ	Giỏi	Sư phạm Ngữ văn
1961	165TDV600305	NGUYỄN VĂN	TÚ	19/10/1995	Nam	Khá	Sư phạm Ngữ văn
1962	165TDV600062	HOÀNG VĂN	TUẤN	11/09/1998	Nam	Khá	Sư phạm Ngữ văn
1963	165TDV600002	TRẦN QUỐC	TUẤN	21/04/1997	Nam	Giỏi	Sư phạm Ngữ văn
1964	145D1402171003	Lê Thị	Nga	05/10/1996	Nữ	Khá	Sư phạm Ngữ văn
1965	145D1402171069	Phan Thị	Yến	04/05/1996	Nữ	Trung bình	Sư phạm Ngữ văn
1966	155D1402171018	NGUYỄN QUỐC	MINH	15/08/1997	Nam	Khá	Sư phạm Ngữ văn
1967	165TDV500140	NGUYỄN THỊ KIM	DUNG	22/09/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Sinh học
1968	165TDV500168	NGUYỄN MỸ	HOA	20/10/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Sinh học
1969	165TDV540196	Phomdek	Khamko	16/12/1997	Nam	Trung bình	Sư phạm Sinh học
1970	165TDV500126	ĐẬU THỊ	MAI	15/01/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Sinh học
1971	165TDV510183	LÊ THỊ ÁNH	NGỌC	20/08/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Sinh học
1972	165TDV500047	PHẠM THỊ	TÂM	01/04/1998	Nữ	Giỏi	Sư phạm Sinh học
1973	165TDV500048	CHẾ THỊ HOÀI	THƯ	08/10/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Sinh học
1974	165TDV500060	NGUYỄN LÂM	THƯ	04/01/1998	Nữ	Giỏi	Sư phạm Sinh học
1975	165TDV500143	LÊ THỊ THẢO	VÂN	06/03/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Sinh học
1976	145D1402131004	Đặng Thành	Đạt	01/08/1996	Nam	Khá	Sư phạm Sinh học
1977	145D1402131021	Phạm Thị	Lam	02/08/1995	Nữ	Trung bình	Sư phạm Sinh học
1978	155D1402131045	LÊ THỊ HỒNG	HUỆ	13/05/1997	Nữ	Khá	Sư phạm Sinh học
1979	155D1402131030	PHẠM THỊ THU	THẢO	03/04/1997	Nữ	Khá	Sư phạm Sinh học
1980	165D14023100030	HỒ THỊ QUỖNH	ANH	20/10/1998	Nữ	Khá	Sư phạm tiếng Anh
1981	165D14023100021	NGUYỄN THỊ TÚ	ANH	07/09/1998	Nữ	Trung bình	Sư phạm tiếng Anh
1982	165D14023100015	LÊ THỊ NGỌC	ÁNH	05/09/1997	Nữ	Giỏi	Sư phạm tiếng Anh
1983	165D14023100050	CHU THỊ THUỶ	DƯƠNG	08/02/1998	Nữ	Khá	Sư phạm tiếng Anh
1984	165D14023100001	NGUYỄN THỊ	GIANG	07/08/1998	Nữ	Giỏi	Sư phạm tiếng Anh

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
1985	165D14023100025	VŨ THỊ HÀ	GIANG	21/11/1998	Nữ	Giỏi	Sư phạm tiếng Anh
1986	165D14023100037	HOÀNG THỊ	HÀ	01/04/1998	Nữ	Khá	Sư phạm tiếng Anh
1987	165D14023100009	NGUYỄN THỊ	HÀ	27/07/1998	Nữ	Khá	Sư phạm tiếng Anh
1988	165D14023100047	NGUYỄN THỊ ĐỨC	HẠNH	05/12/1998	Nữ	Giỏi	Sư phạm tiếng Anh
1989	165D14023100051	PHẠM THỊ THU	HIỀN	23/01/1998	Nữ	Khá	Sư phạm tiếng Anh
1990	165D14023100052	VŨ PHƯƠNG	HOA	14/10/1998	Nữ	Khá	Sư phạm tiếng Anh
1991	165D14023100055	ĐINH THỊ NGỌC	HOÀ	09/08/1998	Nữ	Giỏi	Sư phạm tiếng Anh
1992	165D14023100002	BÙI THỊ	HƯƠNG	07/03/1998	Nữ	Giỏi	Sư phạm tiếng Anh
1993	165D14023100040	LÊ THANH	HUYỀN	10/04/1998	Nữ	Giỏi	Sư phạm tiếng Anh
1994	165D14023100004	NGUYỄN THỊ	HUYỀN	10/07/1998	Nữ	Khá	Sư phạm tiếng Anh
1995	135D1402091012	Hoàng Trần Khánh	Linh	14/07/1995	Nữ	Giỏi	Sư phạm tiếng Anh
1996	165D14023100013	LÊ THỊ MAI	LINH	18/10/1998	Nữ	Giỏi	Sư phạm tiếng Anh
1997	165D14023100034	LÊ THỊ THÙY	LINH	05/03/1997	Nữ	Giỏi	Sư phạm tiếng Anh
1998	165D14023100048	THÁI THỊ MỸ	LINH	01/01/1998	Nữ	Giỏi	Sư phạm tiếng Anh
1999	165D14023100008	CAO THỊ	LÝ	27/09/1998	Nữ	Khá	Sư phạm tiếng Anh
2000	165D14023100007	HỒ THỊ	LÝ	30/05/1998	Nữ	Khá	Sư phạm tiếng Anh
2001	165D14023100018	NGUYỄN THỊ	MẾN	08/10/1998	Nữ	Xuất sắc	Sư phạm tiếng Anh
2002	165D14023100043	PHAN THỊ TRÀ	MY	19/03/1997	Nữ	Giỏi	Sư phạm tiếng Anh
2003	165D14023100019	MAI THÀNH	NAM	20/09/1998	Nam	Khá	Sư phạm tiếng Anh
2004	165D14023100027	LANG THỊ	NGA	04/09/1998	Nữ	Khá	Sư phạm tiếng Anh
2005	165D14023100044	NGUYỄN THỊ	NGỌC	12/06/1997	Nữ	Xuất sắc	Sư phạm tiếng Anh
2006	165D14023100031	VÕ THỊ	NGỌC	20/10/1997	Nữ	Khá	Sư phạm tiếng Anh
2007	165D14023100049	NGUYỄN THẢO	NHI	20/10/1998	Nữ	Xuất sắc	Sư phạm tiếng Anh
2008	165D14023100054	ĐOÀN THỊ	NHUNG	20/09/1997	Nữ	Giỏi	Sư phạm tiếng Anh
2009	165D14023100042	LÊ HẰNG	PHƯƠNG	17/01/1998	Nữ	Giỏi	Sư phạm tiếng Anh
2010	165D14023100017	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	18/06/1998	Nữ	Giỏi	Sư phạm tiếng Anh
2011	165D14023100023	LÊ NGỌC	QUỲNH	03/04/1998	Nữ	Giỏi	Sư phạm tiếng Anh
2012	165D14023100005	NGUYỄN THỊ	QUỲNH	07/01/1997	Nữ	Xuất sắc	Sư phạm tiếng Anh
2013	165D14023100026	PHẠM HỒNG	THẨM	16/02/1998	Nữ	Khá	Sư phạm tiếng Anh
2014	165D14023100033	LÊ THỊ PHƯƠNG	THẢO	12/02/1998	Nữ	Giỏi	Sư phạm tiếng Anh
2015	165D14023100039	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	20/12/1998	Nữ	Khá	Sư phạm tiếng Anh
2016	165D14023100011	NGUYỄN THỊ	THƯƠNG	07/02/1998	Nữ	Khá	Sư phạm tiếng Anh
2017	165D14023100029	NGUYỄN HÀ	TRANG	18/09/1998	Nữ	Khá	Sư phạm tiếng Anh
2018	165D14023100010	PHAN THỊ	TRANG	24/08/1998	Nữ	Giỏi	Sư phạm tiếng Anh
2019	165D14023100024	ĐẶNG THỊ MINH	TÚ	20/12/1998	Nữ	Khá	Sư phạm tiếng Anh
2020	165D14023100041	BẠCH NGUYỄN THẢO	UYÊN	03/08/1998	Nữ	Khá	Sư phạm tiếng Anh
2021	165D14023100016	TRẦN THỊ	VUI	25/05/1998	Nữ	Khá	Sư phạm tiếng Anh
2022	165D14023100035	TRẦN PHƯƠNG THẢO	VY	28/10/1998	Nữ	Khá	Sư phạm tiếng Anh
2023	145D1402101025	Đặng Quốc	Việt	12/01/1996	Nam	Trung bình	Sư phạm Tin học

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
2024	165TDV500042	TRƯƠNG THANH	AN	23/10/1998	Nam	Khá	Sư phạm Toán học
2025	165TDV500103	NGUYỄN THỊ NGỌC	ANH	18/10/1998	Nữ	Xuất sắc	Sư phạm Toán học
2026	165TDV500117	PHAN THỊ TÚ	ANH	07/11/1998	Nữ	Giỏi	Sư phạm Toán học
2027	165TDV500101	LÔ MINH	ÁNH	07/07/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học
2028	165TDV500104	MẠNH THỊ	CHINH	01/01/1998	Nữ	Xuất sắc	Sư phạm Toán học
2029	165TDV500146	HOÀNG THÀNH	ĐẠT	22/12/1997	Nam	Xuất sắc	Sư phạm Toán học
2030	165TDV500005	LÊ ĐÌNH HUỖNH	ĐỨC	20/07/1998	Nam	Giỏi	Sư phạm Toán học
2031	165TDV500027	NGUYỄN THỊ HƯƠNG	GIANG	01/05/1997	Nữ	Xuất sắc	Sư phạm Toán học
2032	165TDV500004	NGUYỄN THỊ	HẰNG	03/07/1998	Nữ	Giỏi	Sư phạm Toán học
2033	165TDV500085	NGUYỄN THỊ	HẠNH	26/01/1997	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học
2034	165TDV500106	NGUYỄN THỊ	HIỀN	18/01/1998	Nữ	Giỏi	Sư phạm Toán học
2035	165TDV500102	TẠ THỊ	HOA	06/12/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học
2036	165TDV500034	PHAN THỊ	HOÀI	15/08/1998	Nữ	Xuất sắc	Sư phạm Toán học
2037	165TDV500067	NGUYỄN DOÃN	HOÀNG	17/12/1997	Nam	Giỏi	Sư phạm Toán học
2038	165TDV500011	LÊ THỊ	HỒNG	04/04/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học
2039	165TDV500035	HOÀNG THỊ	HUYỀN	23/05/1997	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học
2040	165TDV500016	NGUYỄN THỊ NGỌC	KHÁNH	06/03/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học
2041	165TDV500109	NGUYỄN LÊ NGỌC	LINH	09/10/1997	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học
2042	165TDV500023	LÊ THỊ	MƠ	01/09/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học
2043	165TDV500073	BÙI THỊ BÍCH	NGA	09/10/1996	Nữ	Giỏi	Sư phạm Toán học
2044	165TDV500118	NGUYỄN THỊ	NGÂN	20/01/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học
2045	165TDV500077	LÊ THỊ	NHÂN	10/03/1997	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học
2046	165TDV500033	NGUYỄN THỊ	OANH	16/04/1997	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học
2047	165TDV500167	NGUYỄN VY	PHƯƠNG	20/12/1997	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học
2048	165TDV500014	NGUYỄN THỊ	SANG	12/02/1998	Nữ	Giỏi	Sư phạm Toán học
2049	165TDV500054	VÕ THỊ	THẨM	05/03/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học
2050	165TDV500129	ĐẶNG THỊ	THƯƠNG	26/03/1998	Nữ	Giỏi	Sư phạm Toán học
2051	165TDV500173	NGUYỄN THỊ	THƯƠNG	10/02/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học
2052	165TDV500082	VÕ THỊ	THÚY	03/11/1997	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học
2053	165TDV500090	PHAN THỊ PHƯƠNG	TRÀ	11/10/1998	Nữ	Giỏi	Sư phạm Toán học
2054	165TDV500015	BÙI THỊ QUỲNH	TRANG	20/11/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học
2055	165TDV500017	PHẠM THỊ HUYỀN	TRANG	19/06/1997	Nữ	Giỏi	Sư phạm Toán học
2056	165TDV500074	NGUYỄN THỊ KIỀU	TRINH	03/09/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học
2057	165TDV500037	LƯƠNG QUÝ	TRỌNG	15/10/1997	Nam	Khá	Sư phạm Toán học
2058	165TDV500083	NGUYỄN THỊ HÀ	VI	14/10/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học
2059	165TDV500032	NGÔ TRƯỜNG	AN	30/04/1997	Nữ	Xuất sắc	Sư phạm Toán học
2060	165TDV510182	CAO XUÂN	CHUẨN	16/06/1998	Nam	Khá	Sư phạm Toán học
2061	165TDV510192	NGUYỄN THỊ	DINH	24/07/1998	Nữ	Xuất sắc	Sư phạm Toán học
2062	165TDV500012	NGUYỄN THỊ	ĐỨC	03/02/1998	Nữ	Giỏi	Sư phạm Toán học

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
2063	165TDV500081	PHAN MỸ	HẠNH	19/08/1998	Nữ	Trung bình	Sư phạm Toán học
2064	165TDV500025	TRẦN THỊ	HỢP	13/05/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học
2065	165TDV500114	HOÀNG THỊ	HƯƠNG	08/01/1998	Nữ	Giỏi	Sư phạm Toán học
2066	165TDV510175	LÊ THỊ	HUYỀN	15/12/1997	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học
2067	165TDV510178	TRẦN THỊ THÚY	HUYỀN	28/08/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học
2068	165TDV500030	PHAN THỊ	LAM	05/02/1998	Nữ	Xuất sắc	Sư phạm Toán học
2069	165TDV500112	BÙI THỊ MỸ	LINH	10/01/1998	Nữ	Giỏi	Sư phạm Toán học
2070	165TDV500108	LÊ MAI	LINH	22/03/1998	Nữ	Giỏi	Sư phạm Toán học
2071	165TDV500069	PHẠM THỊ	LINH	06/12/1998	Nữ	Giỏi	Sư phạm Toán học
2072	165TDV500061	PHẠM THÙY	LINH	02/10/1998	Nữ	Giỏi	Sư phạm Toán học
2073	165TDV500098	TẠ NGUYỄN LAN	LINH	31/08/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học
2074	165TDV500159	NGÔ THỊ HỒNG	LY	20/02/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học
2075	165TDV500040	NGUYỄN THỊ	MAI	18/01/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học
2076	165TDV500171	NGUYỄN THỊ	NGÂN	10/12/1996	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học
2077	165TDV510191	NGUYỄN THỊ	NGỌC	04/06/1997	Nữ	Giỏi	Sư phạm Toán học
2078	165TDV500137	TRẦN LÂM	OANH	24/07/1998	Nữ	Giỏi	Sư phạm Toán học
2079	165TDV500153	TRẦN THỊ	QUYÊN	25/11/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học
2080	165TDV500049	HOÀNG MAI	SƯƠNG	20/08/1998	Nữ	Giỏi	Sư phạm Toán học
2081	165TDV510193	BÙI THẠCH	THẢO	10/09/1998	Nữ	Giỏi	Sư phạm Toán học
2082	165TDV500113	NGUYỄN THỊ	THƯƠNG	25/10/1997	Nữ	Giỏi	Sư phạm Toán học
2083	165TDV510176	ĐẶNG THỊ	TÌNH	17/01/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học
2084	165TDV500123	TRẦN THỊ	TRANG	06/02/1997	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học
2085	165TDV500039	LÝ THỊ	TÚ	02/03/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học
2086	135D1402092001	Lương Thị Quỳnh	Trang	22/10/1994	Nam	Trung bình	Sư phạm Toán học
2087	145D1402111075	Nguyễn Thị	Hiền	24/08/1995	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học
2088	145D1402111121	Đinh Thị	Son	10/12/1996	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học
2089	155D1402091087	THÁI NỮ TÚ	TRINH	28/02/1997	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học
2090	155D1402091036	LỮ THỊ	NGỌC	13/07/1997	Nữ	Khá	Sư phạm Toán học
2091	155D1402091004	TRẦN VĂN	TIỆP	30/07/1990	Nam	Giỏi	Sư phạm Toán học
2092	165TDV510196	Lê Xuân	Bảo	07/01/1996	Nam	Xuất sắc	Sư phạm Vật lý
2093	165TDV500050	HOÀNG NGHĨA	ĐẠT	13/02/1998	Nam	Khá	Sư phạm Vật lý
2094	165TDV500141	PHẠM THỊ HƯƠNG	GIANG	12/09/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Vật lý
2095	165TDV500078	ĐÀO THỊ	HIỀN	21/02/1998	Nữ	Giỏi	Sư phạm Vật lý
2096	165TDV500133	NGUYỄN THỊ	HIỀN	09/06/1998	Nữ	Giỏi	Sư phạm Vật lý
2097	165TDV500148	PHẠM QUỐC	HOÀNG	14/01/1998	Nam	Khá	Sư phạm Vật lý
2098	165TDV500057	VÕ MINH	HOÀNG	24/06/1995	Nam	Khá	Sư phạm Vật lý
2099	165TDV500142	NGUYỄN THỊ	KHÁNH	23/05/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Vật lý
2100	165TDV500086	NGUYỄN THỊ NHẬT	LỆ	06/08/1998	Nữ	Giỏi	Sư phạm Vật lý
2101	165TDV500084	NGUYỄN THỊ HOÀI	PHƯƠNG	06/04/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Vật lý

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
2102	165TDV510194	NGUYỄN THỊ	THẢO	28/01/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Vật lý
2103	165TDV500107	NGUYỄN THỊ PHƯƠNG	THẢO	20/10/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Vật lý
2104	165TDV500051	NGUYỄN THỊ HOÀI	THU	14/09/1998	Nữ	Giỏi	Sư phạm Vật lý
2105	165TDV500127	NGUYỄN THỊ HÀ	TRANG	26/03/1997	Nữ	Xuất sắc	Sư phạm Vật lý
2106	165TDV500164	TRẦN THỊ	TRINH	20/12/1997	Nữ	Giỏi	Sư phạm Vật lý
2107	165TDV500147	NGUYỄN THỊ	TUYẾT	29/06/1998	Nữ	Giỏi	Sư phạm Vật lý
2108	165TDV500105	PHẠM THỊ	TUYẾT	06/07/1998	Nữ	Giỏi	Sư phạm Vật lý
2109	165TDV510186	NGUYỄN THỊ	YÊN	26/03/1998	Nữ	Khá	Sư phạm Vật lý
2110	155D1402111004	LÊ THỊ QUỲNH	ANH	20/01/1997	Nữ	Khá	Sư phạm Vật lý
2111	155D1402111022	TRẦN THỊ	HẠNH	08/08/1997	Nữ	Khá	Sư phạm Vật lý
2112	165TDV100406	NGUYỄN THỊ THẢO	ANH	01/05/1998	Nữ	Trung bình	Tài chính - Ngân hàng
2113	165TDV100408	TRẦN THỊ NGỌC	ANH	11/08/1997	Nữ	Trung bình	Tài chính - Ngân hàng
2114	165TDV100521	NGÔ VƯƠNG NGỌC	ÁNH	06/03/1998	Nữ	Khá	Tài chính - Ngân hàng
2115	165TDV100542	LƯƠNG THỊ LINH	CHI	15/04/1998	Nữ	Khá	Tài chính - Ngân hàng
2116	165TDV100288	NGUYỄN VĂN	DŨNG	11/08/1998	Nam	Giỏi	Tài chính - Ngân hàng
2117	165TDV100497	VÕ THỊ THÙY	DƯƠNG	27/04/1998	Nữ	Khá	Tài chính - Ngân hàng
2118	165TDV100276	LƯƠNG VĂN	DUY	27/04/1998	Nam	Khá	Tài chính - Ngân hàng
2119	165TDV100465	NGUYỄN THỊ	HỒNG	18/03/1998	Nữ	Giỏi	Tài chính - Ngân hàng
2120	165TDV100165	NGUYỄN THỊ	HUỆ	02/02/1998	Nữ	Xuất sắc	Tài chính - Ngân hàng
2121	165TDV100447	LÊ THỊ	HUYỀN	21/08/1998	Nữ	Khá	Tài chính - Ngân hàng
2122	165TDV100522	NGUYỄN THỊ	LIÊN	02/01/1998	Nữ	Giỏi	Tài chính - Ngân hàng
2123	165TDV100692	LÊ THỊ THÙY	LINH	19/10/1998	Nữ	Khá	Tài chính - Ngân hàng
2124	165TDV100526	NGUYỄN THỊ HUYỀN	LINH	06/06/1998	Nữ	Trung bình	Tài chính - Ngân hàng
2125	165TDV100539	PHAN THỊ	LY	18/07/1998	Nữ	Giỏi	Tài chính - Ngân hàng
2126	165TDV100292	HẮC THỊ	MAI	03/05/1998	Nữ	Giỏi	Tài chính - Ngân hàng
2127	155D3402010109	THÁI THỊ	MINH	10/08/1996	Nữ	Khá	Tài chính - Ngân hàng
2128	165TDV100396	LÊ THỊ HÀ	MY	10/08/1998	Nữ	Trung bình	Tài chính - Ngân hàng
2129	165TDV100405	ĐẶNG THỊ	NGA	01/01/1998	Nữ	Xuất sắc	Tài chính - Ngân hàng
2130	165TDV100388	NGUYỄN THỊ CẨM	NHUNG	14/08/1998	Nữ	Khá	Tài chính - Ngân hàng
2131	165TDV100443	LÊ THỊ	PHƯƠNG	03/02/1998	Nữ	Khá	Tài chính - Ngân hàng
2132	165TDV100524	PHẠM NGỌC	QUANG	28/03/1998	Nam	Khá	Tài chính - Ngân hàng
2133	165TDV140745	Phonetayvanh	Soukthavy	16/09/1996	Nữ	Khá	Tài chính - Ngân hàng
2134	165TDV100608	HOÀNG THỊ PHƯƠNG	THẢO	22/08/1998	Nữ	Khá	Tài chính - Ngân hàng
2135	165TDV100634	PHAN TRẦN CHUNG	THỦY	20/12/1998	Nữ	Khá	Tài chính - Ngân hàng
2136	165TDV140744	Sisamouth	Toukta	18/09/1998	Nữ	Khá	Tài chính - Ngân hàng
2137	165TDV100322	HOÀNG HỮU	TRỌNG	16/06/1998	Nam	Xuất sắc	Tài chính - Ngân hàng
2138	165TDV140748	Duangdet	Vilath	09/04/1998	Nam	Giỏi	Tài chính - Ngân hàng
2139	155D3402010110	TRẦN HỮU	KHANG	07/03/1997	Nam	Trung bình	Tài chính - Ngân hàng
2140	155D3402010105	NGUYỄN THỊ	NGA	31/12/1997	Nữ	Khá	Tài chính - Ngân hàng

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
2141	155D3402010052	TRẦN THỊ KIỀU	OANH	26/08/1997	Nữ	Khá	Tài chính - Ngân hàng
2142	155D3402010108	NGUYỄN THỊ	THƯƠNG	24/02/1997	Nữ	Khá	Tài chính - Ngân hàng
2143	145D3402010057	Nguyễn Thị Bích	Nga	03/11/1995	Nữ	Trung bình	Tài chính - Ngân hàng
2144	155D3402010022	NGÔ THỊ PHƯƠNG	TRINH	22/11/1997	Nữ	Trung bình	Tài chính - Ngân hàng
2145	165TDV400436	TRẦN THỊ	ANH	10/05/1998	Nữ	Khá	Việt Nam học
2146	165TDV400444	VÕ THỊ THÚY	HẰNG	05/08/1998	Nữ	Giỏi	Việt Nam học
2147	165TDV400372	TRẦN THỊ	HIỀN	15/10/1998	Nữ	Giỏi	Việt Nam học
2148	165TDV400383	NGUYỄN ĐỨC	HIẾU	22/12/1998	Nam	Khá	Việt Nam học
2149	165TDV400553	HỒ THỊ	HOA	11/02/1998	Nữ	Giỏi	Việt Nam học
2150	165TDV400402	LÊ THỊ THANH	HOA	08/07/1998	Nữ	Giỏi	Việt Nam học
2151	165TDV400374	NGUYỄN THỊ	HOA	10/09/1998	Nữ	Khá	Việt Nam học
2152	165TDV400403	TRƯƠNG THỊ THU	HOÀI	07/03/1998	Nữ	Khá	Việt Nam học
2153	165TDV400371	LÊ THỊ NGỌC	LAN	12/08/1998	Nữ	Khá	Việt Nam học
2154	165TDV400431	ĐỖ VIỆT	LINH	19/10/1998	Nữ	Khá	Việt Nam học
2155	165TDV400633	PHAN THỊ MỸ	LINH	04/06/1997	Nữ	Khá	Việt Nam học
2156	165TDV400513	NGUYỄN THỊ	MINH	10/10/1996	Nữ	Khá	Việt Nam học
2157	165TDV400405	LÊ THỊ	NGA	20/09/1998	Nữ	Giỏi	Việt Nam học
2158	165TDV400461	NGUYỄN THỊ THỦY	NGÂN	30/04/1997	Nữ	Xuất sắc	Việt Nam học
2159	165TDV400432	ĐINH THỊ THÙY	NHI	24/03/1998	Nữ	Khá	Việt Nam học
2160	165TDV400500	TRẦN THỊ	NHI	15/06/1998	Nữ	Khá	Việt Nam học
2161	165TDV400440	NGUYỄN THỊ NGỌC	NHUNG	17/05/1998	Nữ	Xuất sắc	Việt Nam học
2162	165TDV400394	TRẦN THỊ	NINH	08/03/1998	Nữ	Giỏi	Việt Nam học
2163	165TDV400399	NGUYỄN THỊ	PHƯƠNG	10/10/1998	Nữ	Khá	Việt Nam học
2164	165TDV400422	NGUYỄN THỊ	SEN	02/06/1998	Nữ	Khá	Việt Nam học
2165	165TDV400458	ĐINH THỊ PHƯƠNG	THẢO	13/10/1998	Nữ	Khá	Việt Nam học
2166	165TDV400406	TRẦN THỊ	THẢO	19/02/1998	Nữ	Khá	Việt Nam học
2167	165TDV400445	ĐẶNG THỊ	THƯ	30/12/1998	Nữ	Khá	Việt Nam học
2168	165TDV400497	LÊ THỊ	THƯƠNG	04/04/1998	Nữ	Khá	Việt Nam học
2169	165TDV400539	PHẠM THỊ	THƯƠNG	08/01/1998	Nữ	Khá	Việt Nam học
2170	165TDV400400	NGUYỄN THỊ THANH	THÚY	10/07/1998	Nữ	Khá	Việt Nam học
2171	165TDV400466	ĐINH THỊ THANH	THỦY	08/09/1997	Nữ	Khá	Việt Nam học
2172	165TDV400382	BÙI THỊ	TRANG	24/10/1998	Nữ	Xuất sắc	Việt Nam học
2173	165TDV400437	NGUYỄN HỮU	TRUNG	21/05/1998	Nam	Khá	Việt Nam học
2174	165TDV400578	NGUYỄN TRỌNG	ƯỚC	20/03/1997	Nam	Khá	Việt Nam học
2175	165TDV400449	HOÀNG THỊ PHONG	VÂN	20/01/1998	Nữ	Khá	Việt Nam học
2176	165TDV400486	NGUYỄN QUANG	VINH	15/08/1997	Nam	Trung bình	Việt Nam học
2177	165TDV400566	NINH THỊ	YẾN	20/11/1998	Nữ	Giỏi	Việt Nam học
2178	145D2201130024	Phan Thanh	Lợi	26/06/1995	Nam	Khá	Việt Nam học
2179	155D2201130073	NGUYỄN VĂN	CHÍNH	25/05/1997	Nam	Khá	Việt Nam học

STT	Mã sinh viên	Họ đệm	Tên	Ngày sinh	Giới tính	Xếp loại TN	Ngành tốt nghiệp
2180	155D2201130014	NGUYỄN ĐÌNH	HẬU	12/09/1997	Nam	Trung bình	Việt Nam học
2181	155D2201130004	LƯƠNG THỊ NGỌC	TRÂM	15/04/1997	Nữ	Khá	Việt Nam học
2182	155D2201130066	NGUYỄN VĂN	KIỆN	11/03/1997	Nam	Khá	Việt Nam học
2183	155D2201130080	LÊ THỊ	PHƯỢNG	05/09/1997	Nữ	Khá	Việt Nam học

Danh sách có 2183 sinh viên tốt nghiệp./.